

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH



**BÁO CÁO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ BAN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

DDCI HÀ TĨNH 2023



Hà Tĩnh-2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

BÁO CÁO
CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ
BAN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
DDCI HÀ TĨNH 2023

Đại diện đơn vị tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN VÀ
CÔNG NGHỆ HẢI NAM
GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Duy

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	5
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	7
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI VÀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT, XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI NĂM 2023.....	8
1. Mục tiêu, ý nghĩa của bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2023	8
2. Tổng quan về các chỉ số thành phần, phương pháp và đối tượng khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2023	10
2.1 <i>Chỉ số thành phần trong khảo sát DDCI 2023</i>	10
2.2 <i>Đặc điểm của mẫu khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2023</i>	13
2.3 <i>Công thức tính điểm và xếp hạng DDCI Hà Tĩnh 2023</i>	15
2.4 <i>Phương pháp khảo sát và cách tính chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2023</i>	17
3. Tổng quan về doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia khảo sát chỉ số DDCI Hà Tĩnh năm 2023.....	19
CHƯƠNG II. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG	24
2.1. Xếp hạng DDCI 2023 khối địa phương.....	24
2.2. Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương.....	27
2.3. Chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương.....	30
2.4. Chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương.....	34
2.5. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương	36
2.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương.....	39
2.7. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của khối Địa phương.....	42
2.8. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối Địa phương	45
2.10. Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất khối Địa phương.....	51
CHƯƠNG III. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH	56
CẤP SỞ BAN NGÀNH	56
3.1. Xếp hạng DDCI 2023 Khối Sở Ban Ngành (SBN)	56
3.2. Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của hệ thống SBN.....	62
3.3. Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của Khối SBN.....	66
3.4. Chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN	70

3.5. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN	74
3.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Khối SBN	77
3.7. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của khối SBN	82
3.8. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN.....	86
3.9. Chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của khối SBN	90
3.10. Tổng hợp một số ý kiến của DN/HTX/HKD từ các đơn vị khảo sát SBN .	93
CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH.....	95
4.1. Nhận xét	95
4.2. Kiến nghị chính sách.....	102
PHỤ LỤC	108
Phụ lục 1. Danh sách các sở, ban, ngành trong DDCI Hà Tĩnh 2023	108
Phụ lục 2. Danh sách các huyện và thành phố trong DDCI Hà Tĩnh 2023	109
Phụ lục 3. Kết quả xếp hạng và chỉ số thành phần DDCI - Khối địa phương .	110
Phụ lục 4. Kết quả xếp hạng và chỉ số thành phần DDCI.....	114
khối Sở Ban Ngành	114
Phụ lục 5. Các chỉ số thành phần, tiêu chí và phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm.....	122

LỜI MỞ ĐẦU

Sau nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, các nghị quyết, chính sách đã được xây dựng và triển khai khá toàn diện năm 2023, trong bối cảnh tiếp tục có nhiều khó khăn nhưng Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả quan trọng, tích cực trên các lĩnh vực, tạo động lực bứt phá cho những năm còn lại của nhiệm kỳ. Năm 2023, với tốc độ tăng trưởng kinh tế 8,05%, Hà Tĩnh đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (cao hơn 3% so với mức tăng trưởng chung cả nước là 5,05%). Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Hà Tĩnh xếp thứ 18 cả nước với điểm số 67,18 (tăng 9 bậc so với năm trước) và tại khu vực Bắc Trung Bộ, Hà Tĩnh tiếp tục xếp thứ 2. Ngoài ra, Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp thứ 28; các chỉ số về hành chính khác đều duy trì trong nhóm đầu khu vực Bắc Trung Bộ và nhóm khá của cả nước. Hà Tĩnh là tỉnh thứ 2 hoàn thành cấp căn cước công dân, là một trong những tỉnh đầu tiên hoàn thành chỉ tiêu kích hoạt tài khoản định danh điện tử; xếp thứ 37/63 về chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) cấp tỉnh, xếp thứ 3 khu vực Bắc Trung Bộ. Có được kết quả như vậy phải kể đến vai trò, trách nhiệm điều hành của Tỉnh, các sở ban ngành và các UBND cấp huyện trong việc tăng cường cải thiện môi trường kinh doanh tỉnh Hà Tĩnh, nâng cao chỉ số PCI. Năm 2023 là năm triển khai quyết liệt Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về cải thiện môi trường kinh doanh, nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia. Điều này thể hiện quyết tâm của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Hà Tĩnh trong việc xây dựng một chính quyền kiến tạo, chủ động “*lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo cho chất lượng điều hành*”.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tỉnh Hà Tĩnh đã ra Quyết định số 190/QĐ-UBND về việc phê duyệt Bộ chỉ số Đánh giá năng lực cạnh tranh Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (viết tắt tiếng Anh là DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Bộ chỉ số DDCI là công cụ quan trọng để đánh giá sự nỗ lực trong điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền tỉnh Hà Tĩnh, tạo sự lan toả truyền thông mạnh mẽ về DDCI Hà Tĩnh, đồng thời trở thành điểm nhấn quan trọng trong nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo tinh thần “*Tiếng nói của Doanh nghiệp, trách nhiệm của Chính quyền*”.

Trong năm 2023, tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục triển khai hoạt động đánh giá năng lực điều hành cấp Sở ban ngành và Địa phương (DDCI). Báo cáo DDCI Hà Tĩnh năm 2023 do Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư Hà Tĩnh, thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hà Tĩnh chủ trì. Năm 2023 đánh dấu bước tiến quan trọng khi Tỉnh áp dụng chuyển đổi số trong việc khảo sát DDCI, chuyển từ phương thức khảo sát truyền thống bằng phiếu sang khảo sát trực tuyến. Điều này không chỉ đóng góp vào việc cải thiện chỉ số chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố hàng năm, mà còn là bước quan trọng trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, nền tảng Internet, và điện toán đám mây vào việc tiếp xúc không trực tiếp với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để đảm bảo kết quả khảo sát công khai, minh bạch và an toàn được cộng đồng doanh nghiệp, người dân tham gia khảo sát trực tuyến đánh giá tích cực.

Kết quả của cuộc khảo sát về DDCI tại tỉnh Hà Tĩnh một lần nữa khẳng định sự nhất quán trong chính sách quản lý kinh tế của chính quyền cấp huyện, sở, ban ngành. Đồng thời, kết quả cũng làm sáng tỏ một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục từ phía chính quyền cấp huyện, sở, ban ngành. DDCI giúp tất cả các đơn vị tham gia đánh giá, phân tích bức tranh chi tiết hơn về năng lực, kết quả và tác động của hoạt động điều hành kinh tế. Thông qua DDCI, tỉnh Hà Tĩnh chuyển thông điệp mạnh mẽ đến cộng đồng doanh nghiệp đến môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công khai và hướng tới sự phát triển doanh nghiệp bền vững.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ban Quản lý KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
BHXH	Bảo hiểm xã hội
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã
DN	Doanh nghiệp
HKD	Hộ Kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
SBN	Sở, Ban, Ngành
Sở GTVT	Sở Giao thông Vận tải
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ
Sở TTTT	Sở Thông tin và Truyền thông
Sở LĐ, TB&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
TTPVHCC	Trung tâm phục vụ hành chính công
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI VÀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT, XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI NĂM 2023

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của Hà Tĩnh cho thấy sự cải thiện rõ rệt khi Hà Tĩnh đứng thứ 18 toàn quốc, tăng 2,31 điểm (tăng 9 bậc). Đây là kết quả của quá trình kiên trì thực hiện những giải pháp tháo gỡ các “điểm nghẽn”, xây dựng môi trường đầu tư năng động, hấp dẫn. Năm 2023 được xem là năm mà cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp Hà Tĩnh nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức trong và ngoài nước như hậu Đại dịch COVID-19, căng thẳng Nga-Ukraine, khủng hoảng năng lượng, bất ổn tài chính - ngân hàng, lạm phát tăng cao và sự sụt giảm nhu cầu tiêu dùng toàn cầu. Để khắc phục những khó khăn đó, tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều hành động quyết liệt nhằm ổn định kinh tế-xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh. Những thành tựu này không thể không đề cập đến sự đóng góp quan trọng từ phía khối doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ kinh doanh. Đây chính là nhóm chiếm tỷ lệ lớn trong cơ sở sản xuất kinh doanh tại tỉnh Hà Tĩnh, góp phần quan trọng vào việc đạt được những kết quả đáng kể của toàn Tỉnh.

Việc tăng hạng, điểm của PCI cho thấy tỉnh Hà Tĩnh đã làm rất tốt công tác điều hành. Bên cạnh những điểm tích cực đạt được, tỉnh cần duy trì thứ hạng và phát huy hơn nữa những điểm mạnh, từ đó đòi hỏi các ngành, các cấp cần phải phấn đấu nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh trong thời gian tới. Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 05/04/2023 về Khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh của sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) năm 2023. Việc thực hiện chỉ số DDCI tỉnh Hà Tĩnh được xem là động lực quan trọng để tăng năng lực cạnh tranh của Tỉnh. Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp qua bộ chỉ số DDCI sẽ là thông tin đầu vào quan trọng để chính quyền các cấp của tỉnh Hà Tĩnh triển khai các chương trình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong giai đoạn 2023-2025. Đồng thời, cũng là cơ sở giúp lãnh đạo tỉnh xác định các điểm nghẽn trong công tác chỉ đạo điều hành; qua đó tập trung giải quyết các nút thắt về thể chế hiệu quả, góp phần thúc đẩy Hà Tĩnh bứt phá trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư những năm tiếp theo.

1. Mục tiêu, ý nghĩa của bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2023

DDCI (viết tắt của Department and District Competitiveness Index) là Bộ chỉ số đánh giá năng lực cấp Sở, ban, ngành và Địa phương thuộc Tỉnh. Khảo sát DDCI để nắm bắt được mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh trên cơ sở đó nghiên cứu giải pháp nhằm: (i) nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh hàng năm; (ii) khắc phục những hạn chế, tồn tại của những lĩnh vực được khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy các tỉnh trong top đầu về PCI đều đã triển khai thành công bộ chỉ số DDCI trong nhiều năm qua và góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng bậc xếp hạng của PCI qua các năm.

DDCI cho thấy những khác biệt về năng lực điều hành kinh tế của cấp Sở ban ngành và Địa phương. Mỗi chỉ số thành phần được xây dựng từ nhiều chỉ tiêu thành phần, được quy ra các điểm số có sự tương đồng để so sánh giữa các Sở ban ngành và Địa phương trong lĩnh vực liên quan. Mỗi chỉ tiêu thành phần được chuẩn hóa theo thang điểm 10, đơn vị có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 10, đơn vị có thực tiễn kém nhất tương ứng với điểm 1; các đơn vị còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 1 và 10. Giá trị cao nhất và thấp nhất sẽ được cập nhật theo khoảng thời gian khảo sát.

Bộ chỉ số DDCI được xây dựng và vận hành dựa trên các nguyên tắc và phương pháp tương tự Bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh (PCI) do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ (USAID) triển khai. Hầu hết Bộ chỉ số DDCI của các tỉnh bao gồm các chỉ số thành phần cho khối Sở ban ngành và các chỉ số thành phần cho khối Địa phương, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động đến sự phát triển của khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Phương pháp luận DDCI về cơ bản tương tự như phương pháp luận PCI. Chỉ số DDCI được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin từ dữ liệu điều tra; (ii) Tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa trên thang điểm 10; và (iii) Gán trọng số và tính điểm số DDCI tổng hợp gồm điểm trung bình có trọng số của các chỉ số thành phần trên thang điểm tối đa 100.

Mục tiêu của DDCI nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm điều hành các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã để thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh tỉnh Hà Tĩnh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Mục tiêu cụ thể bao gồm:

- Tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh;
- Nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.
- Tạo sự cạnh tranh, thi đua và đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;
- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, doanh nghiệp được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ máy sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;
- Trên cơ sở kết quả DDCI, nghiên cứu giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm tiếp theo.

2. Tổng quan về các chỉ số thành phần, phương pháp và đối tượng khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2023

2.1 Chỉ số thành phần trong khảo sát DDCI 2023

DDCI là khảo sát 2 trong 1, bao gồm hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối Sở ban ngành và hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối địa phương. Căn cứ Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 05/04/2023 về triển khai Khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh của sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) năm 2023. Hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối Sở, ban, ngành gồm 08 chỉ số thành phần. Hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối địa phương có 09 chỉ số thành phần. Bên cạnh đó, nội dung tiêu chí của một số chỉ số thành phần cũng có sự thay đổi cho phù hợp bên cạnh kế thừa Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đơn vị tư vấn đề xuất cụ thể như sau:

Có 9 chỉ số thành phần để đánh giá Sở, ban, ngành và địa phương bao gồm:

1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin:

Tính minh bạch thông tin đề cập tới khả năng các đối tượng kinh doanh có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của huyện, thành phố, thị xã, sở, ban, ngành cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch. Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin từ Website của cơ quan nhà nước.

2) Tính năng động và hiệu lực của hệ thống SBN, chính quyền Địa phương:

Các sở, ban, ngành là cơ quan chính thực hiện việc tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp về phát triển, hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh. Mỗi sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phải tham mưu đảm bảo đúng quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Chỉ số này sẽ đề cập đến mức độ chủ động, kịp thời và phù hợp trong việc tham mưu cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp cho tỉnh trong mỗi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành. Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ đề xuất, tham mưu các chính sách, quy định cho tỉnh nhằm hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh của cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá về tính phù hợp, hiệu quả, thiết thực của các chính sách, quy định hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh do cơ quan nhà nước tham mưu cho tỉnh.

3) Chi phí thời gian:

Thời gian thực hiện công việc, thủ tục hành chính cũng là vấn đề còn nhiều tồn tại, bất cập gây khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi muốn giải quyết các công việc, thủ tục hành chính. Thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính là thời gian từ khi đối tượng kinh doanh có đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính. Chỉ số thành phần này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định.

4) Chi phí không chính thức:

Chi phí không chính thức là những khoản chi ngoài quy định mà các đối tượng kinh doanh phải đưa ra cho các cán bộ nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn. Biếu tiền, mời tiệc chiêu đãi, lại quà hợp đồng, bồi dưỡng cho cán bộ... là những hình thức khác nhau của chi phí không chính thức. Do vậy, chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí không chính thức mà các tổ chức kinh doanh phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi và liệu các cán bộ nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không. Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ phải trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước so với doanh thu của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (2) Đánh giá về ảnh hưởng, tác động của chi phí không chính thức đến kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

5) Cạnh tranh bình đẳng:

Chỉ số này đánh giá về việc đối xử công bằng của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố đối với các đối tượng kinh doanh, bao gồm sự công bằng giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, FDI, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp có liên kết (“thân hữu”) cũng như mức độ quan tâm tới doanh nghiệp tư nhân. Việc xây dựng chỉ số cạnh tranh bình đẳng trong chỉ số DDCI sẽ góp phần phản ánh đầy đủ và hoàn thiện các khía cạnh thay đổi mà doanh nghiệp đề cập. Đồng thời thể hiện được các hình thức ưu đãi, gây mất bình đẳng đối với các doanh nghiệp trong sân chơi kinh doanh. Điều này góp phần tăng cường tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì một nền kinh tế cạnh tranh bình đẳng hơn trong thời gian tới. Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ xuất hiện của các doanh nghiệp thân hữu với cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá về sự đối xử công bằng của cơ quan nhà nước đối với tất cả các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

6) Hoạt động hỗ trợ DN/HTX/HKD:

Chỉ số này đề cập đến vấn đề hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ở tất cả mọi lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành; các huyện, thành phố dưới nhiều hình thức khác nhau như: hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành

chính, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông, lao động, các chương trình khuyến công, khuyến nông, chương trình khuyến khích sản xuất lớn, chương trình đào tạo khởi sự doanh nghiệp, chương trình xúc tiến thương mại... Mục đích cuối cùng là tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phát triển tốt nhất và thu hút đầu tư vào tỉnh.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về chất lượng các chương trình hỗ trợ do cơ quan nhà nước thực hiện; (2) Đánh giá việc xây dựng/ thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vượt qua khó khăn

7) Thiết chế pháp lý:

Chỉ số này đo lường lòng tin của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với cơ quan nhà nước trong việc sử dụng các thiết chế pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể yêu cầu xử lý những hành vi những nhiễu của cán bộ công quyền, tránh các hành vi lợi dụng hoặc không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật để gây những nhiễu, khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi giải quyết các công việc, thủ tục hành chính. Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về việc xử lý các cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiễu; (2) Đánh giá về việc tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

8) Vai trò của người đứng đầu sở, ban, ngành và địa phương:

Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thành phố có thể nhìn nhận dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau. Lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thành phố là người đưa ra hoặc tập hợp các sáng kiến về phát triển kinh tế thuộc lĩnh vực, địa phương mình phụ trách thông qua các chương trình, dự án cụ thể. Lãnh đạo cũng có thể vận dụng linh hoạt các chính sách, quy định của Trung ương, của tỉnh trong phạm vi cho phép để tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các đối tượng kinh doanh. Mức độ thành công của người lãnh đạo trong thực hiện có thể được đánh giá bởi dư luận và bản thân các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về sự mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách... của cơ quan nhà nước cấp trên; (2) Đánh giá về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương, sở, ban, ngành.

9) Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất:

Chỉ số về tiếp cận đất đai được lựa chọn là một chỉ số thành phần trong những chỉ số đánh giá năng lực quản lý ở cấp huyện, thành phố để nhằm so sánh, đánh giá về mức độ thuận lợi, dễ dàng trong việc tiếp cận đất đai, mặt bằng để tiến hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại từng địa phương. Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về khả năng tiếp cận mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (2) Đánh giá về sự phù hợp của

giá đất theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn và sự ổn định trong sử dụng đất của DN/HTX/HKD.

Ngoài ra, trong DDCI 2023 Hà Tĩnh đã bổ sung chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin thử nghiệm khảo sát, không đưa vào đánh giá chung của tổng điểm thành phần của bộ chỉ số. Chỉ số này đo lường mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cũng như cung cấp thông tin, tài liệu qua cổng thông tin điện tử của đơn vị được đánh giá. Từ đó, đánh giá về mức độ triển khai các dịch vụ công trực tuyến và chính quyền điện tử.

2.2 Đặc điểm của mẫu khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2023

Chỉ số năng lực cạnh tranh khối địa phương và khối Sở, Ban, Ngành gồm hai nội dung chính: (1) năng lực cạnh tranh khối địa phương và (2) năng lực cạnh tranh khối Sở, Ban, Ngành.

Khảo sát DDCI Hà Tĩnh đã thu về 1065 phiếu khảo sát hợp lệ thông qua trực tuyến.

Mẫu khảo sát DDCI 2023 Hà Tĩnh được lựa chọn theo phương pháp mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Cơ sở dữ liệu cho mẫu khảo sát bao gồm: (1) Mẫu khảo sát DDCI khối địa phương và (2) Mẫu khảo sát DDCI khối sở ban ngành.

2.2.1 Mẫu khảo sát DDCI khối địa phương

Phương pháp chọn mẫu DDCI khối địa phương đã được cân nhắc đến sự khác biệt về địa lý, tình hình kinh tế xã hội, đặc trưng của địa phương. Do đó, phương pháp chọn mẫu dựa trên mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỷ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh...

Tổng số lượng mẫu khối địa phương Hà Tĩnh năm 2023 bao gồm 13 thành phố, huyện, thị xã với số phiếu hợp lệ thu về 430 phiếu/1065 phiếu hợp lệ, cụ thể như sau:

STT	Tên Thành phố, Huyện, Thị xã	Số phiếu trả lời
1	Thị xã Hồng Lĩnh	61
2	Thành phố Hà Tĩnh	53
3	Huyện Hương Khê	28
4	Huyện Thạch Hà	31
5	Thị xã Kỳ Anh	28
6	Huyện Kỳ Anh	34
7	Huyện Đức Thọ	30
8	Huyện Can Lộc	31
9	Huyện Hương Sơn	27
10	Huyện Cẩm Xuyên	30
11	Huyện Nghi Xuân	27

12	Huyện Lộc Hà	25
13	Huyện Vũ Quang	25
Tổng		430

2.2.2 Mẫu khảo sát DDCI khối Sở, Ban, Ngành

Với khối Sở, ban, ngành thì phương pháp được sử dụng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có tương tác với Sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có quan tâm, hiểu biết về sở ban ngành và đánh giá từ các Hội, Hiệp hội, chi hội... đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hội viên có hiểu biết, tương tác với Sở ban ngành). Đối với một số sở, ban, ngành có ít doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tương tác sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu toàn bộ danh sách mà sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm mẫu dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về sở, ban, ngành đó. Đồng thời để cân đối tỷ lệ phân bổ mẫu giữa các sở, ban, ngành, việc chọn mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với sở, ban, ngành có số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tương tác lớn (cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan...) cho phù hợp.

Tổng số lượng mẫu khối sở, ngành và cơ quan cấp tỉnh chính năm 2023 bao gồm 24 Sở, ban, ngành và cơ quan cấp tỉnh với số phiếu hợp lệ thu về là 635 phiếu/1065 phiếu hợp lệ và phân bổ cụ thể:

STT	Tên Sở, ban ngành, cơ quan cấp Tỉnh	Số phiếu trả lời
1	Cục Hải quan tỉnh	22
2	Sở Tài chính	25
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	25
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	26
6	Sở Khoa học và Công nghệ	23
7	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	24
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25
9	Sở Giao thông vận tải	25
10	Ngân hàng nhà nước tỉnh	25
11	Sở Công thương	22
12	Sở Tư pháp	25
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32
14	Sở Thông tin và Truyền thông	28
15	Sở Xây dựng	25

16	Công an tỉnh	24
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	29
18	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	23
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	39
20	Sở Y tế	25
21	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	24
22	Cục Thuế tỉnh	27
23	Bảo hiểm xã hội tỉnh	40
24	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh	24
Tổng		635

2.3 Công thức tính điểm và xếp hạng DDCI Hà Tĩnh 2023

2.3.1 Tính điểm các tiêu chí

Điểm số các chỉ số thành phần được xây dựng dựa trên cơ sở tính toán điểm số các tiêu chí. Theo đó các tiêu chí sau khi thu thập, sẽ được chuẩn hóa theo thang điểm 10 (điểm tối đa là 10 và điểm tối thiểu là 1). Những đánh giá còn lại nằm giữa được quy về điểm số tương ứng trong khoảng điểm còn lại. Đối với khảo sát DDCI 2023 các tiêu chí đều là tiêu chí thuận (tức là điểm tiêu chí càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt). Công thức chuẩn hóa điểm số các tiêu chí như sau:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị } Z = 1 + 9 * \frac{X - \min}{\max - \min}$$

Trong đó:

- + X là giá trị của đơn vị Z.
- + Min: Điểm thấp nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.
- + Max: Điểm cao nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.

Ví dụ: Tiêu chí % doanh nghiệp hài lòng về thái độ, ứng xử của cán bộ tại bộ phận một cửa. Đây là tiêu chí thuận, giá trị của đơn vị Z là 40%; đơn vị tốt nhất tại tiêu chí này đạt 60%; đơn vị thấp nhất là 17%. Theo đó, điểm quy chuẩn của đơn vị Z ở tiêu chí này đạt: $1+9*(40-17)/(60-17) = 5,81$ điểm. Đơn vị đạt điểm cao nhất (trong trường hợp này là 60%) được 10 điểm; đơn vị đạt điểm thấp nhất (trong trường hợp này là 17%) chỉ được 1 điểm.

2.3.2 Tính điểm chỉ số thành phần

Công thức chuẩn hóa điểm số các chỉ số thành phần (điểm tối đa là 10 và điểm tối thiểu là 1):

Chỉ số thành phần = Trung bình cộng điểm các tiêu chí trong chỉ số thành phần. Ví dụ: Chỉ số thành phần Văn hoá giao tiếp, cơ sở vật chất của đơn vị Z gồm 04 tiêu chí với điểm số: TC1 = 4,23 điểm; TC2 = 5,51 điểm; TC3 = 6,99 điểm; TC4 = 4,25 điểm. Điểm số chỉ số thành phần = $(4,23 + 5,51 + 6,99 + 4,25)/4 = 5.25$ điểm

2.3.3 Tính điểm DDCI (có gắn trọng số)

Chỉ số DDCI được xác định thông qua tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa theo thang điểm 100 (điểm tối đa là 100 và điểm tối thiểu là 1); gắn trọng số và tính điểm DDCI tổng hợp gồm điểm có trọng số của các chỉ số thành phần. Việc xếp loại DDCI được quy định cụ thể theo phương pháp tính của từng năm tùy theo yêu cầu, mục đích khảo sát, đánh giá của từng năm.

Các trọng số thể hiện mức đóng góp và tầm quan trọng của từng chỉ số thành phần đối với sự phát triển của khu vực tư nhân. Các trọng số được xác định dựa trên việc tham khảo các trọng số của các chỉ số trong PCI và đánh giá chủ quan về thứ tự ưu tiên của các chỉ số trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Các trọng số này được làm tròn và chia thành các mức (10%; 15%; 20%). Theo đó, những chỉ số thành phần nào có tác động lớn nhất đến việc điều hành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được trọng số cao hơn.

Trọng số của các chỉ số thành phần như sau:

- Khối Địa phương:

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10%
2	Tính năng động và hiệu lực	15%
3	Chi phí thời gian	10%
4	Chi phí không chính thức	10%
5	Cạnh tranh bình đẳng	10%
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	10%
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	10%
8	Vai trò người đứng đầu	15%
9	Tiếp cận đất đai	10%

- Khối các sở, ban, ngành

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10%
2	Tính năng động và hiệu lực	15%
3	Chi phí thời gian	10%
4	Chi phí không chính thức	10%
5	Cạnh tranh bình đẳng	10%
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	15%
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	10%
8	Vai trò người đứng đầu	20%

Công thức tính điểm DDCI (có gắn trọng số):

Điểm số DDCI (có trọng số) = (Chỉ số 1 x trọng số % + Chỉ số 2 x trọng số % + ... + Chỉ số 09 x trọng số %) x 09

Ví dụ: DDCI của đơn vị Z = (5,27 x 20% + 6,33 x 15% + 7,52 x 15% + 5,14 x 10% + 9,22 x 10% + 8,21 x 10% + 6,27 x 5% + 7,66 x 5% + 4,28 x 10%) x 09 = 65,96 điểm

2.3.4 Xếp hạng Chỉ số DDCI

Xếp hạng DDCI của các đơn vị căn cứ theo điểm số từ cao xuống thấp. Đơn vị nào có điểm số cao xếp trên, điểm số thấp xếp dưới trong bảng xếp hạng. Điểm số DDCI là cơ sở để xác định mức xếp hạng đối với cơ quan, đơn vị. Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ được xếp hạng khi có tối thiểu từ 20 phiếu hợp lệ trả lời về cơ quan, đơn vị. Nếu cơ quan, đơn vị được khảo sát có dưới 20 phiếu hợp lệ trả lời thì không tiến hành xếp hạng cơ quan, đơn vị đó.

Mức xếp hạng

STT	Mức xếp hạng	Điểm số DDCI đạt được (Thang điểm 100)
1	Rất Tốt	DDCI \geq 80 điểm
2	Tốt	70 điểm \leq DDCI < 80 điểm
3	Khá	60 điểm \leq DDCI < 70 điểm
4	Trung bình	50 điểm \leq DDCI < 60 điểm
5	Tương đối thấp	30 điểm \leq DDCI < 50 điểm
6	Rất thấp	DDCI < 30 điểm

Trong trường hợp các cơ quan, đơn vị trong nhóm xếp hạng có điểm số DDCI bằng nhau thì sẽ dùng điểm chỉ số thành phần theo thứ tự ưu tiên chỉ số thành phần có trọng số cao hơn để xếp hạng. Các cơ quan, đơn vị điểm chỉ số thành phần có trọng số lớn nhất cao hơn sẽ xếp hạng bên trên

2.4 Phương pháp khảo sát và cách tính chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2023

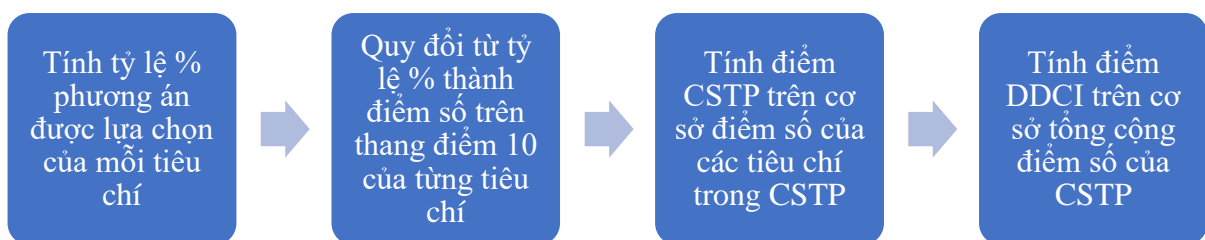
Khảo sát DDCI được thực hiện hoàn toàn tự động trên hệ thống khảo sát trực tuyến: ddci.hatinh.vn, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai khảo sát DDCI. Phiếu khảo sát được đăng tải trên hệ thống để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truy cập và trả lời trực tuyến. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi được lựa chọn là mẫu khảo sát sẽ được cấp riêng một mã khảo sát của đơn vị mình và mời tham gia khảo sát thông qua hệ thống tin nhắn, cuộc gọi tự động hoặc Đơn vị tư vấn trực tiếp gọi điện mời và hướng dẫn đối tượng tham gia khảo sát. Sau khi khảo sát xong, hệ thống khảo sát trực tuyến tự động tính toán và tổng hợp kết quả khảo sát, không có sự can thiệp của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong việc tổng hợp kết quả khảo sát. Kết quả khảo sát hoàn toàn được tổng hợp từ chính phiếu khảo sát do các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã trả lời và gửi trên hệ thống khảo sát trực tuyến. Kết quả khảo sát chỉ số

DDCI năm 2023 được kết xuất từ hệ thống khảo sát trực tuyến, qua đó quá trình tổ chức triển khai khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát đảm bảo an toàn, bảo mật, khách quan và chính xác.

Về cách tính điểm chỉ số DDCI, phương pháp tổng hợp điểm kết quả khảo sát và xếp hạng DDCI được áp dụng theo phương pháp tổng hợp điểm của chỉ số PCI. Phương pháp tính điểm này sẽ giúp tạo sự phân hoá về điểm số rõ nét hơn giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng, qua đó có thể nhìn nhận được những kết quả trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà mỗi đơn vị đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra được những mặt còn tồn tại, hạn chế cần cải thiện. Chính vì vậy, với cách tính điểm này, khoảng cách điểm số giữa vị trí đầu bảng và cuối bảng có thể chênh lệch lớn.

Điểm số DDCI năm 2023 được tính dựa trên áp dụng công thức quy đổi điểm số các tiêu chí trong mỗi chỉ số thành phần từ tỷ lệ % thành điểm số trên thang điểm 10. Đây là công thức chuẩn đang được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sử dụng để tính điểm chỉ số PCI. Công thức quy đổi điểm sẽ đánh giá đối với các đơn vị có tỷ lệ % cao nhất sẽ đạt điểm tuyệt đối (10 điểm); các đơn vị có tỷ lệ % thấp nhất sẽ đạt điểm thấp nhất (1 điểm); các đơn vị khác trong nhóm xếp hạng sẽ được xếp điểm tương ứng với tỷ lệ % từ cao xuống thấp. Mỗi đơn vị khi tham gia khảo sát sẽ được đánh giá dựa trên chỉ số thành phần tương ứng với các tiêu chí (câu hỏi). Mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được thiết kế theo hình thức trả lời trắc nghiệm lựa chọn phương án. Tỷ lệ % lựa chọn phương án của mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được dùng để quy thành điểm số trên thang điểm 10 của từng tiêu chí. Các tiêu chí sẽ được tổng hợp điểm thành điểm của chỉ số thành phần. Từ điểm của các chỉ số thành phần tổng cộng thành điểm DDCI của mỗi đơn vị, cụ thể quy trình như sau:

Hình 1. 1. Quy trình tổng hợp điểm DDCI năm 2023



Ví dụ về tính điểm chỉ số Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính của các địa phương như sau:

Bảng 1.1. Ví dụ về chuẩn hoá điểm số theo thang điểm 10

Tên đơn vị	DN/HTX/HKD có thể giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu được không? (A. Luôn luôn; B. Thường xuyên; C. thỉnh thoảng; D. Không bao giờ)	
	Tỷ lệ%	Điểm số
I	93,15	10
II	88,51	8,4
III	89,58	8,77
IV	85,45	7,34
V	84,21	6,91
VI	87,25	7,96
VII	67,11	1
Cao nhất	93,15	10
Thấp nhất	67,11	1
Trung vị	80,13	5,5

Như vậy có thể hiểu đơn vị I có 93,15% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cho rằng công việc, thủ tục hành chính luôn được giải quyết sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn; 93,15% cho rằng có thể luôn luôn hoặc thường xuyên giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích. Từ tỷ lệ % phương án của mỗi tiêu chí được lựa chọn, sẽ áp dụng công thức để chuẩn hoá điểm theo hệ số 10 như sau:

$$\text{Điểm chuẩn hoá} = 9 * \frac{\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất}}{\text{Điểm lớn nhất} - \text{Điểm nhỏ nhất}} + 1$$

Ví dụ về điểm chuẩn hoá của đơn vị II trong Bảng 1.1 $= 9 * \frac{88,51 - 67,11}{93,15 - 67,11} + 1 = 8,4$

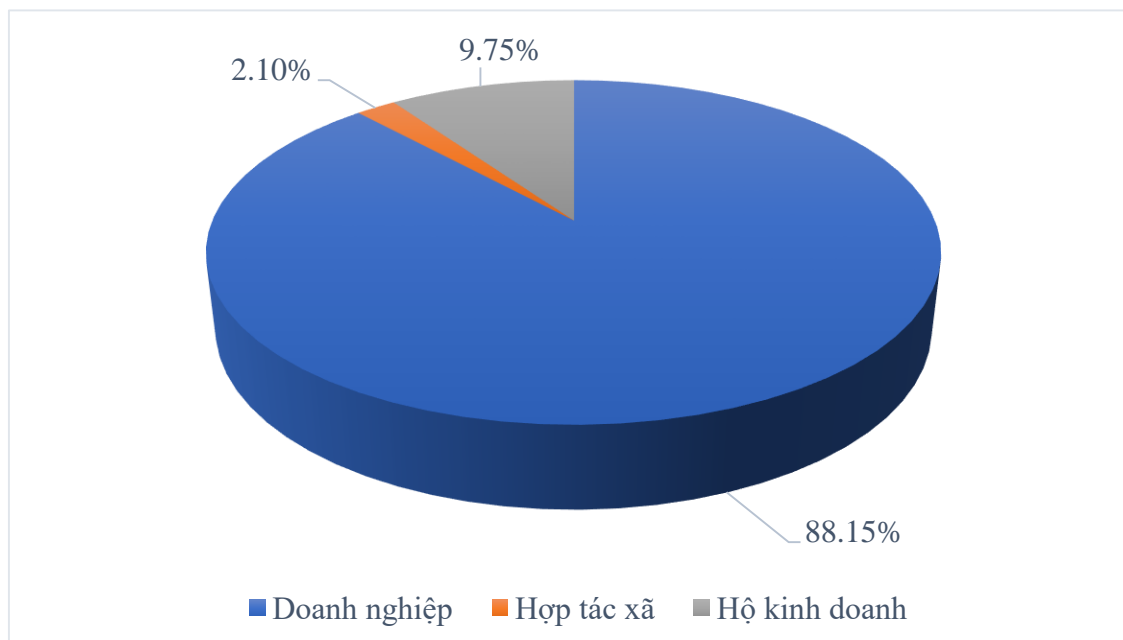
3. Tổng quan về doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia khảo sát chỉ số DDCI Hà Tĩnh năm 2023

Khảo sát DDCI dựa trên ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, ngành nghề kinh doanh đang đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Mẫu khảo sát DDCI được lấy từ danh sách đã được xác minh, sử dụng kết hợp phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên theo danh sách do các Sở, Ban, Ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

Đối với DDCI Hà Tĩnh 2023, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi được lựa chọn là mẫu khảo sát sẽ được cấp riêng một mã khảo sát của đơn vị mình và mời tham gia khảo sát trên hệ thống. Khi đó, doanh nghiệp, hợp tác xã hay hộ kinh doanh có thể sử dụng mã khảo sát này để đánh giá chung cho cả chính quyền địa phương và Sở Ban Ngành. Chính vì vậy, cơ cấu mẫu sẽ được chia theo địa phương để làm căn cứ chọn

doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Căn cứ vào số lượng doanh nghiệp khảo sát trong DDCI Hà Tĩnh 2023, cơ cấu và số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên toàn tỉnh Hà Tĩnh, và tỷ lệ phần trăm phân bổ từ các năm trước, cơ cấu mẫu được phân bổ theo địa phương như sau:

Hình 1.2. Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát trong DDCI Hà Tĩnh 2023

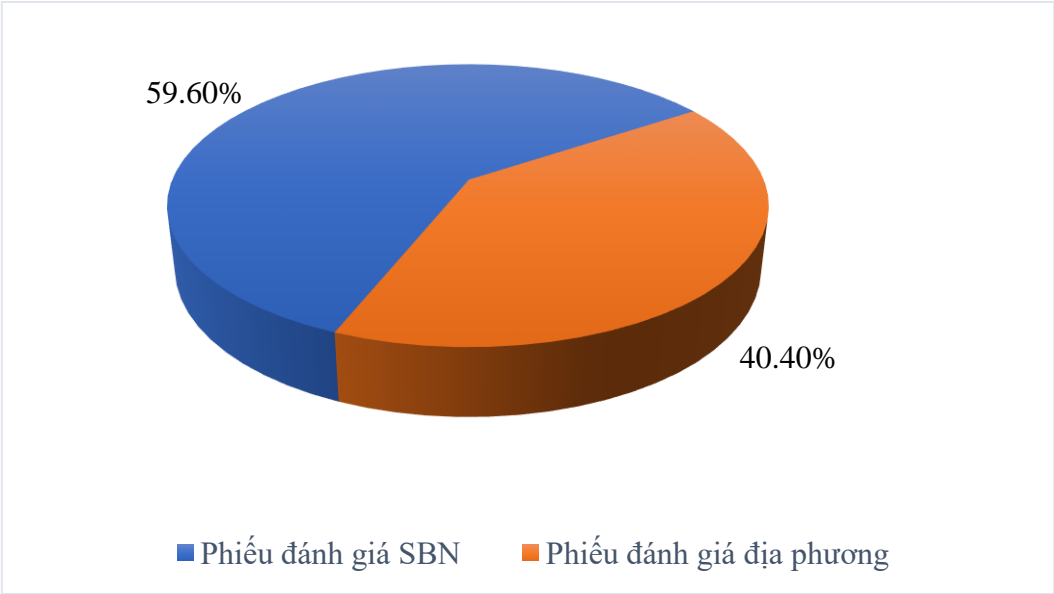


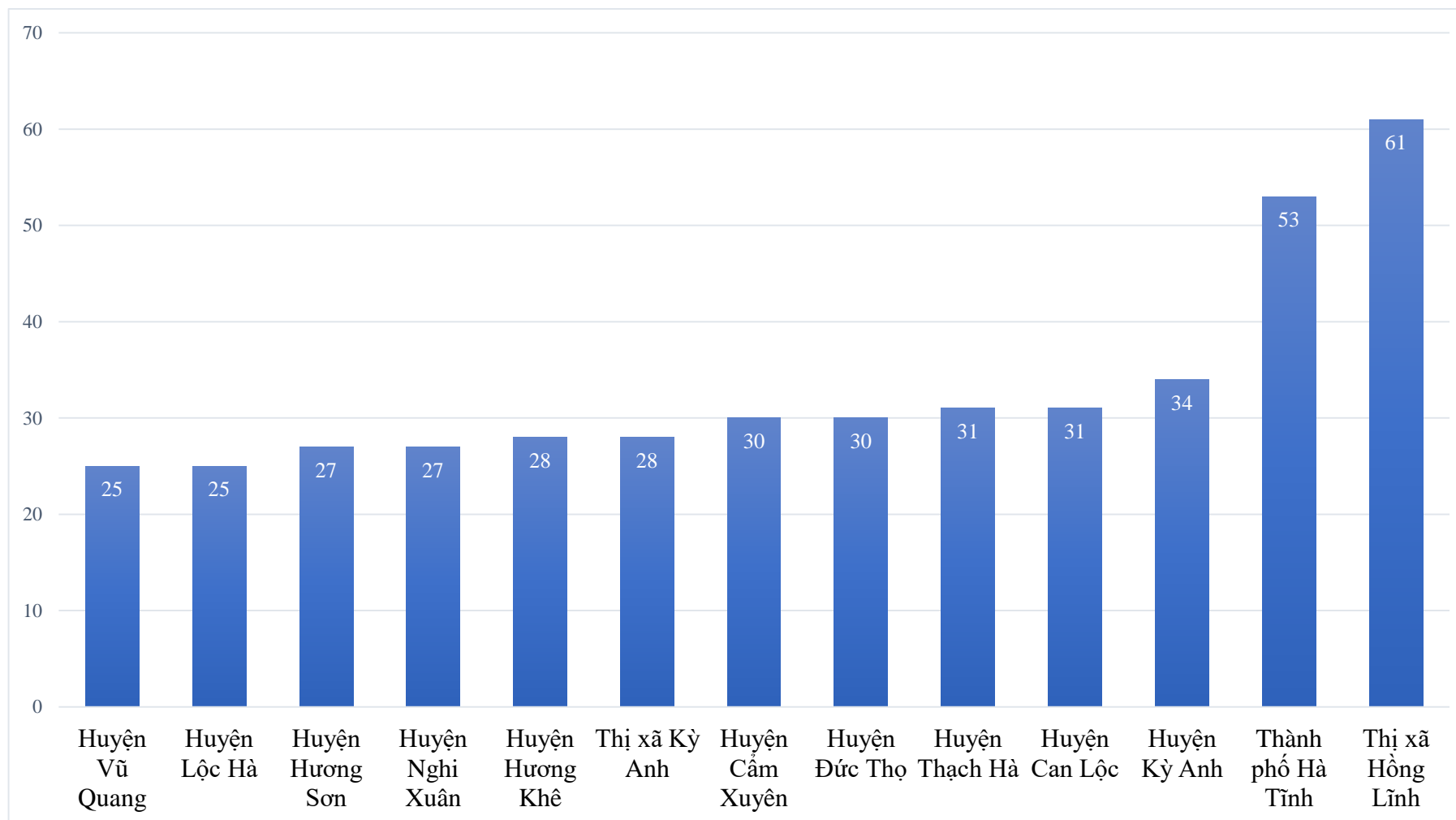
Sau thời gian triển khai, trên cơ sở doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia khảo sát từ các địa phương, DDCI Hà Tĩnh 2023 đã có 1065 lượt phản hồi, cao hơn 60 phiếu so với khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2021, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra. Với đặc thù thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động hành chính công, khảo sát DDCI Hà Tĩnh năm 2023 sử dụng công nghệ khảo sát trực tuyến, mỗi doanh nghiệp, HTX hay Hộ kinh doanh cùng đánh giá SBN và địa phương tương ứng với cùng mã đăng ký, do vậy với 1065 phiếu trực tuyến, trong đó có 635 phiếu đánh giá SBN và 430 phiếu đánh giá các địa phương của tỉnh Hà Tĩnh. Kết quả Hình 1.3 cho thấy số phiếu hồi đáp cho đợt khảo sát DDCI 2023. So với DDCI Hà Tĩnh 2021, trong DDCI Hà Tĩnh 2023 đa số tập trung vào đánh giá các sở, ban, ngành (59.6%), trong khi đó tỷ lệ này chỉ là 45,3% trong DDCI 2021.

Bảng 1.2. Số phiếu hồi đáp DDCI Hà Tĩnh 2023

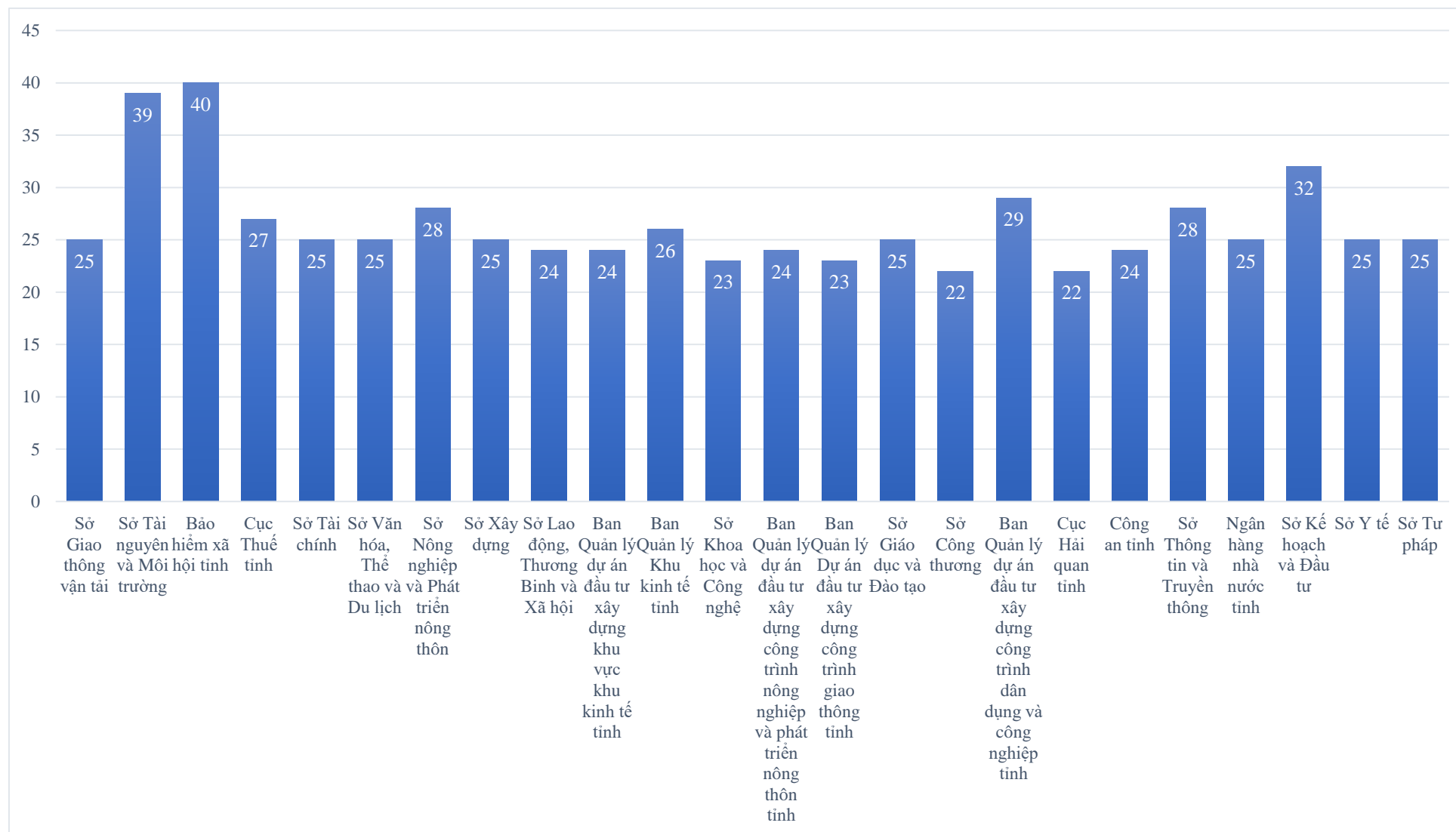
	Tổng số phiếu khảo sát
Số DN/HTX/HKD tham gia khảo sát	2000
Số phiếu thu về hợp lệ	1065

Hình 1.3. Cơ cấu phiếu đánh giá Sở, ban, ngành và Địa phương trong DDCI Hà Tĩnh 2023



Hình 1.4. Tổng số lượt đánh giá của khối Địa phương

Hình 1.5. Tổng số lượt đánh giá của Khối Sở, Ban, ngành



CHƯƠNG II. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

2.1. Xếp hạng DDCI 2023 khối địa phương

Chỉ số DDCI khối địa phương là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu suất và năng lực cạnh tranh của các địa phương trong quản lý và phát triển kinh tế. Đây là một công cụ đánh giá chất lượng của môi trường kinh doanh và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với doanh nghiệp. Chỉ số DDCI 2023 của Hà Tĩnh bao gồm 9 chỉ tiêu chính để đưa vào đánh giá, phân loại 13 địa phương thuộc địa bàn Tỉnh: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động của Chính quyền địa phương; (3) Chi phí thời gian; (4) Chi phí không chính thức; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hỗ trợ kinh doanh; (7) Thiết chế pháp lý; (8) Tính năng động và vai trò của người đứng đầu; (9) Tiếp cận đất đai và ổn định và 01 chỉ tiêu thử nghiệm (chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin) không đánh giá.

Với thang điểm tối đa là 100, điểm tổng hợp chỉ số Năng lực cạnh tranh khối địa phương Hà Tĩnh năm 2023 và thứ hạng tương ứng của các Huyện, Thành phố, thị xã sẽ được trình bày rõ ở Hình 2.1 và Bảng 2.1. Cụ thể như sau:

- Nhóm “Rất tốt” là những địa phương có điểm số từ 80 điểm trở lên, bao gồm các địa phương: Thị xã Hồng Lĩnh, Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Hương Khê.
- Nhóm “Tốt” là những địa phương có điểm số từ 70 tới dưới 80, bao gồm: Huyện Thạch Hà, Thị xã Kỳ Anh, Huyện Kỳ Anh, Huyện Đức Thọ, Huyện Can Lộc.
- Nhóm “Khá” là những địa phương có điểm số từ 60 tới dưới 70, bao gồm: Huyện Hương Sơn, Huyện Cẩm Xuyên.
- Nhóm “Trung bình” là những địa phương có điểm số từ 50 tới dưới 60, bao gồm: Huyện Nghi Xuân, Huyện Lộc Hà.
- Nhóm “Tương đối thấp” là địa phương Huyện Vũ Quang với 40 điểm.

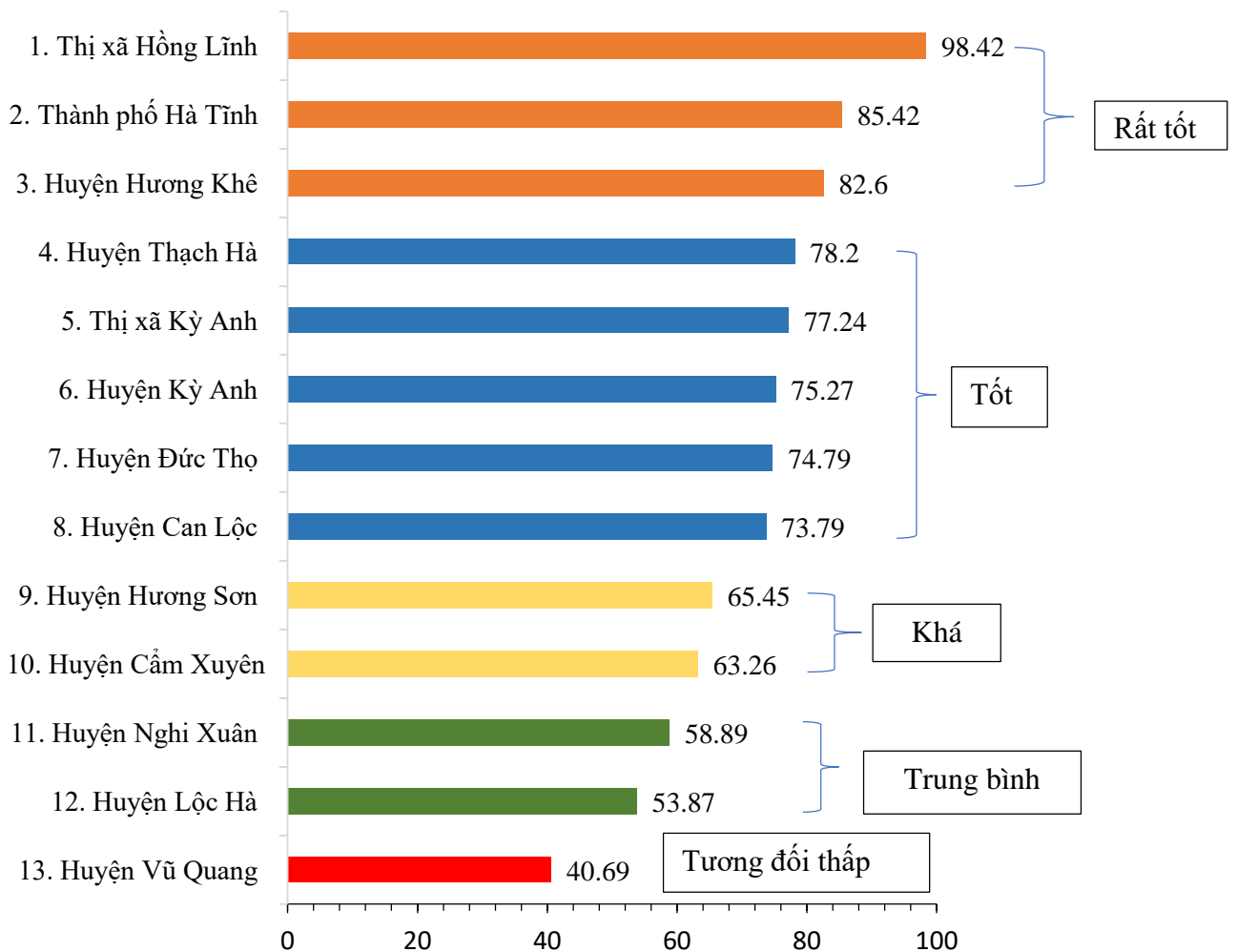
Việc theo dõi và đánh giá chỉ số DDCI khối địa phương giúp xác định những điểm mạnh và yếu của từng địa phương, từ đó chính quyền có thể áp dụng các biện pháp cải thiện và điều chỉnh chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, thông tin từ chỉ số DDCI giúp họ đưa ra quyết định đầu tư và phát triển kinh doanh dựa trên mức độ hỗ trợ và thuận lợi từ môi trường kinh doanh địa phương.

Phương pháp tổng hợp điểm kết quả khảo sát và xếp hạng DDCI được áp dụng theo phương pháp tổng hợp điểm của chỉ số PCI. Phương pháp tính điểm này sẽ giúp tạo sự phân hoá về điểm số rõ nét hơn giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng, qua đó có thể nhìn nhận được những kết quả trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà mỗi địa phương đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra được những mặt còn tồn tại, hạn chế cần cải thiện.

Điểm trung bình của khối địa phương năm 2023 là 71,38 điểm (xếp ở mức Tốt) và có xu hướng tăng so với lần khảo sát năm 2021 là 69,7 điểm, trong đó có 7/13 địa

phương tăng điểm¹. Điểm số DDCI 2023 giữa các địa phương có vị trí xếp hạng cao nhất² và thấp nhất³ có sự chênh lệch khá lớn (57,3 điểm) nhưng đã giảm so với năm 2021 (75,68 điểm), phản ánh chất lượng điều hành giữa các địa phương đã đồng đều hơn so với thời điểm năm 2021.

**Hình 2.1. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2023
khối địa phương tỉnh Hà Tĩnh**



Đáng chú ý, Thị xã Hồng Lĩnh là địa phương duy nhất có điểm số DDCI 2023 trên 90 điểm, tiếp tục giữ vị trí đầu bảng với 5 chỉ số thành phần tăng so với năm 2021. DDCI Huyện Cẩm Xuyên 2023 thứ bậc, điểm số so với năm 2021 tăng mạnh, đạt 63,26 điểm, giúp địa phương này tăng 3 bậc và vươn lên thứ 10 trong bảng xếp hạng chung. DDCI Huyện Vũ Quang 2023 sụt giảm mạnh, còn 40,9 điểm là nguyên nhân khiến đây là địa phương duy nhất nằm trong nhóm Tương đối thấp và đứng cuối cùng của bảng xếp hạng năm 2023 (sụt 2 bậc). DDCI Huyện Can Lộc 2023 giảm mạnh, còn 73,39

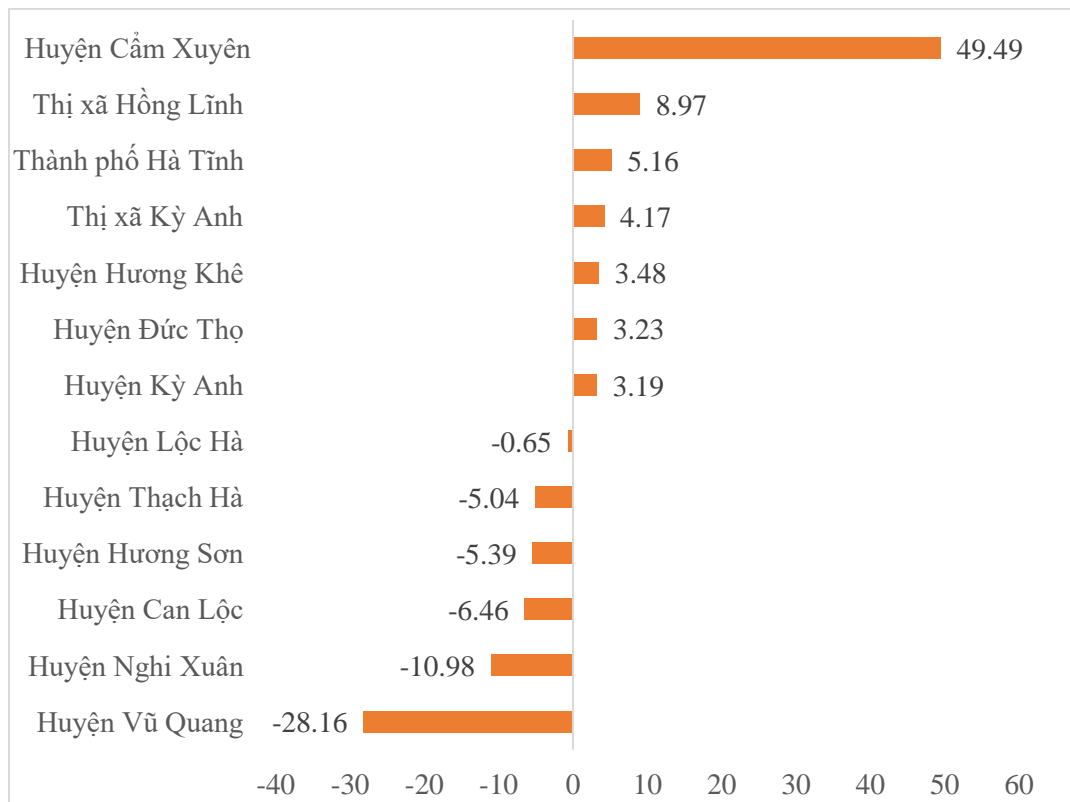
¹ Bao gồm: Thị xã Hồng Lĩnh, Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Hương Khê, Thị xã Kỳ Anh, Huyện Kỳ Anh, Huyện Đức Thọ và Huyện Cẩm Xuyên

² Thị xã Hồng Lĩnh

³ Huyện Vũ Quang

điểm, khiến vị trí của địa phương này sụt giảm 6 bậc, xuống vị trí thứ 8 của bảng xếp hạng năm 2023.

Hình 2.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của khối Địa phương năm 2023 so với DDCI 2021

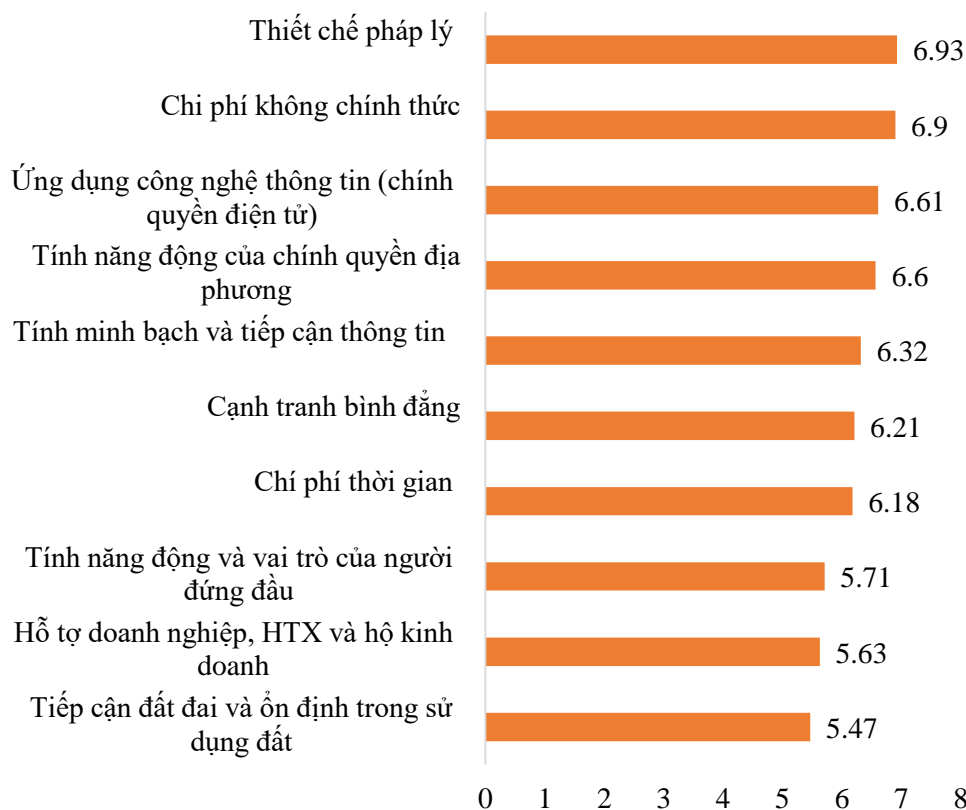


Bảng 2.1. Thông tin chung về điểm DDCI, xếp hạng và biến động của các chỉ số thành phần năm 2023 – Khối địa phương

TT	Địa phương	DDCI 2023	Nhóm	Xu hướng	Chỉ số tăng	Chỉ số giảm
1	Thị xã Hồng Lĩnh	98,42	Rất tốt	Tăng	5	4
2	Thành phố Hà Tĩnh	85,42	Rất tốt	Tăng	4	5
3	Huyện Hương Khê	82,6	Rất tốt	Tăng	3	6
4	Huyện Thạch Hà	78,2	Tốt	Giảm	1	8
5	Thị xã Kỳ Anh	77,24	Tốt	Tăng	2	7
6	Huyện Kỳ Anh	75,27	Tốt	Tăng	4	5
7	Huyện Đức Thọ	74,79	Tốt	Tăng	2	7
8	Huyện Can Lộc	73,79	Tốt	Giảm	0	9
9	Huyện Hương Sơn	65,45	Khá	Giảm	1	8
10	Huyện Cẩm Xuyên	63,26	Khá	Tăng	9	0
11	Huyện Nghi Xuân	58,89	Trung bình	Giảm	1	8
12	Huyện Lộc Hà	53,87	Trung bình	Giảm	4	5
13	Huyện Vũ Quang	40,69	Tương đối thấp	Giảm	1	8

Điểm trung bình của các chỉ số thành phần DDCI 2023 của khối địa phương không có sự khác biệt lớn giữa chỉ số có điểm cao nhất⁴ và chỉ số có điểm thấp nhất⁵. Đáng chú ý, ba chỉ số có điểm số thấp nhất (đều ở mức dưới 6,0 điểm) là: (i) Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất, (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh; (iii) Tính năng động và vai trò của người đứng đầu. Mảng chỉ phí không chính thức đã có sự cải thiện đáng kể và có điểm số đứng thứ hai, thể hiện nỗ lực gỡ bỏ dần rào cản trong hoạt động cải cách hành chính, trở ngại trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế trong hoạt động kinh doanh của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian qua đã dần phát huy hiệu quả.

Hình 2.3. Điểm trung bình của các chỉ số thành phần trong DDCI 2023 của khối địa phương



Chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin (chính quyền điện tử) của Khối địa phương 2023 đóng vai trò tích cực trong việc cải thiện các chỉ số phát triển kinh tế và xã hội ở Hà Tĩnh. Dù chưa được đưa vào phân tích cụ thể trong các thành phần của DDCI Hà Tĩnh 2023, kết quả cao của chỉ số này có thể là một yếu tố quan trọng đóng góp vào các thành phố, thị xã và huyện trong tỉnh. Các ứng dụng công nghệ thông tin trong chính quyền có thể mang lại nhiều lợi ích, bao gồm sự minh bạch và tiếp cận thông tin tốt hơn, tính năng động của chính quyền, cũng như cải thiện sự hỗ trợ cho doanh nghiệp và cộng đồng. Điều này có thể giải thích một số kết quả tốt trong các chỉ số như “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Tính năng động của Chính quyền địa phương”, và “Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh” của các địa phương.

2.2. Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương

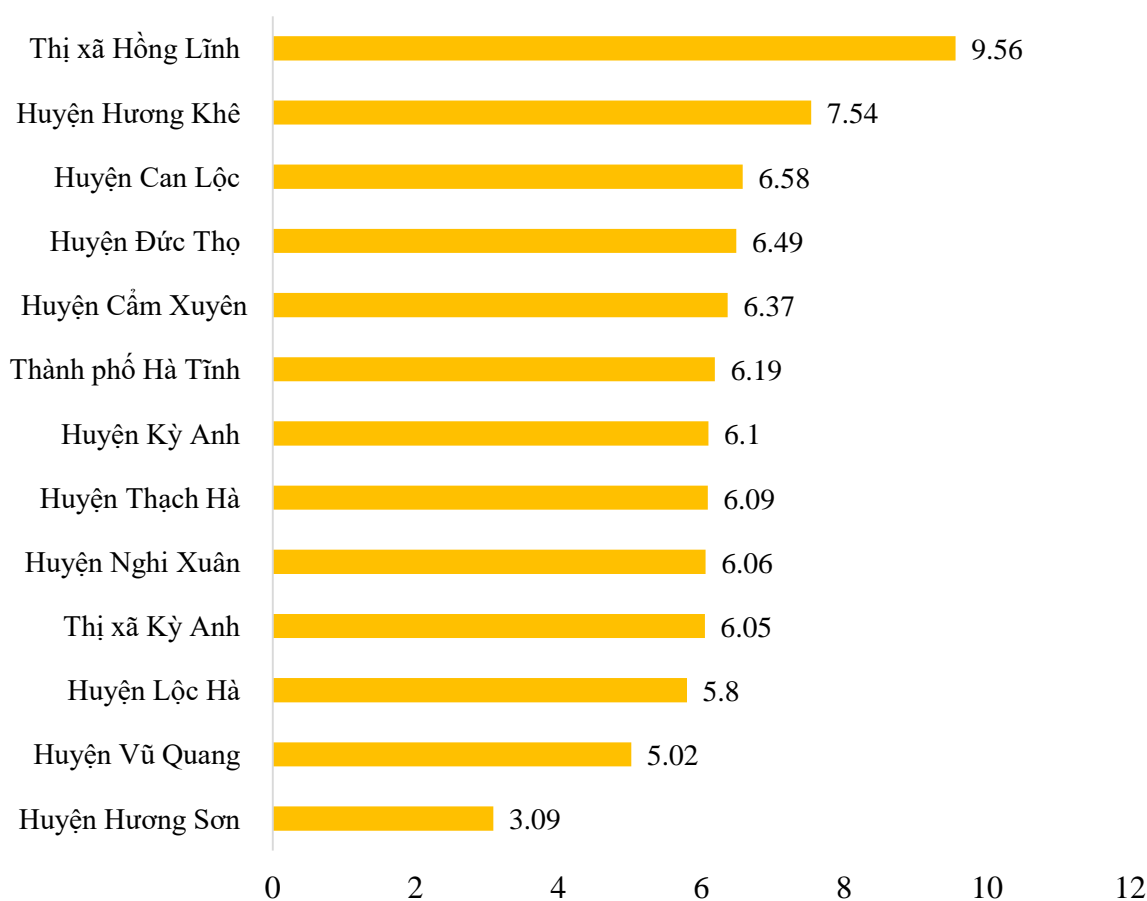
⁴ Chỉ số Thiết chế pháp lý – đạt 6,93 điểm

⁵ Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất – đạt 5,47 điểm

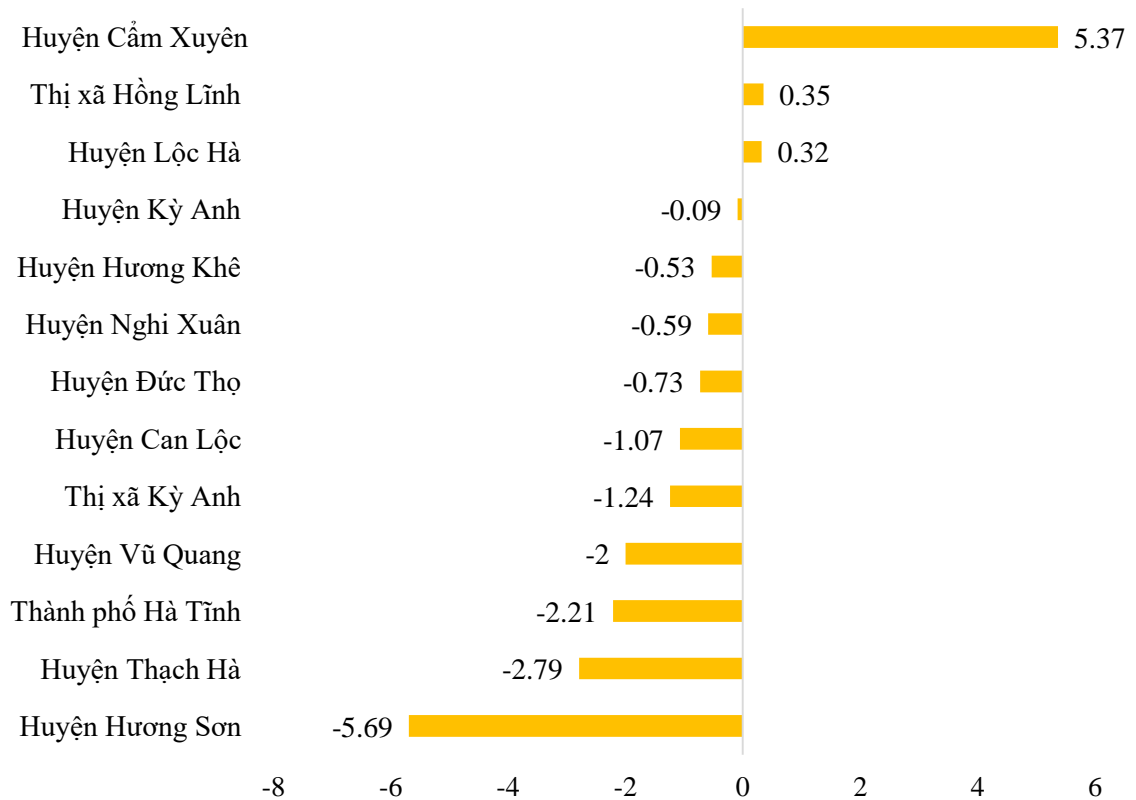
Dẫn đầu chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin Khối địa phương 2023 là Thị Xã Hồng Lĩnh (9,56 điểm), xếp cuối bảng là Huyện Hương Sơn (3,09 điểm). Mặc dù có sự chênh lệch lớn giữa vị trí dẫn đầu và vị trí cuối cùng (6,47 điểm) nhưng chỉ số này hầu như không có sự khác biệt đáng kể tại 9/13 địa phương (Huyện Can Lộc, Huyện Đức Thọ, Huyện Cẩm Xuyên, Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Kỳ Anh, Huyện Thạch Hà, Huyện Nghi Xuân, Thị xã Kỳ Anh và Huyện Lộc Hà).

So với năm 2021, chỉ số này có xu hướng giảm. Cụ thể chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương chỉ được ghi nhận tăng ở 3/13 địa phương (Thị xã Hồng Lĩnh, Huyện Cẩm Xuyên, Huyện Lộc Hà) và ghi nhận giảm ở 10/13 địa phương còn lại. Trong đó, Huyện Cẩm Xuyên ghi nhận mức tăng mạnh mẽ (5,37 điểm). Ở chiều ngược lại, mức giảm mạnh (5,69 điểm) được ghi nhận ở Huyện Hương Sơn, mức giảm khá (trên 2 điểm) được ghi nhận ở Huyện Thạch Hà và Thành phố Hà Tĩnh.

Hình 2.4. Xếp hạng và điểm chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương năm 2023



Hình 2.5. Mức độ cải thiện điểm số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Khối địa phương được cấu thành từ 5 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu thuận đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Cụ thể là: Về khía cạnh mức độ tiếp cận thông tin, 90,7% doanh nghiệp đánh giá về việc tiếp cận thông tin như văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế và chính sách mới là dễ dàng. Đối với thông tin không được công bố công khai, nhưng không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, 89,9% doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương sẵn sàng cung cấp nếu doanh nghiệp đề nghị. Đối với khía cạnh công khai các thông tin liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính công của chính quyền địa phương, 97,3% doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính, phí và lệ phí được niêm yết công khai. Đây là điểm tích cực đối với các địa phương trong việc cung cấp các thông tin tới doanh nghiệp. Đối với website của chính quyền địa phương, 81,5% doanh nghiệp cho rằng website đáp ứng yêu cầu về cung cấp thông tin, nhưng kháng cách lớn về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất⁶ hàm ý rằng vẫn còn một số địa phương chưa cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết trên website.

Tuy nhiên, 22,9% doanh nghiệp đánh giá rằng có được “mối quan hệ” với cán bộ nhà nước sẽ giúp họ thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các thông tin và tài liệu quan trọng của địa phương. Mặt khác, kháng cách về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất⁷ có sự

⁶ Điểm đơn vị cao nhất là 0,903 điểm; điểm đơn vị thấp nhất là 0,560 điểm

⁷ Điểm đơn vị cao nhất là 0,920 điểm; điểm đơn vị thấp nhất là 0,640 điểm

chênh lệch đáng kể. Điều này hàm ý rằng có nơi, có doanh nghiệp phải dùng “mối quan hệ” trong việc tiếp cận thông tin từ cơ quan quản lý.

Bảng 2.2. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương năm 2023

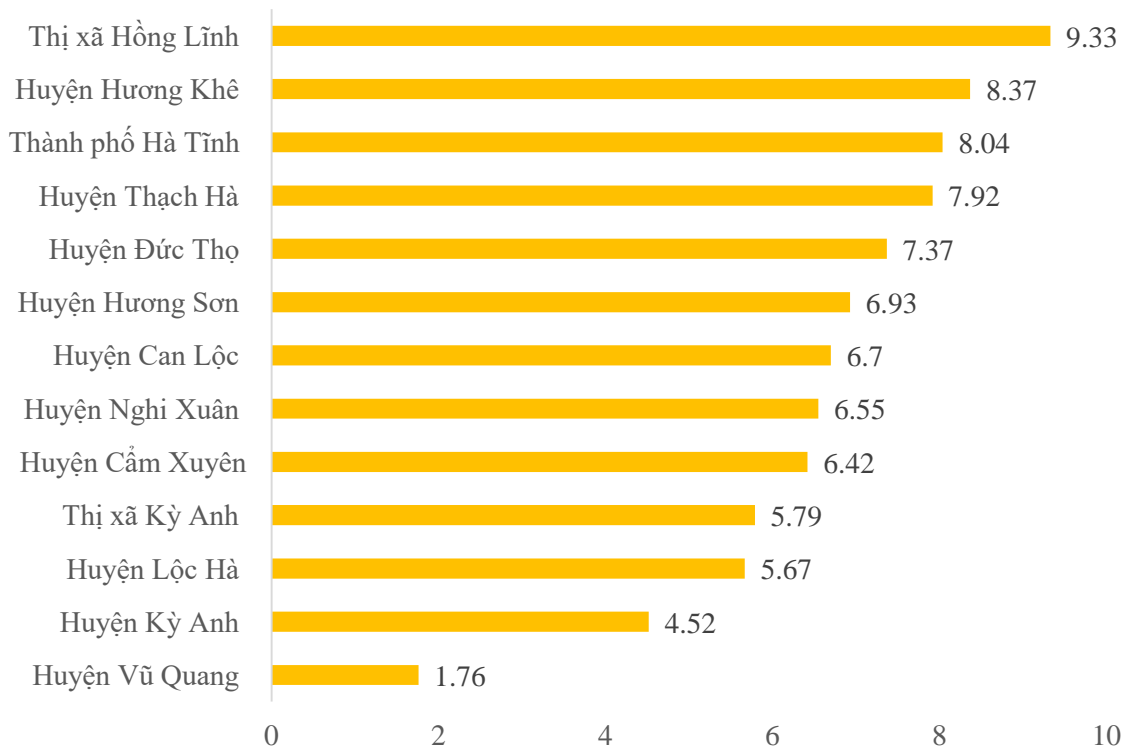
TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ Chính quyền địa phương	0,907	0,963	0,866
2	Website của Chính quyền địa phương có đáp ứng được yêu cầu về cung cấp thông tin	0,815	0,903	0,560
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá có “mối quan hệ” sẽ thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của chính quyền địa phương	0,771	0,920	0,640
4	“Chính quyền địa phương sẵn sàng cung cấp những thông tin, văn bản (trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website...) khi DN/HTX/HKD đề nghị	0,899	0,951	0,840
5	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá TTHC và lệ phí được niêm yết công khai	0,973	1,000	0,899

2.3. Chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương

Chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Thị xã Hồng Lĩnh với 9,33 điểm, tiếp theo là Huyện Hương Khê (8,37 điểm). Xếp cuối cùng là Huyện Vũ Quang (1,76 điểm). Chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương 2023 có sự chênh lệch rất lớn (7,57 điểm), nhiều hơn với chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin 2023 (6,47 điểm). Điều này cho thấy có sự khác biệt lớn về tính năng động giữa các chính quyền địa phương trong năm 2023.

So với năm 2021, chỉ số này có xu hướng tăng. Cụ thể là có 7/13 địa phương ghi nhận tăng⁸, trong đó Huyện Cẩm Xuyên ghi nhận mức tăng rất mạnh (5,72 điểm) so với năm 2021, khiến Huyện Cẩm Xuyên chuyển từ vị trí cuối cùng (năm 2021) lên vị trí thứ 9/13 (năm 2023). Ở chiều ngược lại, 6/13 địa phương ghi nhận giảm⁹, trong đó Huyện Kỳ Anh và Huyện Vũ Quang ghi nhận mức giảm mạnh (trên 4 điểm) và là hai địa phương xếp ở vị trí thấp nhất trong bảng xếp hạng năm 2023.

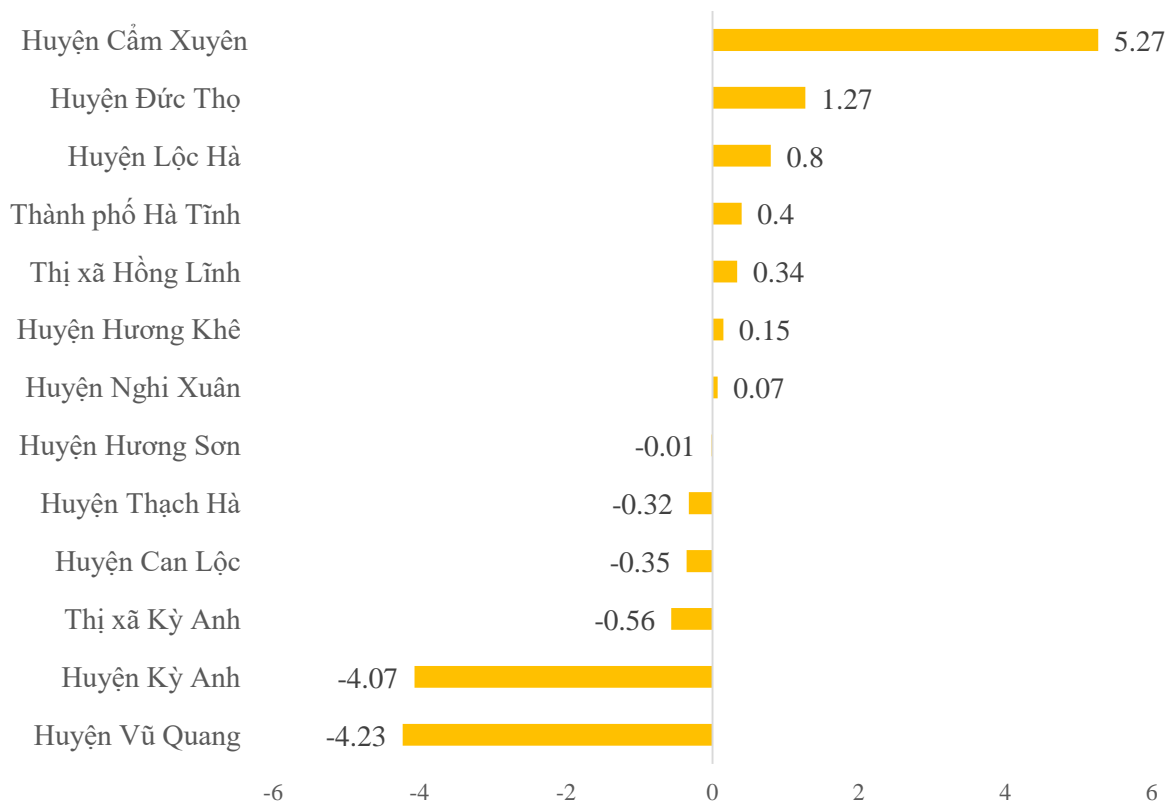
Hình 2.6. Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động của chính quyền Địa phương năm 2023



⁸ Thị Xã Hồng Lĩnh, Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Hương Khê, Huyện Đức Thọ, Huyện Cẩm Xuyên, Huyện Nghi Xuân, Huyện Lộc Hà

⁹ Huyện Thạch Hà, Thị xã Kỳ Anh, Huyện Kỳ Anh, Huyện Can Lộc, Huyện Hương Sơn, Huyện Vũ Quang

Hình 2.7. Mức độ cải thiện điểm số Tính năng động của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tính năng động của Chính quyền địa phương được cấu thành từ 5 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Đáng chú ý là 83,2% DN/HTX/HKD cho rằng chính quyền địa phương có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách của cấp trên theo hướng có lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh; 85,2% DN/HTX/HKD cho rằng chính quyền đã chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/HTX/HKD, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Ở khía cạnh tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN/HTX/HKD, có trên 81,1% DN/HTX/HKD đồng ý về mức độ thường xuyên trong tổ chức đối thoại. Tuy nhiên, khoảng cách tương đối lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất¹⁰ hàm ý rằng việc đối thoại, giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp còn chưa thực hiện tốt ở một số địa phương.

Ngoài ra, 82,4% DN/HTX/HKD phản ánh không có hiện tượng hiện tượng các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương rất tốt nhưng khi thực hiện tại chính quyền địa phương thì bị trì hoãn/chậm trễ hoặc thực hiện không đúng. Mặt khác, tồn tại khoảng cách tương đối lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất¹¹. Điều này hàm ý rằng một (số) chủ trương, chính sách còn chậm được thực thi hoặc thực thi không đúng ở địa phương.

¹⁰ Điểm của đơn vị cao nhất là 0,912 điểm; điểm của đơn vị thấp nhất là 0,640 điểm

¹¹ Điểm của đơn vị cao nhất là 0,929 điểm; điểm của đơn vị thấp nhất là 0,677 điểm

Bảng 2.3 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động của chính quyền Địa phương năm 2023

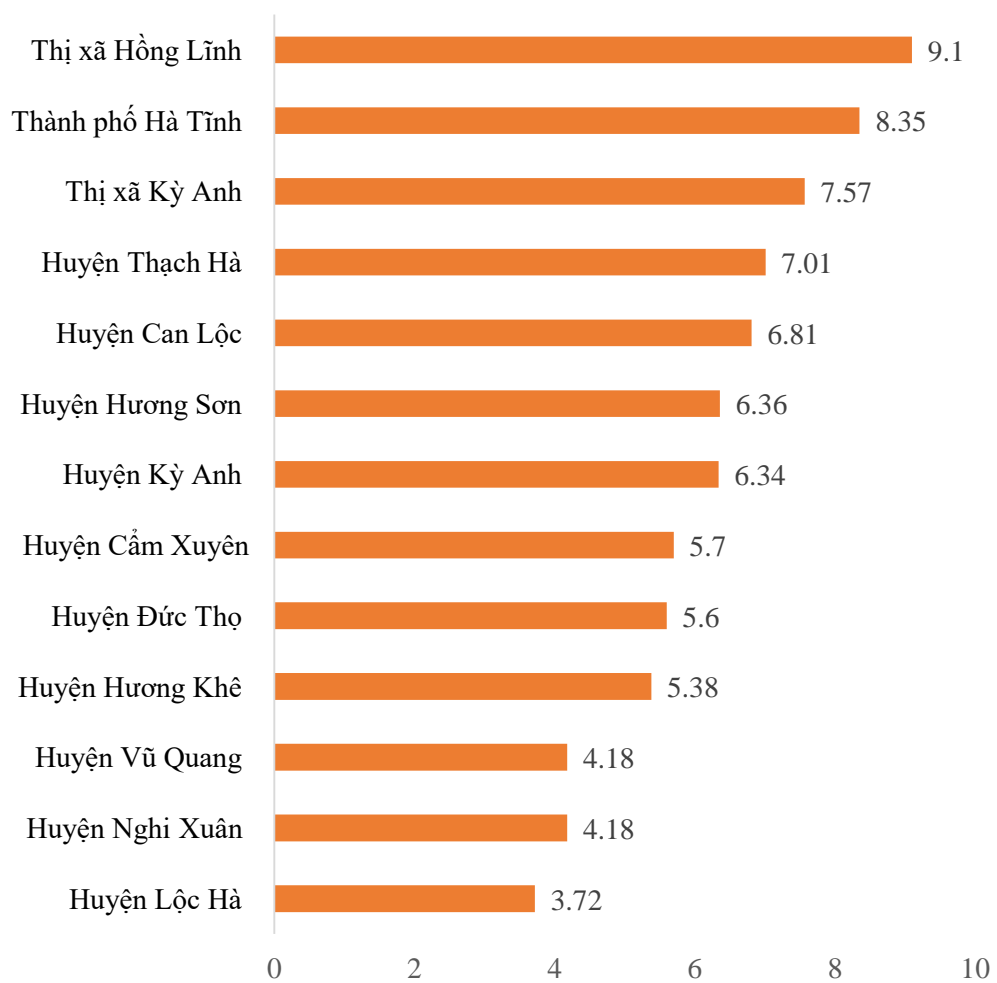
TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách của cấp trên theo hướng có lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh	0,832	0,893	0,720
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/HTX/HKD, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh	0,852	0,903	0,720
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá không có hiện tượng các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương rất tốt nhưng khi thực hiện tại chính quyền địa phương thì bị trì hoãn/chậm trễ hoặc thực hiện không đúng	0,824	0,929	0,677
4	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá đã có sự nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn	0,857	0,929	0,760
5	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN/HTX/HKD	0,811	0,912	0,640
6	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN/HTX/HKD trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh	0,897	0,933	0,853

2.4. Chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương

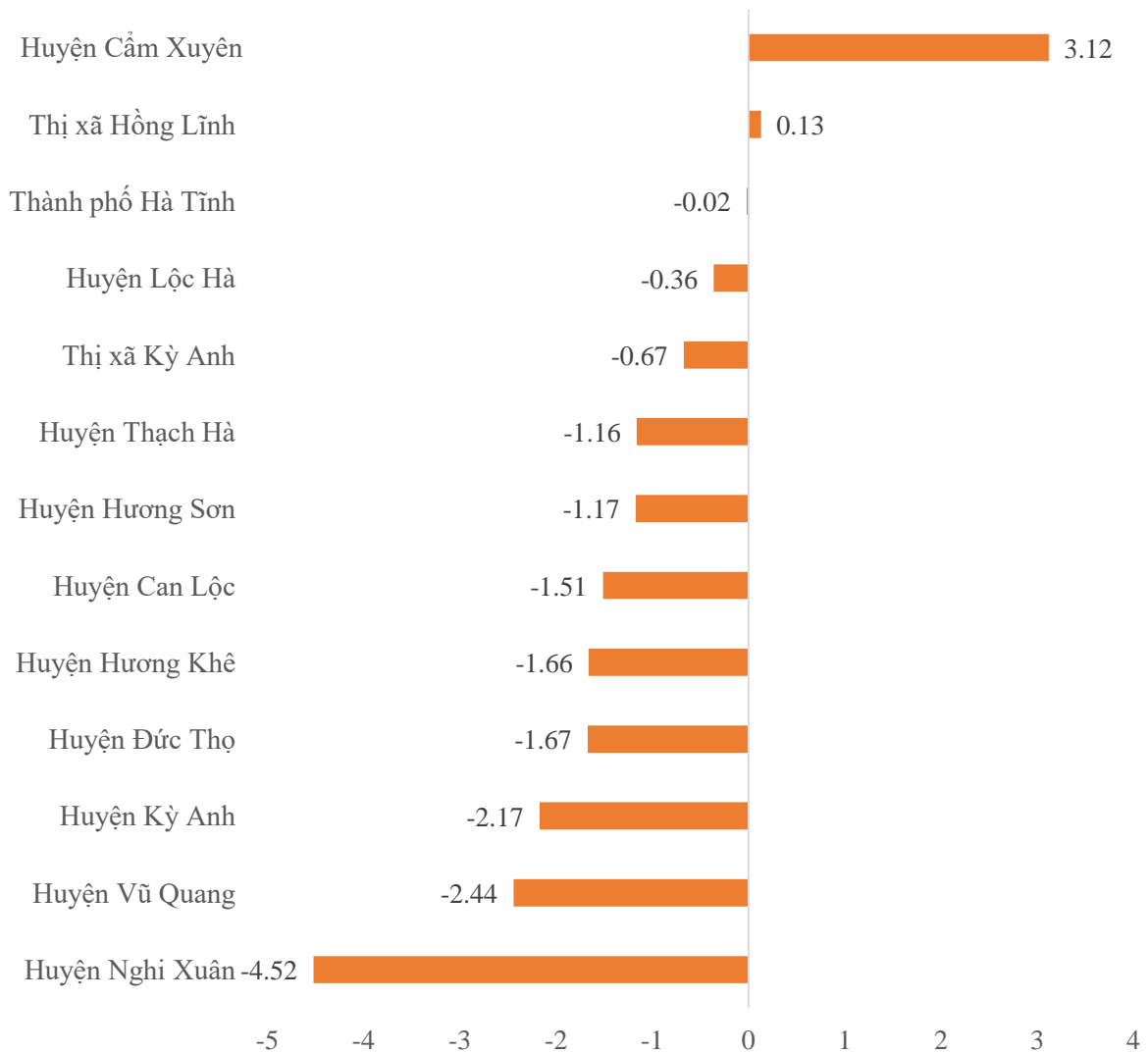
Chỉ số Chi phí thời gian của Khối địa phương 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Thị xã Hồng Lĩnh (9,1 điểm), xếp cuối cùng là Huyện Lộc Hà (3,72 điểm). Chỉ số Chi phí thời gian Khối địa phương 2023 có sự chênh lệch tương đối lớn (5,38 điểm) cho thấy sự khác biệt về mức độ thuận lợi khi giải quyết thủ tục hành chính và hoạt động thanh, kiểm tra của chính quyền địa phương trong năm 2023.

So với năm 2021, chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương năm 2023 có xu hướng giảm trên diện rộng. Chỉ có 2/13 địa phương là Huyện Cẩm Xuyên và Thị xã Hồng Lĩnh ghi nhận mức tăng đối với chỉ số này, trong đó Huyện Cẩm Xuyên tăng mạnh (3,12 điểm). Ở chiều ngược lại, 11/13 địa phương ghi nhận mức giảm đối với chỉ số này. Trong đó, Huyện Nghi Xuân ghi nhận mức giảm rất mạnh (4,52 điểm), là nguyên nhân khiến Huyện Nghi Xuân giảm từ vị trí thứ 2 (năm 2021) xuống vị trí 12/13 (năm 2023). Huyện Kỳ Anh và Huyện Vũ Quang ghi nhận mức giảm tương đối mạnh (trên 2 điểm).

Hình 2.8. Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của chính quyền Địa phương năm 2023



Hình 2.9. Mức độ cải thiện điểm số Chi phí thời gian của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Theo thống kê, trong số DN/HTX/HKD đã từng đến thực hiện thủ tục hành chính của các địa phương, 88,4% doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương về mức độ sớm và đúng về thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, 86,8% doanh nghiệp hài lòng đối với hoạt động thanh, kiểm tra của chính quyền địa phương trong DDCI 2023; 81,3% DN/HTX/HKD được cán bộ tư vấn về lợi ích khi giải quyết công việc. Tuy nhiên, 78,1% DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương có thể giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích. Thêm vào đó, khoảng cách lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất¹² cho thấy việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến ở một số địa phương vẫn còn kém, chưa có khả năng đáp ứng yêu cầu của dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo Thông tư 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹² Điểm đơn vị cao nhất 0,902 điểm; điểm đơn vị thấp nhất 0,520 điểm

Ngoài ra, 16,5% DN/HTX/HKD cho biết có tình trạng ùn đầy công việc tại chính quyền địa phương mà DN/HTX/HKD tới làm việc sang cho các sở, ban, ngành khác hoặc lên các cấp thẩm quyền cao hơn các hoặc gây cản trở đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoảng cách vừa phải giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất¹³ hàm ý rằng vẫn tồn tại tình trạng ùn đầy công việc và/hoặc gây cản trở hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương.

Bảng 2.4. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của chính quyền Địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương về mức độ sớm và đúng về thời gian giải quyết công việc, TTHC	0,884	0,964	0,800
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương có thể giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu	0,781	0,902	0,520
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá có được cán bộ, công chức, viên chức tư vấn về những lợi ích khi giải quyết công việc, TTHC trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích và hướng dẫn quy trình	0,813	0,918	0,735
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá về việc không có hoặc ít khi có tình trạng ùn đầy công việc tại chính quyền địa phương mà DN/HTX/HKD tới làm việc sang cho các sở, ban, ngành khác hoặc lên các cấp thẩm quyền cao hơn	0,835	0,906	0,680
5	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ hài lòng đối với hoạt động thanh, kiểm tra của chính quyền địa phương trong năm 2023	0,868	0,973	0,732

2.5. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương

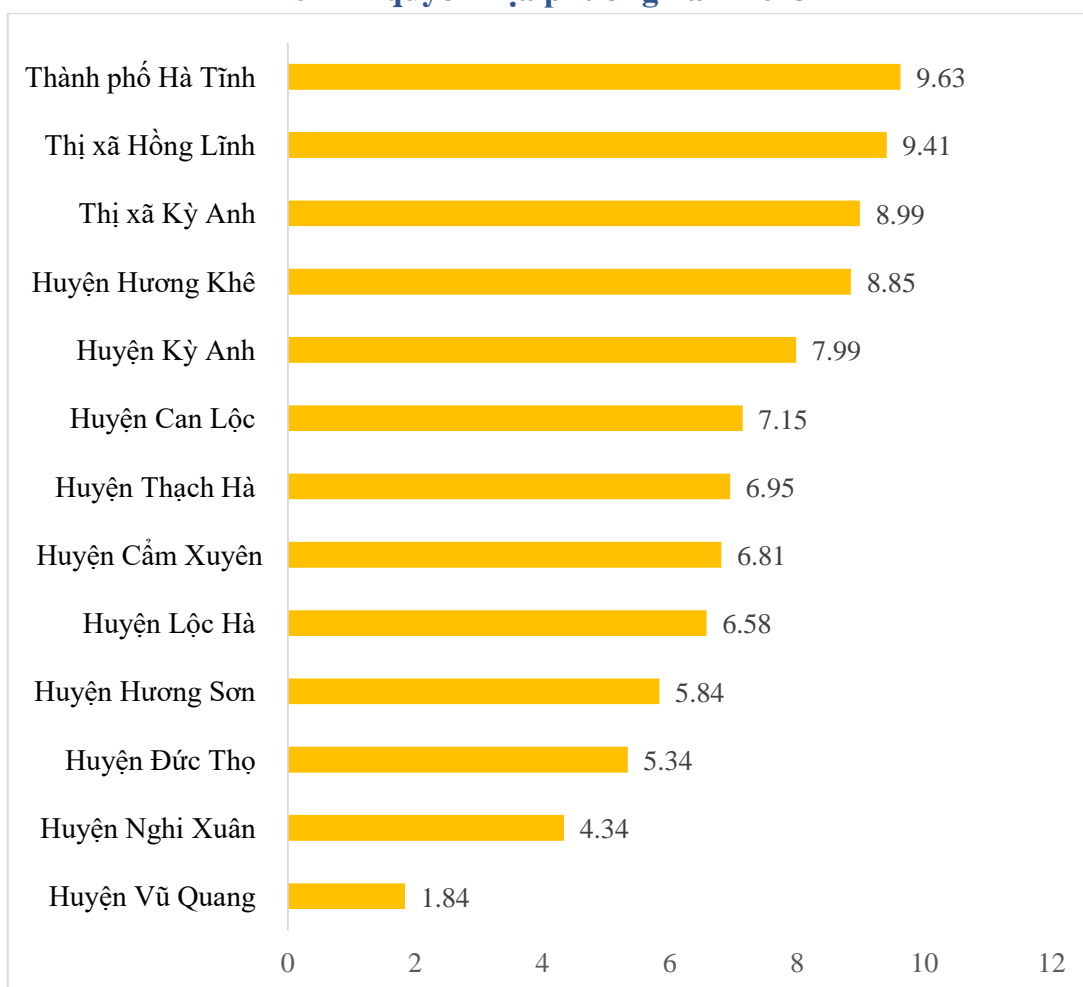
Chỉ số Chi phí không chính thức của 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Thanh phố Hà Tĩnh (9,63 điểm), tiếp theo là Thị xã Hồng Lĩnh (9,41 điểm), xếp cuối cùng là

¹³ Điểm đơn vị cao nhất 0,906 điểm; điểm đơn vị thấp nhất 0,680 điểm

Huyện Vũ Quang với 1,84 điểm. Điểm trung vị của chỉ số Chi phí không chính thức năm 2023 là 5,74. Chi phí không chính thức 2023 có sự chênh lệch lớn nhất trong các chỉ số thành phần DDCI (7,79 điểm), cho thấy sự đối lập về chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải chi trả khi kinh doanh ở các địa phương khác nhau.

So với năm 2021, chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương có xu hướng tăng. Cụ thể là có 7/13 địa phương ghi nhận tăng¹⁴, trong đó Huyện Cẩm Xuyên ghi nhận mức tăng rất mạnh (5,58 điểm) so với năm 2021, là nguyên nhân khiến Huyện Cẩm Xuyên chuyển từ vị trí cuối cùng (năm 2021) lên vị trí thứ 8 (năm 2023). Ở chiều ngược lại, 6/13 địa phương ghi nhận giảm¹⁵, trong đó Huyện Vũ Quang ghi nhận mức giảm rất mạnh (4,95 điểm) và xếp ở vị trí thấp nhất trong bảng xếp hạng năm 2023; huyện Nghi Xuân ghi nhận mức giảm mạnh (3,88 điểm), huyện Can Lộc ghi nhận mức giảm vừa phải (2,47 điểm).

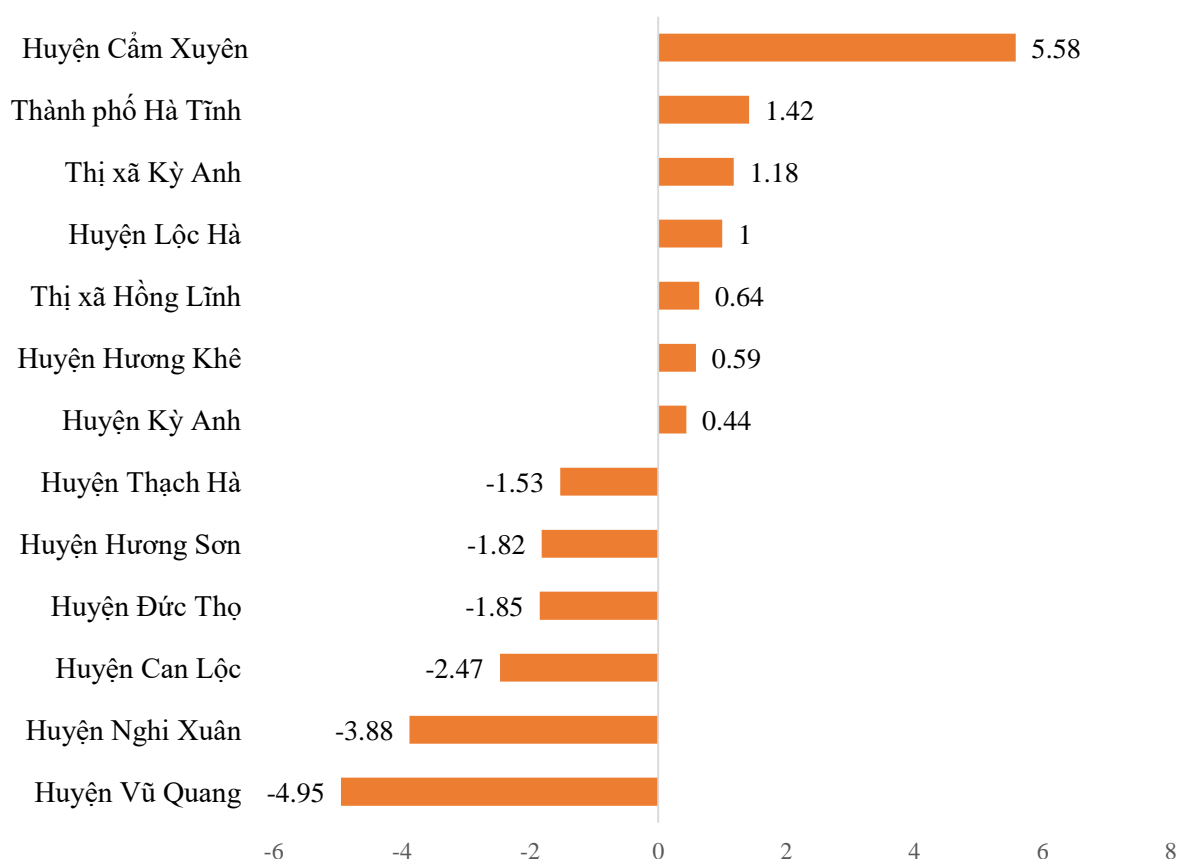
Hình 2.10. Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của chính quyền Địa phương năm 2023



¹⁴ Huyện Cẩm Xuyên, Thành phố Hà Tĩnh, Thị xã Kỳ Anh, Huyện Lộc Hà, Thị xã Hồng Lĩnh, Huyện Hương Khê, Huyện Kỳ Anh.

¹⁵ Huyện Thạch Hà, Huyện Hương Sơn, Huyện Đức Thọ, Huyện Can Lộc, Huyện Nghi Xuân, Huyện Vũ Quang

Hình 2.11. Mức độ cải thiện điểm số Chi phí không chính thức của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Chi phí không chính thức của Khối địa phương được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Có 85,5% số doanh nghiệp cho biết phí, lệ phí được công khai tại chính quyền địa phương và doanh nghiệp có thể thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi có yêu cầu. Ngoài ra, 80,7% doanh nghiệp cho rằng không có hiện tượng nhũng nhiễu tại các cơ quan chính quyền địa phương, tuy nhiên, tồn tại khoảng cách tương đối lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất¹⁶ hàm ý rằng ở một số địa phương, doanh nghiệp vẫn bị nhũng nhiễu, gây khó khăn khi không chi các khoản chi phí không chính thức.

Với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương, khoảng 80,7% doanh nghiệp cho rằng không có hiện tượng nhũng nhiễu tại các cơ quan chính quyền địa phương và 14,5% số DN/HTX/HKD cho biết phí, lệ phí chưa được công khai tại chính quyền địa phương và DN/HTX/HKD chưa thể thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi có yêu cầu.

¹⁶ Điểm của đơn vị cao nhất là 0,912 điểm; điểm của đơn vị thấp nhất là 0,560 điểm

Bảng 2.5. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của chính quyền Địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá trong năm 2023, DN/HTX/HKD không phải trả chi phí không chính thức cho chính quyền địa phương	0,887	0,962	0,767
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá “Khi không chi các khoản chi phí không chính thức, không có hiện tượng nhũng nhiễu, gây khó khăn của cán bộ, công chức, viên chức và công việc của DN/HTX/HKD vẫn luôn được giải quyết theo quy định”	0,807	0,912	0,560
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá trong các đợt thanh tra, kiểm tra, DN/HTX/HKD không phải đưa quà hay trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra	0,871	0,943	0,760
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá phí, lệ phí được công khai tại chính quyền địa phương và DN/HTX/HKD có thể thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi có yêu cầu	0,855	0,929	0,680

2.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương

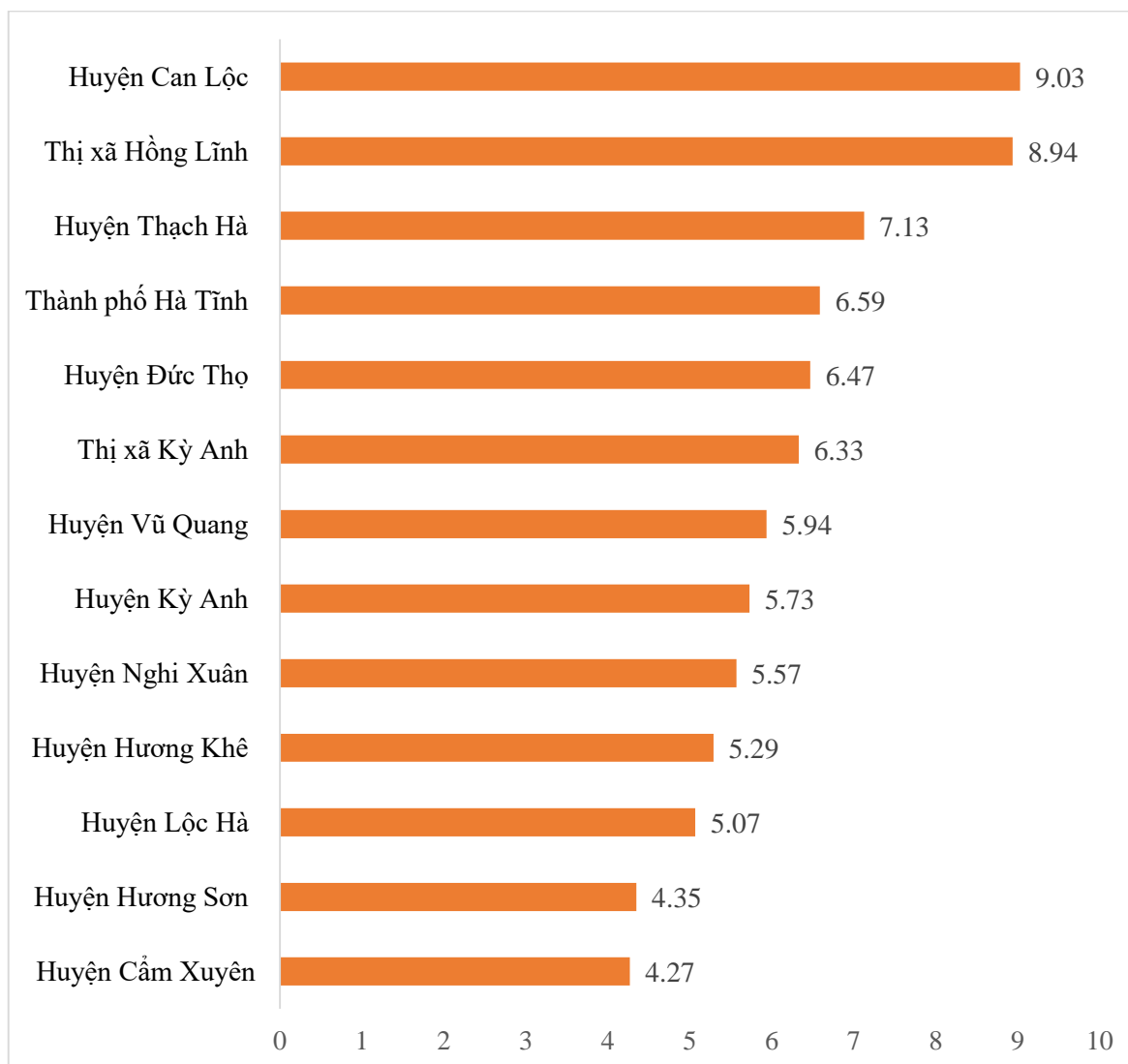
Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Khối địa phương 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Huyện Can Lộc (9,03 điểm), tiếp theo là Thị Xã Hồng Lĩnh (8,94 điểm). Hai địa phương xếp cuối cùng là Huyện Cẩm Xuyên với (4,06 điểm) và Huyện Hương Sơn (4,35 điểm). Mặc dù không có sự khác biệt lớn như chỉ tiêu về tính năng động và chi phí không chính thức, chỉ số cạnh tranh bình đẳng của Khối địa phương 2023 ghi nhận sự chênh lệch tương đối lớn giữa các địa phương.

So với năm 2021, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Khối địa phương 2023 có xu hướng giảm. Cụ thể là có 6/13 địa phương ghi nhận tăng¹⁷, trong đó Huyện Cẩm Xuyên, ghi nhận mức tăng vừa phải (2,38 điểm) so với năm 2021 nhưng vẫn giữ nguyên vị trí thấp nhất; Huyện Đức Thọ ghi nhận mức tăng vừa phải (2,03 điểm), tăng từ vị trí 11/13 (năm 2021) lên vị trí thứ 5/13 (năm 2023). Ở chiều ngược lại, 7/13 địa phương ghi nhận

¹⁷ Thị Xã Hồng Lĩnh, Huyện Thạch Hà, Huyện Kỳ Anh, Huyện Đức Thọ, Huyện Cẩm Xuyên, Huyện Lộc Hà

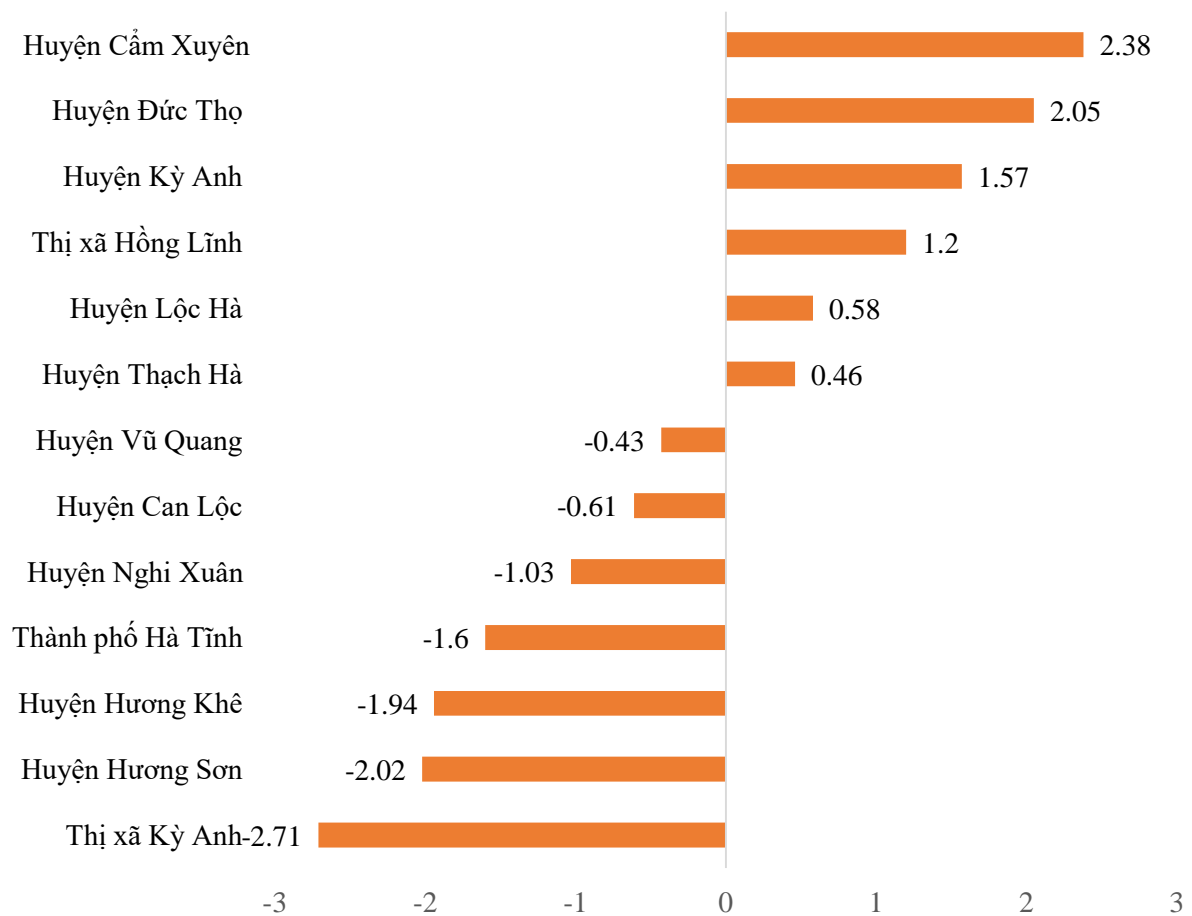
giảm¹⁸, trong đó Thị xã Kỳ Anh ghi nhận mức giảm khá (2,71 điểm) và chuyển từ vị trí thứ 2/13 (năm 2021) xuống vị trí thứ 6/13 (năm 2023); Huyện Hương Sơn và Huyện Hương Khê ghi nhận mức giảm vừa phải (khoảng 2 điểm) và đều có thứ hạng giảm trong bảng xếp hạng năm 2023.

Hình 2.12. Xếp hạng và điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của chính quyền Địa phương năm 2023



¹⁸ Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Hương Khê, Thị xã Kỳ Anh, Huyện Can Lộc, Huyện Hương Sơn, Huyện Nghi Xuân, Huyện Vũ Quang.

Hình 2.13. Mức độ cải thiện điểm số Cạnh tranh bình đẳng của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số cạnh tranh bình đẳng Khối địa phương được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. 87,6% không thấy hoặc có nhưng không phổ biến hiện tượng chính quyền địa phương ưu tiên hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, công việc, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, HKD.

Tuy nhiên, khoảng 12,3% DN/HTX/HGD cho rằng có sự hiện diện của các doanh nghiệp sâu sau/thân hữu với cán bộ thuộc chính quyền địa phương. Khoảng cách tương đối nhỏ giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất¹⁹ cho thấy sự nhất quán trong nhận định của các doanh nghiệp đối với vấn đề này.

¹⁹ Điểm đơn vị cao nhất 0,936 điểm; điểm đơn vị thấp nhất 0,778 điểm

Bảng 2.6. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của chính quyền Địa phương năm 2023

T T	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá không thấy có sự hiện diện của doanh nghiệp sân sau và/hoặc doanh nghiệp có liên kết (“thân hữu”) với chính quyền địa phương	0,877	0,936	0,778
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá “Sự quan tâm của địa phương không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN/HTX/HKD cho cơ quan nhà nước (như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho nhà nước, số tiền ủng hộ các chương trình/hoạt động...)”	0,846	0,929	0,720
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá không thấy hoặc có nhưng không phổ biến hiện tượng chính quyền địa phương ưu tiên hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, công việc, TTHC cho các DN FDI, DN lớn so với DN nhỏ và vừa, HTX, HKD	0,876	0,968	0,800
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá “Chính quyền địa phương có nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của DN nhỏ và vừa, HTX, HKD”	0,873	0,936	0,767

2.7. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của khối Địa phương

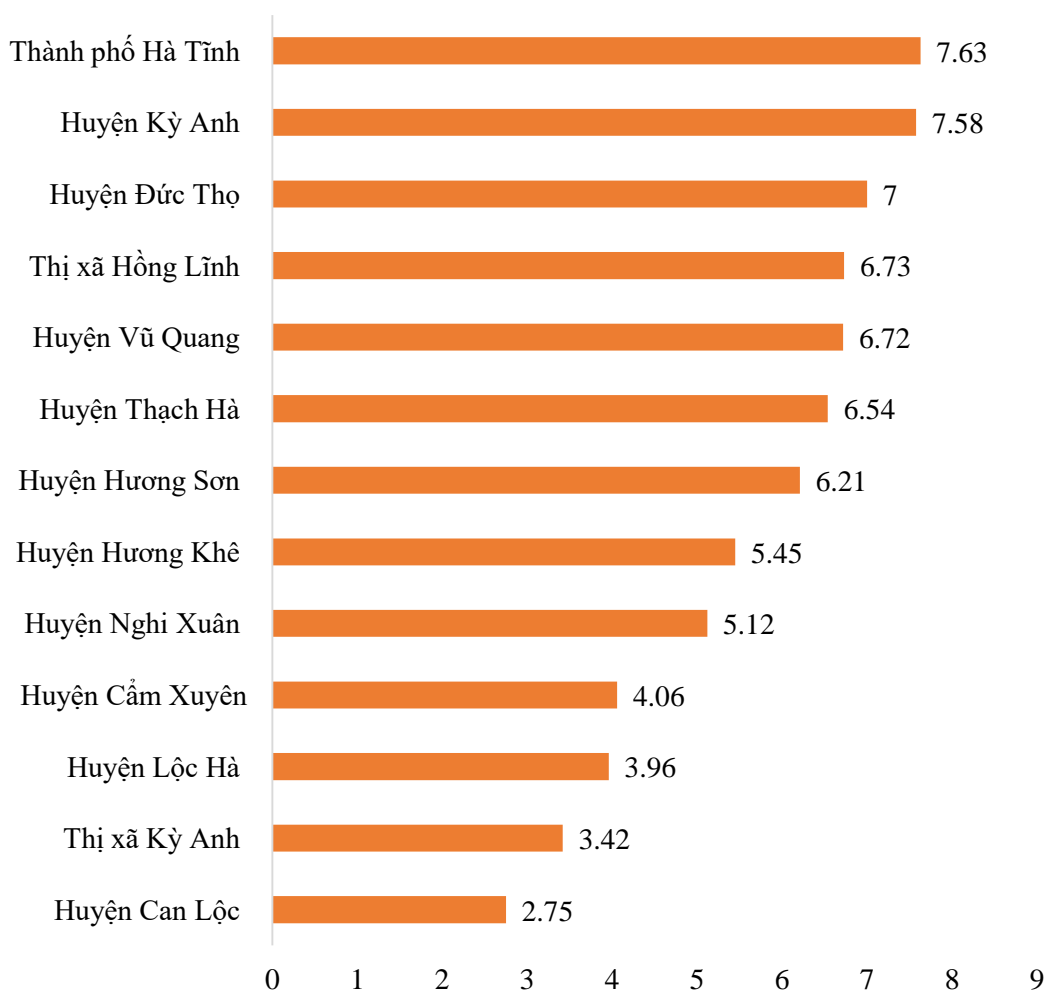
Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh Khối địa phương năm 2023 ghi nhận các vị trí dẫn đầu thuộc về Thành phố Hà Tĩnh (7,63 điểm), tiếp theo là Huyện Kỳ Anh (7,58 điểm) và Huyện Đức Thọ (7 điểm). Xếp cuối cùng là Huyện Can Lộc với 1,76 điểm. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh 2023 có sự chênh lệch không quá lớn (4,88 điểm) so với chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương (7,57 điểm), Tính minh bạch và tiếp cận thông tin 2023 (6,47 điểm) do điểm trung bình của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tương đối thấp.

So với năm 2021, chỉ số này có xu hướng giảm. Cụ thể là có 5/13 địa phương ghi nhận tăng²⁰, trong đó Huyện Cẩm Xuyên ghi nhận mức tăng khá (2,21 điểm) so với năm 2021, khiến Huyện Cẩm Xuyên chuyển từ vị trí cuối cùng (năm 2021) lên vị trí thứ 9/13 (năm 2023). Mức tăng vừa phải (khoảng 1,5 điểm - 1,7 điểm) được ghi nhận ở Thành

²⁰ Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Kỳ Anh, Huyện Hương Sơn, Huyện Cẩm Xuyên, Huyện Vũ Quang

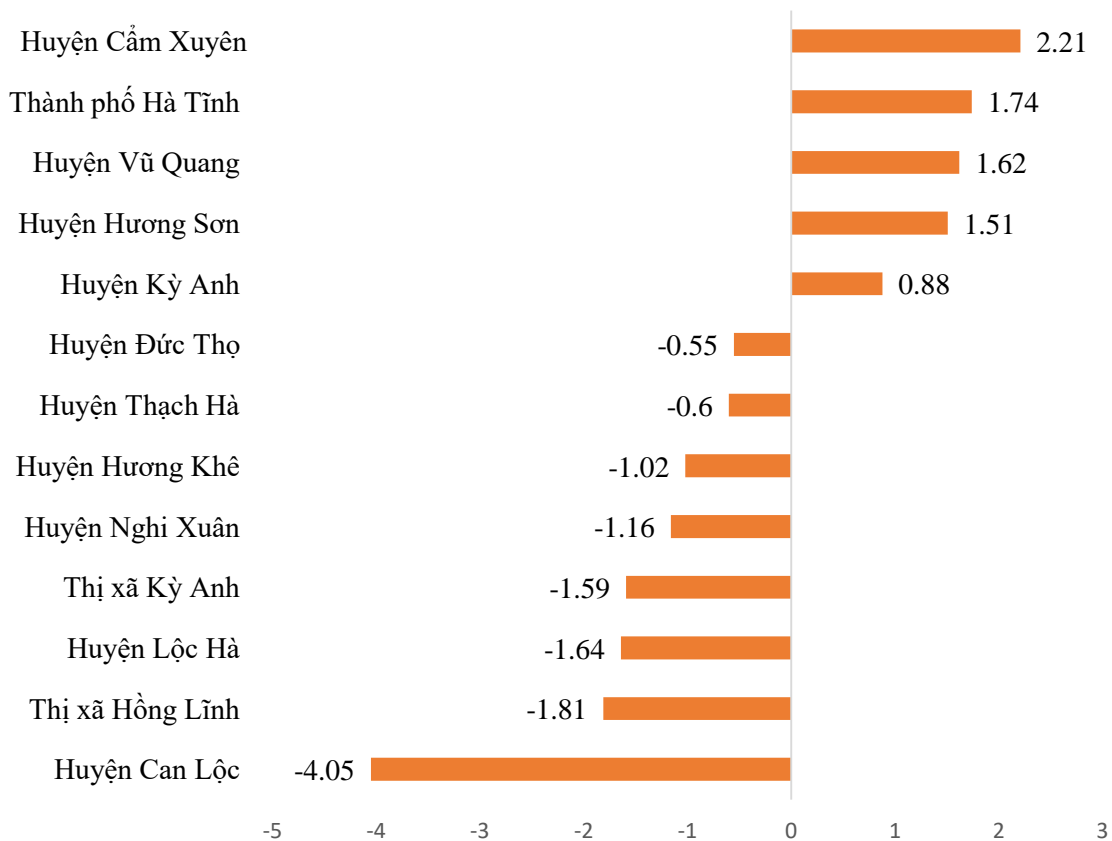
phố Hà Tĩnh, Huyện Vũ Quang và Huyện Hương Sơn đã giúp Thành phố Hà Tĩnh thay thế vị trí dẫn đầu của Thị xã Hồng Lĩnh và giúp hai địa phương còn lại cải thiện vị trí trên bảng xếp hạng. Ở chiều ngược lại, 6/13 địa phương ghi nhận giảm²¹, trong đó Huyện Can Lộc ghi nhận mức giảm rất mạnh (4,05 điểm) và rớt hạng từ vị trí 4/13 (năm 2021) xuống vị trí cuối cùng. Mức giảm vừa phải (khoảng 1,5 điểm – 1,8 điểm) được ghi nhận với Thị xã Hồng Lĩnh (giảm từ vị trí dẫn đầu xuống vị trí 4/13), Huyện Lộc Hà và Thị xã Kỳ Anh (đứng ở vị trí 11/13 và 12/13 năm 2023).

Hình 2.14. Xếp hạng và điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của chính quyền Địa phương năm 2023



²¹ Thị xã Hồng Lĩnh, Huyện Hương Khê, Huyện Thạch Hà, Thị xã Kỳ Anh, Huyện Đức Thọ, Huyện Can Lộc, Huyện Nghi Xuân, Huyện Lộc Hà

Hình 2.15. Mức độ cải thiện điểm số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin được cấu thành từ 6 chỉ tiêu. Điểm của 2 chỉ tiêu về tham gia chương trình hỗ trợ của địa phương và các khó khăn, vướng mắc được phản ánh đầy đủ thông qua đối thoại ở mức rất cao và có sự chênh lệch rất nhỏ. Cụ thể là 100% doanh nghiệp cho biết tham gia chương trình hỗ trợ của địa phương; 97% doanh nghiệp cho rằng các vấn đề, quan ngại của họ được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại.

Các chỉ tiêu còn lại, có sự khác biệt rất lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất. Mặc dù 81,1% doanh nghiệp đánh giá chất lượng của các chương trình là thực chất hoặc phần nào thực chất và 78,2% doanh nghiệp đánh giá chất lượng đã có sự cải thiện nhiều hoặc rất nhiều. Tuy nhiên, khoảng cách lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất đối với các chỉ tiêu này²² cho thấy rằng còn nhiều địa phương chưa đáp ứng được các chỉ tiêu được đề cập ở trên. Thêm vào đó, 83,6% hài lòng về kết quả hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc của chính quyền địa phương; 77,3% DN/HTX/HKD cho rằng chính quyền địa phương đã nắm bắt và hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX/HKD gặp phải trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình nhưng khoảng cách lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất đối với các chỉ tiêu này cũng đặt ra câu hỏi về sự khác biệt tại các địa phương mà doanh nghiệp đưa ra nhận định.

²² Điểm đơn vị cao nhất 1,000 điểm; điểm đơn vị thấp nhất 0,500 điểm

Bảng 2.7. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của chính quyền Địa phương năm 2023

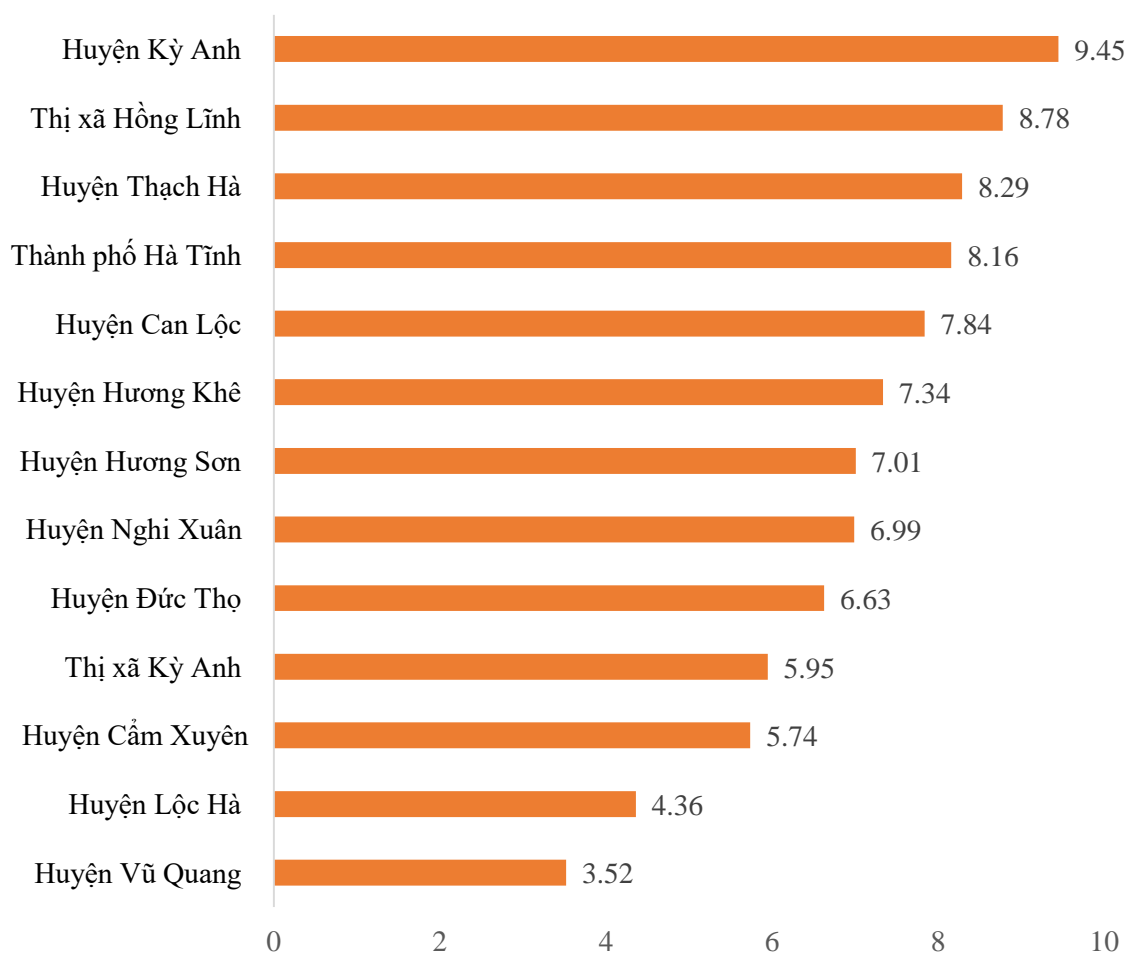
TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đã tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của chính quyền địa phương.	1,000	1,000	1,000
2	Tỷ lệ đánh giá mức độ thực chất về chất lượng các chương trình hỗ trợ do địa phương thực hiện	0,811	1,000	0,500
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ cải thiện trong hoạt động hỗ trợ DN/HTX/HKD của chính quyền địa phương trong năm vừa qua	0,782	1,000	0,500
4	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá Chính quyền địa phương về mức độ nắm bắt và hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX/HKD gặp phải trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình	0,773	1,000	0,400
5	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá về mức độ hài lòng về kết quả hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc của chính quyền địa phương	0,836	1,000	0,500
6	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá các vấn đề, quan ngại của doanh nghiệp được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại với chính quyền địa phương	0,970	1,000	0,924

2.8. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối Địa phương

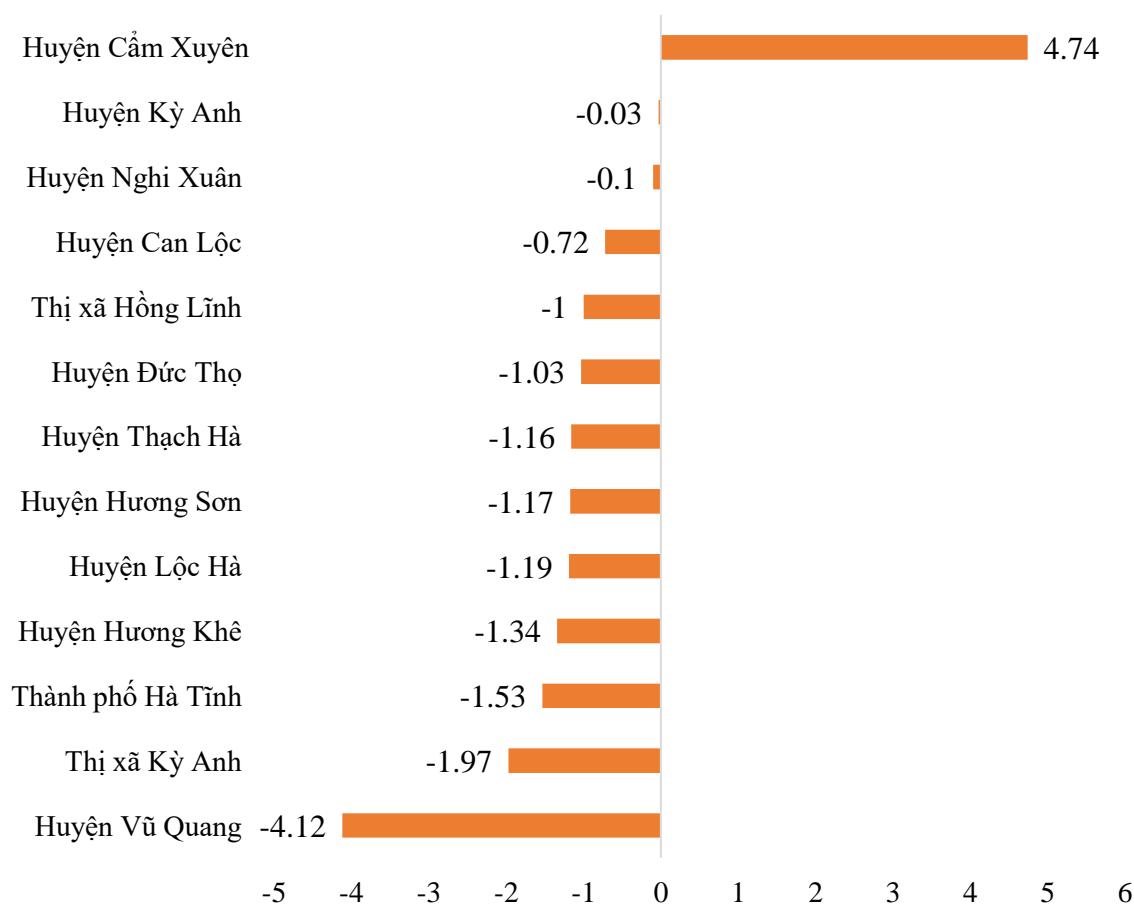
Chỉ số Thiết chế pháp lý Khối địa phương 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Huyện Kỳ Anh (9,45 điểm), bốn địa phương có điểm số trên 8,0 là Thị xã Hồng Lĩnh (8,78 điểm), Huyện Thạch Hà (8,29 điểm) và Thành phố Hà Tĩnh (8,16 điểm). Xếp cuối cùng là Huyện Vũ Quang với 3,52 điểm. Như vậy, điểm của chỉ số này cao hơn so với các chỉ số thành phần DDCI khác. Chỉ số Thiết chế pháp lý Khối địa phương 2023 có sự chênh lệch tương đối lớn (5,93 điểm), cho thấy có sự khác biệt tương đối nhiều giữa các địa phương trong năm 2023.

So với năm 2021, chỉ số Thiết chế pháp lý có xu hướng giảm trên diện rộng. Ngoại trừ Huyện Cẩm Xuyên ghi nhận tăng, còn lại 12/13 địa phương ghi nhận giảm chỉ số Thiết chế pháp lý. Trong đó, giảm mạnh nhất là Huyện Vũ Quang (4,12 điểm), tiếp theo là Thị xã Kỳ Anh (1,97 điểm), Thành phố Hà Tĩnh (1,53 điểm).

Hình 2.16. Xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý của chính quyền Địa phương năm 2023



Hình 2.17. Mức độ cải thiện điểm số Thiết chế pháp lý của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Thiết chế pháp lý được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Kết quả khảo sát cho thấy 88,3% DN/HTX/HKD cho rằng cơ quan nhà nước sẽ không bao che và sẽ nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi nhũng nhiễu. Với khoảng chênh lệch nhỏ, chỉ tiêu này thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Tuy nhiên, 18,9% DN/HTX/HKD cho rằng có hiện tượng cán bộ gây khó khăn cho DN/HTX/HKD khi xử lý thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, 76,3% DN/HTX/HKD hài lòng về công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền của chính quyền địa phương và 81,2% DN/HTX/HKD hài lòng về việc xử lý hành chính của chính quyền địa phương nhưng khoảng cách lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất đối với các chỉ tiêu này (đặc biệt là chỉ tiêu giải quyết khiếu nại) cho thấy rằng còn nhiều địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu của các DN/HTX/HKD trên địa bàn và cần khắc phục trong thời gian tới.

Bảng 2.8. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của chính quyền Địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá “Cơ quan nhà nước sẽ không bao che và nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi nhũng nhiễu DN/HTX/HKD”	0,883	0,971	0,720
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương có tham mưu/ giải quyết/ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật/ tranh chấp của DN/HTX/HKD thuộc lĩnh vực/ phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời và công bằng	0,812	0,933	0,560
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc chính quyền địa phương được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN/HTX/HKD có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền	0,811	0,951	0,643
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá về mức độ hài lòng về mức độ hài lòng của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền của chính quyền địa phương	0,763	1,000	0,000

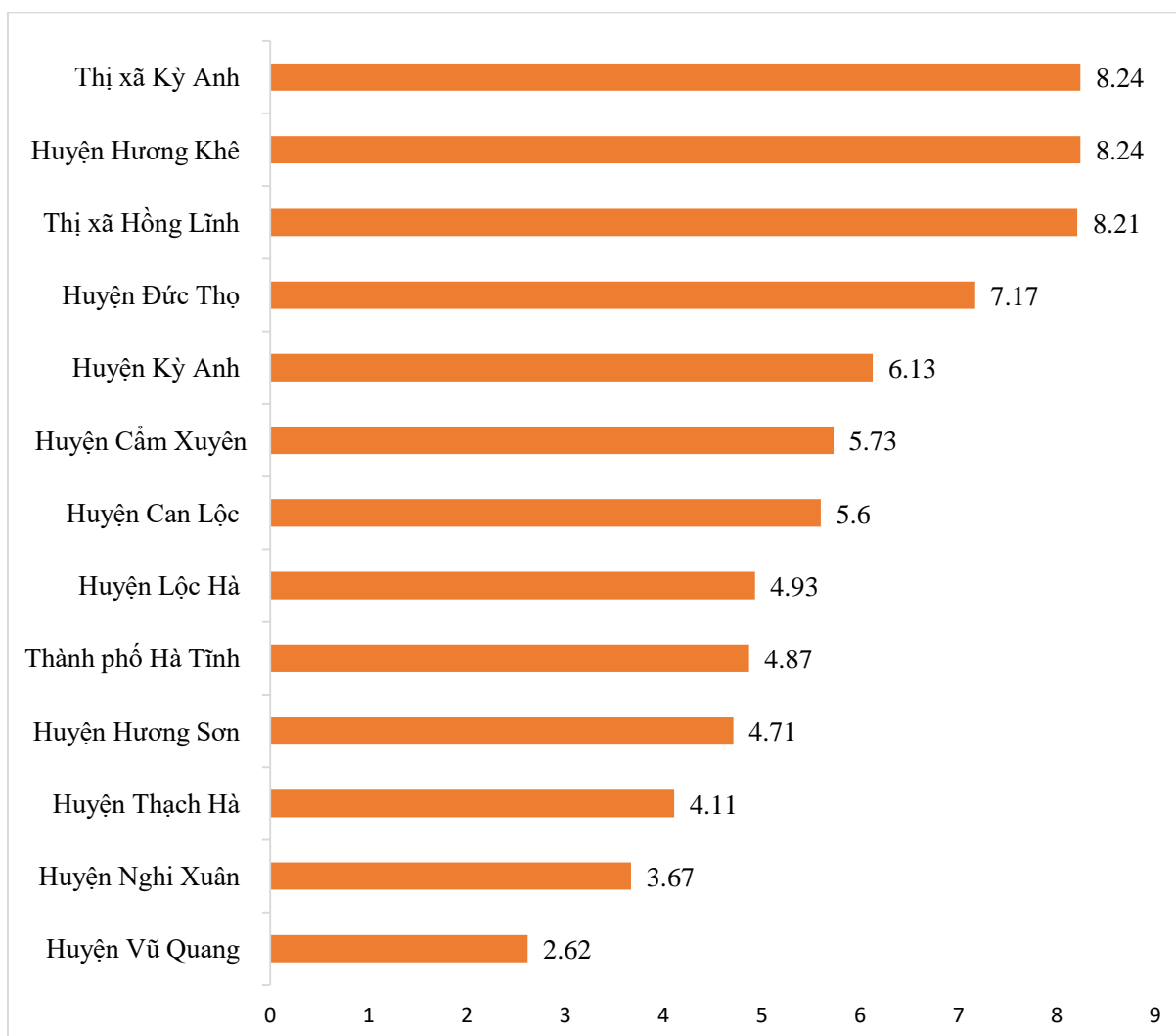
2.9. Chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của khối Địa phương

Chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu Khối địa phương 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Thị xã Kỳ Anh (8,24 điểm), tiếp theo là Huyện Hương Khê (8,24 điểm), Thị xã Hồng Lĩnh (8,21 điểm). Xếp cuối cùng là Huyện Vũ Quang với 2,62 điểm. Chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu 2023 cũng có sự chênh lệch tương đối lớn (5,62 điểm), cho thấy có sự khác biệt ở mức vừa phải giữa các chính quyền địa phương trong năm 2023.

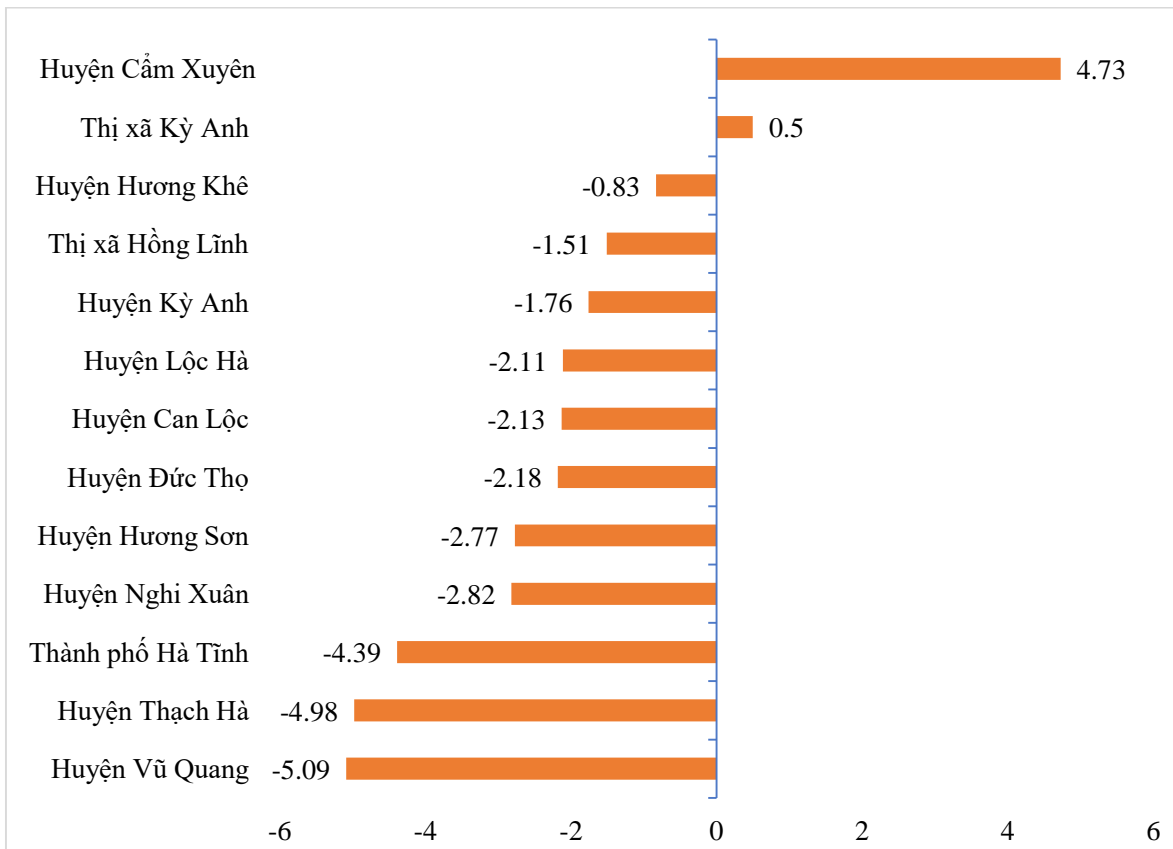
So với năm 2021, chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu khối Địa phương năm 2023 có xu hướng giảm trên diện rộng. Chỉ 2 địa phương (Huyện Cẩm Xuyên và Thị xã Kỳ Anh) có sự cải thiện về điểm số giúp các địa phương này đứng ở vị trí tương ứng 6/13 và 5/13 trên bảng xếp hạng. Còn lại 11/13 địa phương đều ghi nhận giảm. Trong đó giảm mạnh nhất là Huyện Vũ Quang (5,09 điểm), đứng ở vị trí cuối bảng xếp hạng 2023, Huyện Thạch Hà (4,98 điểm), đứng ở vị trí 11/13 trên bảng xếp

hạng 2023. Đáng chú ý là Thành phố Hà Tĩnh (đứng thứ 2 trong bảng xếp hạng tổng thể DDCI 2023) cũng ghi nhận chỉ số này giảm mạnh (4,39 điểm).

Hình 2.18 Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của chính quyền Địa phương năm 2023



Hình 2.19. Mức độ cải thiện điểm số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tính năng động và vai trò người đứng đầu Khối địa phương 2023 được cấu thành từ 3 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu thuận đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Tỷ lệ doanh nghiệp ủng hộ và đánh giá về vai trò lãnh đạo UBND chính quyền địa phương là 93,8% năm 2023. Trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng người đứng đầu chính quyền địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của mình đạt 78,5%. Tuy nhiên, 19,8% DN/HTX/HKD cho biết người đứng đầu chính quyền địa phương chưa thực sự tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Bảng 2.9. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của chính quyền Địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về việc có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết vấn đề của DN/HTX/HKD	0,938	0,967	0,909
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá mức độ tin tưởng rằng người đứng đầu chính quyền địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của mình	0,785	0,880	0,640
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về sự tích cực người đứng đầu chính quyền địa phương trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh	0,802	0,902	0,720

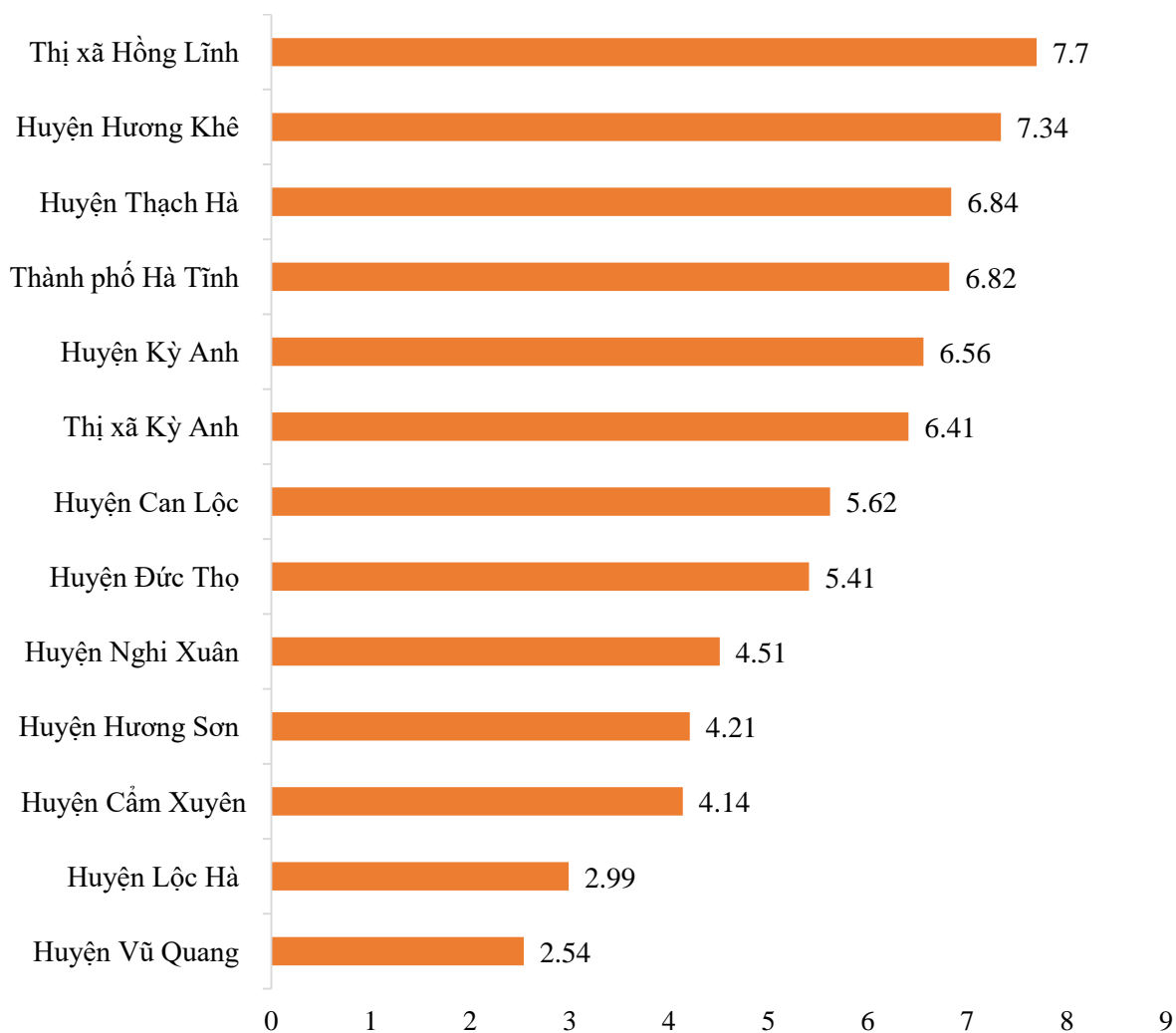
2.10. Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất khối Địa phương

Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất Khối địa phương năm 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Thị xã Hồng Lĩnh (7,7 điểm), tiếp theo là Huyện Hương Khê (7,34 điểm). Hai địa phương xếp cuối cùng là Huyện Vũ Quang (2,54 điểm) và Huyện Lộc Hà (2,99 điểm). Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất Khối địa phương 2023 có sự chênh lệch tương đối lớn (5,16 điểm) và điểm tuyệt đối thấp hơn so với một số chỉ số thành phần khác của DDCI 2023.

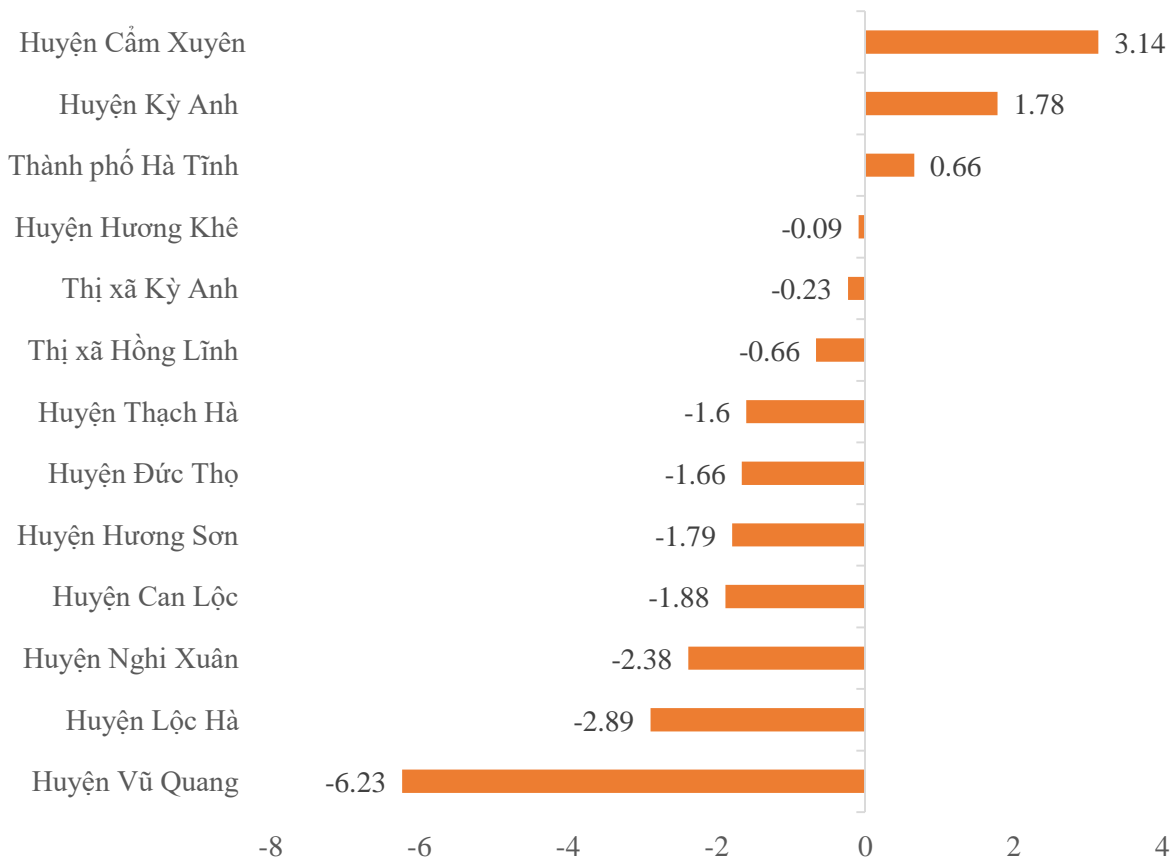
Điểm trung vị là 5,12 điểm, so với năm 2021, Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất Khối địa phương 2023 có xu hướng giảm trên diện rộng. Chỉ có 3 địa phương ghi nhận mức tăng là Thành phố Hà Tĩnh (0,66 điểm), Huyện Kỳ Anh (1,78 điểm) và Huyện Cẩm Xuyên (3,14 điểm). Ở chiều ngược lại, Huyện Vũ Quang ghi nhận mức giảm rất mạnh (6,23 điểm) và rớt xuống cuối bảng xếp hạng 2023. Mức giảm tương đối mạnh thuộc về Huyện Lộc Hà (2,89 điểm) và Huyện Nghi Xuân (2,89 điểm).

Điều này cho thấy DN/HTX/HKD ở hầu hết các địa phương đang có những khó khăn nhất định trong việc tiếp cận đất đai.

Hình 2.20. Xếp hạng và điểm số chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất của chính quyền Địa phương năm 2023



Hình 2.21. Mức độ cải thiện điểm số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất của chính quyền Địa phương năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất Khối địa phương 2023 được cấu thành từ 5 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu thuận đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Theo kết quả khảo sát, có 83,3% DN/HTX/HKD đánh giá tích cực về sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng; 86,7% DN/HTX/HK cho rằng chính quyền địa phương đáp ứng đầy đủ về mặt bằng kinh doanh; 84,7% DN/HTX/HK cho rằng bảng giá đất phù hợp với tình hình thực tế; 9,9% DN/HTX/HKD đánh giá gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp nếu có nhu cầu; và khoảng 22,6 % DN/HTX/HK đánh giá mức độ rủi ro khi sử dụng đất cao.

Bảng 2.10. Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất của chính quyền Địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị thấp nhất	Điểm đơn vị cao nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ đáp ứng đầy đủ về mặt bằng kinh doanh của DN/HTX/HKD hiện đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	0,867	0,912	0,821
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá mức độ phù hợp của giá đất theo Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn tỉnh	0,847	0,933	0,720
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ thấp về rủi ro bị thu hồi đất khi sử dụng đất tại địa phương	0,874	0,967	0,800
4	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ tích cực nỗ lực hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng	0,833	0,929	0,733
5	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng sản xuất kinh doanh tại địa phương	0,911	0,971	0,867

2.11. Tổng hợp một số ý kiến của DN/HTX/HKD từ các đơn vị khảo sát địa phương

Cuộc khảo sát, đánh giá, lấy ý kiến về Chỉ số DDCI tại tỉnh Hà Tĩnh khối địa phương đã được tiến hành tại 13 huyện, thành phố và thị xã trong tỉnh. Cuộc khảo sát này nhằm mục đích đánh giá sâu rộng tình hình kinh doanh tại các cấp địa phương, từ doanh nghiệp, hợp tác xã đến hộ kinh doanh, nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và cạnh tranh của doanh nghiệp. Cuộc khảo sát không chỉ đánh giá các chỉ số cơ bản về minh bạch, tiếp cận thông tin, và cạnh tranh bình đẳng... mà còn tổng hợp ý kiến và đánh giá từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, và hộ kinh doanh tại các đơn vị khảo sát, chúng ta có cơ hội hiểu rõ hơn về tình hình kinh doanh và đưa ra những đề xuất cụ thể nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp tại Hà Tĩnh.

Bảng 2.11. Tổng hợp một số ý kiến, kiến nghị của các DN/HTX/ HKD cho các địa phương

Địa phương	Một số ý kiến, kiến nghị từ kết quả khảo sát
Huyện Kỳ Anh	Thủ tục xin phép xây dựng dân dụng. Dân và đơn vị thiết kế luôn bị làm khó và thủ tục quá rườm rà và ko đúng như yêu cầu theo luật.
Thành phố Hà Tĩnh	- Doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc do không tiếp cận được các thông tin từ cơ quan tại địa phương nên những doanh nghiệp lớn có mối quan hệ chung chia và con ông cháu cha được ưu tiên theo nhiệm kỳ của cấp lãnh đạo, nên doanh nghiệp nhỏ không có cơ hội tiếp xúc và đấu thầu cạnh tranh được do hồ sơ không được công khai; - Khó tiếp cận nguồn vốn.
Huyện Nghi Xuân	Các ban ngành, đoàn thanh tra đi kiểm tra quá nhiều trong 1 năm làm ảnh hưởng đến quá trình làm việc của HKD.

Những ý kiến và kiến nghị trên đây là những phản ánh quan trọng từ cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng kinh doanh địa phương. Để cải thiện môi trường kinh doanh, có thể xem xét việc đơn giản hóa thủ tục, tăng cường minh bạch thông tin, và tạo cơ hội công bằng cho cả doanh nghiệp lớn và nhỏ. Cũng cần xem xét chính sách để giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn một cách hiệu quả hơn. Đồng thời, quản lý các hoạt động thanh tra sao cho không làm ảnh hưởng quá mức đến quá trình làm việc của các hợp tác xã và doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ BAN NGÀNH

3.1. Xếp hạng DDCI 2023 Khối Sở Ban Ngành (SBN)

Chỉ số DDCI của Khối Sở, ban, ngành là một công cụ đánh giá quan trọng được phát triển để đo lường và đánh giá sự phát triển kinh tế, cũng như mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực tại địa phương. DDCI đo lường hiệu suất hỗ trợ từ các Sở Ban ngành địa phương đối với các đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Các chỉ số chính như minh bạch, tiếp cận thông tin, cạnh tranh bình đẳng... được sử dụng để xác định mức độ phát triển và cạnh tranh của doanh nghiệp. Ngoài ra, DDCI còn là một công cụ quan trọng giúp các Sở Ban ngành địa phương hiểu rõ hơn về những khó khăn và cơ hội mà doanh nghiệp đang phải đối mặt, từ đó có thể đưa ra các chính sách và biện pháp hỗ trợ phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển và cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh. Chỉ số DDCI 2023 của Hà Tĩnh bao gồm 08 chỉ tiêu chính để đưa vào đánh giá, phân loại 24 Sở, Ban, ngành cấp tỉnh: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động của Chính quyền địa phương; (3) Chi phí thời gian; (4) Chi phí không chính thức; (5) Cạnh tranh bình đẳng, (6) Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh; (7) Thiết chế pháp lý và (8) Tính năng động và vai trò của người đứng đầu.

Với thang điểm tối đa là 100 điểm, điểm tổng hợp chỉ số Năng lực cạnh tranh khối Sở, ban, ngành Hà Tĩnh năm 2023 và thứ hạng tương ứng của các Sở, ban, ngành sẽ được trình bày rõ ở Hình 3.1 và Bảng 3.1. Kết quả khảo sát cho thấy xếp hạng của khối SBN được chia thành 4 nhóm. Trong đó 5/24 đơn vị xếp ở nhóm Tốt, 10/24 đơn vị xếp ở nhóm Khá, 6/24 đơn vị xếp ở nhóm Trung Bình và 3/24 đơn vị xếp ở nhóm Tương đối thấp.

- Nhóm “Tốt” là những Sở, ban, ngành có điểm số từ 70 tới dưới 80, bao gồm: Cục Hải quan tỉnh; Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
- Nhóm “Khá” là những Sở, ban, ngành có điểm số từ 60 tới dưới 70, bao gồm: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động; Thương binh và Xã hội; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Giao thông vận tải; Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Sở Công thương; Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Xây dựng.
- Nhóm “Trung bình” là những Sở, ban, ngành có điểm số từ 50 tới dưới 60, bao gồm: Công an tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh.

- Nhóm “Tương đối thấp” là những Sở, ban, ngành có điểm số dưới 50 như Cục Thuế tỉnh (46.02 điểm); Bảo hiểm xã hội tỉnh (39.03) và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế tỉnh

Việc theo dõi và đánh giá chỉ số DDCI khối địa phương giúp xác định những điểm mạnh và yếu của từng địa phương, từ đó chính quyền có thể áp dụng các biện pháp cải thiện và điều chỉnh chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, thông tin từ chỉ số DDCI giúp họ đưa ra quyết định đầu tư và phát triển kinh doanh dựa trên mức độ hỗ trợ và thuận lợi từ môi trường kinh doanh địa phương.

3.1.1. Kết quả tổng hợp

Bảng xếp hạng DDCI Hà Tĩnh 2023 Khối SBN được thực hiện với 24 đơn vị. Phương pháp tổng hợp điểm kết quả khảo sát và xếp hạng DDCI được áp dụng theo phương pháp tổng hợp điểm của chỉ số PCI. Phương pháp tính điểm này sẽ giúp tạo sự phân hoá về điểm số rõ nét hơn giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng, qua đó có thể nhìn nhận được những kết quả trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà đơn vị đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra được những mặt còn tồn tại, hạn chế cần cải thiện.

Điểm trung bình của khối SBN năm 2023 là 61,93 điểm (xếp ở mức Khá) và có xu hướng giảm trên diện rộng so với lần khảo sát năm 2021, trong đó có 6/24 đơn vị tăng điểm²³ và 18/24 đơn vị giảm điểm²⁴ với mức giảm nhiều hơn mức tăng.²⁵ Điểm số DDCI 2023 giữa các SBN có vị trí xếp hạng cao nhất²⁶ và thấp nhất²⁷ có sự chênh lệch khá lớn (40,68 điểm) nhưng đã giảm so với năm 2021 (70,78 điểm), phản ánh chất lượng điều hành giữa các sở ban ngành đã đồng đều hơn so với thời điểm năm 2021.²⁸

²³ Bao gồm: Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh, Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh, Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng & công nghiệp tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Sở Tài chính, Sở Văn hoá, Thể thao và du lịch.

²⁴ Bao gồm: Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh, Sở Tài nguyên và môi trường, Sở Y tế, Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và xã hội, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục thuế tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

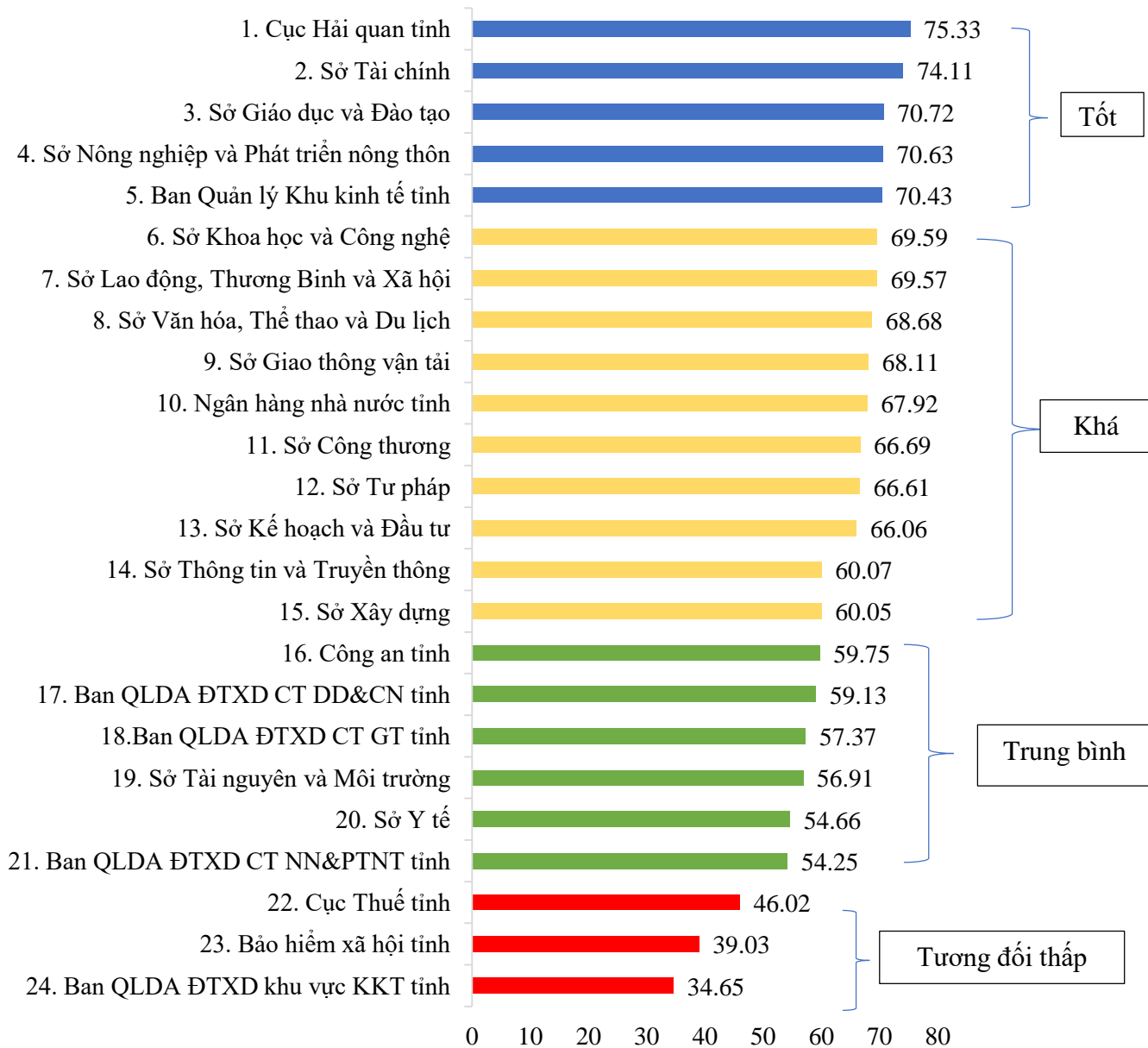
²⁵ Mức tăng cao nhất là 34,15 điểm (Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh); mức giảm mạnh nhất là 46,13 điểm (Bảo hiểm Xã hội tỉnh).

²⁶ Cục Hải quan tỉnh

²⁷ Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh

²⁸ So với DDCI 2023 của khối địa phương, DDCI của khối SBN năm 2021 cao hơn cả về: (i) số tuyệt đối và (ii) chênh lệch giữa đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất

**Hình 3.1. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2023
khối Sở Ban Ngành tỉnh Hà Tĩnh**



Đáng chú ý:

(i) Các SBN quan trọng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội (Cục thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh...) đều có điểm số sụt giảm so với năm 2021. Sở Kế hoạch và Đầu tư có điểm số giảm, nhưng thứ hạng tăng so với năm 2021. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 5,06 điểm so với DDCI năm 2021 và nằm trong nhóm Trung bình. Sở Xây dựng trong kết quả khảo sát DDCI 2023 đã giảm 17,33 điểm so với năm 2021 tuy nhiên vẫn nằm trong khối các Sở, ban, ngành nhóm điểm Khá.

(ii) Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh và Cục thuế tỉnh là các đơn vị có điểm số năm 2023 giảm mạnh nhất²⁹, dẫn đến việc Ngân hàng Nhà nước tỉnh và Bảo hiểm xã hội tụt hạng từ vị trí số 1 và thứ 2 (năm 2021) xuống vị trí thứ 10/24 và 23/24 (năm 2023), Cục Thuế tỉnh từ vị trí thứ 6 (năm 2021) xuống vị trí 22/24 (năm 2023) và nằm trong 3 đơn vị thuộc nhóm Tương đối thấp.

(iii) Cục Hải quan tỉnh và Sở Tài chính tỉnh là các đơn vị có sự cải thiện đáng kể về thứ hạng chung. Trong xu thế giảm điểm nói chung của khối SBN, điểm số năm 2023 của hai đơn vị này tăng tương ứng là 7,31 điểm và 5,26 điểm so với năm 2021, góp phần đưa hai đơn vị này giữ các vị trí cao nhất trong bảng xếp hạng năm 2023.

(iv) Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh và Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh là hai đơn vị có điểm số của 8/8 chỉ tiêu năm 2023 đều tăng so với năm 2021, ở chiều ngược lại, Cục Thuế tỉnh là đơn vị duy nhất có điểm số của 8/8 chỉ tiêu năm 2023 đều giảm so với năm 2021.

(v) Năm 2023, Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh và Ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có điểm số giảm tương ứng 3,29 điểm và 13,52 điểm so với năm 2021, điểm số năm của 03 ban quản lý dự án còn lại đều tăng rất mạnh so với năm 2021³⁰ (và là các đơn vị hiếm hoi có số điểm được cải thiện so với năm 2021).

(vi) Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị duy nhất giữ nguyên vị trí trong bảng xếp hạng năm 2023 (vị trí thứ 3/24) mặc dù có điểm số giảm ở mức vừa phải (14,17 điểm) so với năm 2021.

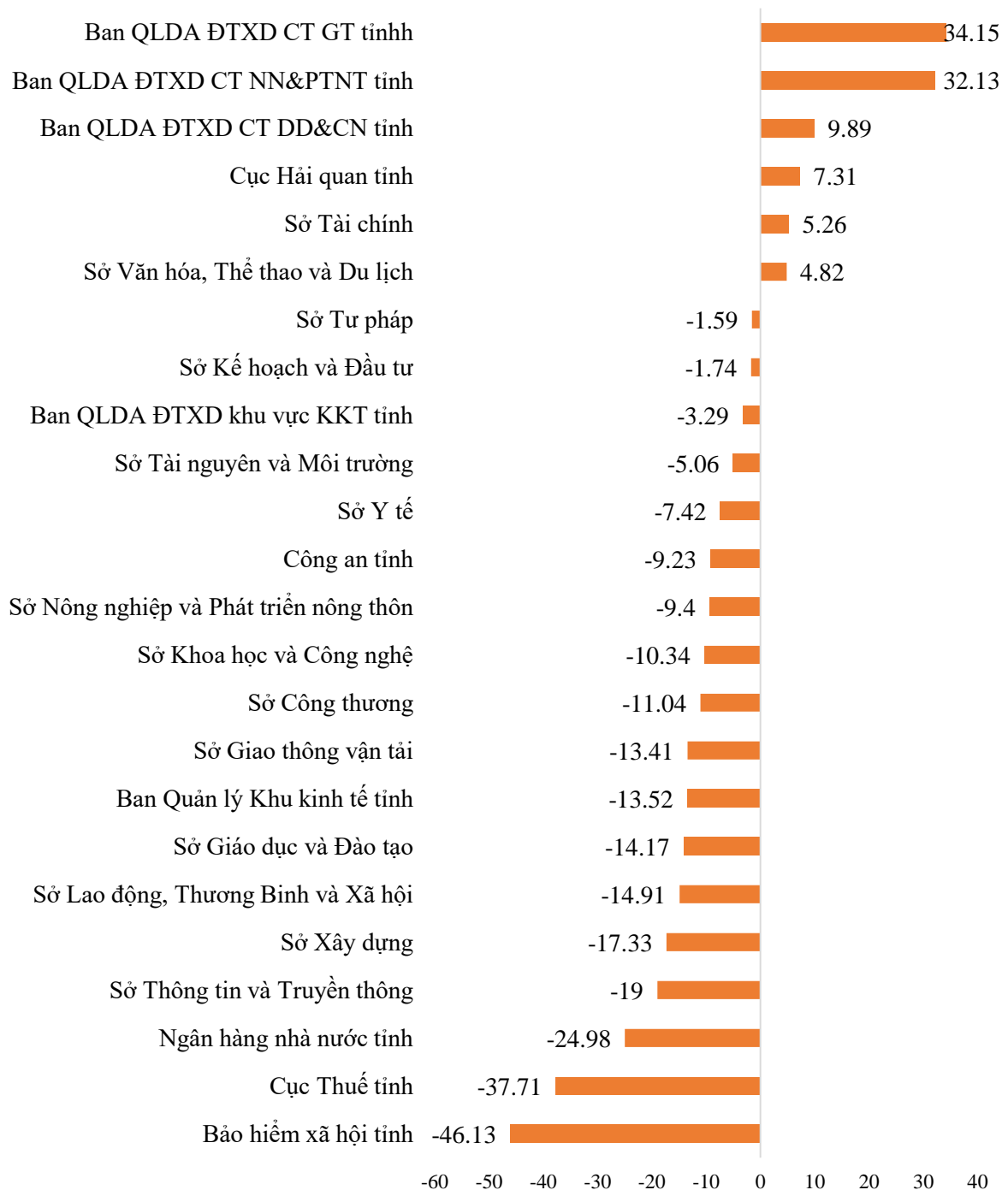
(v) Việc ứng dụng công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ ở Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công thương và Sở Giáo dục và Đào tạo.

(vi) Chỉ số Chi phí không chính thức và Chi phí thời gian xếp ở các vị trí cuối bảng chỉ số thành phần DDCI 2023 cho thấy có nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cần được khối SBN chú trọng và cải thiện trong thời gian tới.

²⁹ Bảo hiểm xã hội tỉnh giảm 46,13 điểm, Ngân hàng Nhà nước tỉnh giảm 24,98 điểm, Cục Thuế tỉnh giảm 37,71 điểm.

³⁰ Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh tăng 34,15 điểm; Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh tăng 32,13 điểm; Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh tăng 9,89 điểm.

Hình 3.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của khối SBN năm 2023 so với năm 2021



Một số đơn vị có số lượng chỉ số thành phần tăng/giảm mạnh là: Cục Thuế tỉnh (8/8 chỉ số thành phần giảm); Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh, Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh (8/8 chỉ số thành phần tăng); Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm Xã hội tỉnh (7/8 chỉ số thành phần giảm); Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng & công nghiệp tỉnh, Sở Tài chính (7/8 chỉ số thành phần tăng).

Bảng 3.1. Thông tin chung về điểm DDCI, xếp hạng và biến động của các chỉ số thành phần năm 2023 – Khối Sở Ban Ngành

TT	Đơn vị SBN	DDCI 2023	Nhóm	Xu hướng	Chỉ số tăng	Chỉ số giảm
1	Cục Hải quan tỉnh	75,33	Tốt	Tăng	6	2
2	Sở Tài chính	74,11	Tốt	Tăng	7	1
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	70,72	Tốt	Giảm	4	4
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70,63	Tốt	Giảm	4	4
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	70,43	Tốt	Giảm	3	5
6	Sở Khoa học và Công nghệ	69,59	Khá	Giảm	3	5
7	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	69,57	Khá	Giảm	3	5
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	68,68	Khá	Tăng	6	2
9	Sở Giao thông vận tải	68,11	Khá	Giảm	2	6
10	Ngân hàng nhà nước tỉnh	67,92	Khá	Giảm	1	7
11	Sở Công thương	66,69	Khá	Giảm	2	6
12	Sở Tư pháp	66,61	Khá	Giảm	5	3
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	66,06	Khá	Giảm	4	4
14	Sở Thông tin và Truyền thông	60,07	Khá	Giảm	1	7
15	Sở Xây dựng	60,05	Khá	Giảm	3	5
16	Công an tỉnh	59,75	Trung bình	Giảm	3	5
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	59,13	Trung bình	Tăng	7	1
18	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	57,37	Trung bình	Tăng	8	0
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	56,91	Trung bình	Giảm	5	3
20	Sở Y tế	54,66	Trung bình	Giảm	2	6
21	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông	54,25	Trung bình	Tăng	8	0

	ng nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh					
22	Cục Thuế tỉnh	46,02	Tương đối thấp	Giảm	0	8
23	Bảo hiểm xã hội tỉnh	39,03	Tương đối thấp	Giảm	1	7
24	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh	34,65	Tương đối thấp	Giảm	4	4

Điểm trung bình của các chỉ số thành phần DDCI 2023 của khối SBN không có sự khác biệt lớn giữa chỉ số có điểm cao nhất³¹ và chỉ số có điểm thấp nhất.³² Chỉ có 2 chỉ số trên 7 điểm là: Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh (7,63 điểm) và Thiết chế pháp lý (7,46 điểm). Xét về xu hướng của các chỉ số: (i) có 2 chỉ số không rõ xu hướng³³ với số lượng các SBN tăng điểm và giảm điểm so với năm 2021 bằng nhau (12 SBN tăng, 12 SBN giảm), (ii) có 2 chỉ số có xu hướng tăng³⁴ so với năm 2021, (iii) có 4 chỉ số có xu hướng giảm³⁵ so với năm 2021.

3.2. Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của hệ thống SBN

Dẫn đầu chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin Khối SBN 2023 là Cục Hải quan tỉnh (9,86 điểm). Ngoài ra, 4 đơn vị có chỉ số này trên 8 điểm là Sở Tài chính (8,17 điểm); Sở Khoa học và công nghệ, Sở Giao thông vận tải và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (cùng 8,11 điểm). Xếp cuối bảng về chỉ số này là Sở Y tế (4,3 điểm) và Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh (3,08 điểm). Có sự chênh lệch lớn giữa vị trí dẫn đầu và vị trí cuối cùng (6,78 điểm) cho thấy sự khác biệt về tính minh bạch và tiếp cận thông tin giữa các đơn vị SBN của tỉnh Hà Tĩnh.

So với năm 2021, chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin Khối SBN 2023 có xu hướng giảm. Cụ thể là chỉ số này được ghi nhận tăng ở 11/24 đơn vị và ghi nhận giảm ở 13/24 đơn vị còn lại. Trong đó, Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh và Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh ghi nhận mức tăng khá mạnh (4,44 điểm và 3,84 điểm). Ở chiều ngược lại, mức giảm khá mạnh (3,32 điểm và 3,02 điểm) được ghi nhận ở Cục Thuế tỉnh và Sở Lao động, Thương binh và xã hội.

Điểm trung vị của chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin Khối SBN 2023 là khoảng 5.5 điểm, cho thấy hầu hết các đơn vị đều có tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá tích cực cao.

³¹ Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh – đạt 7,63 điểm

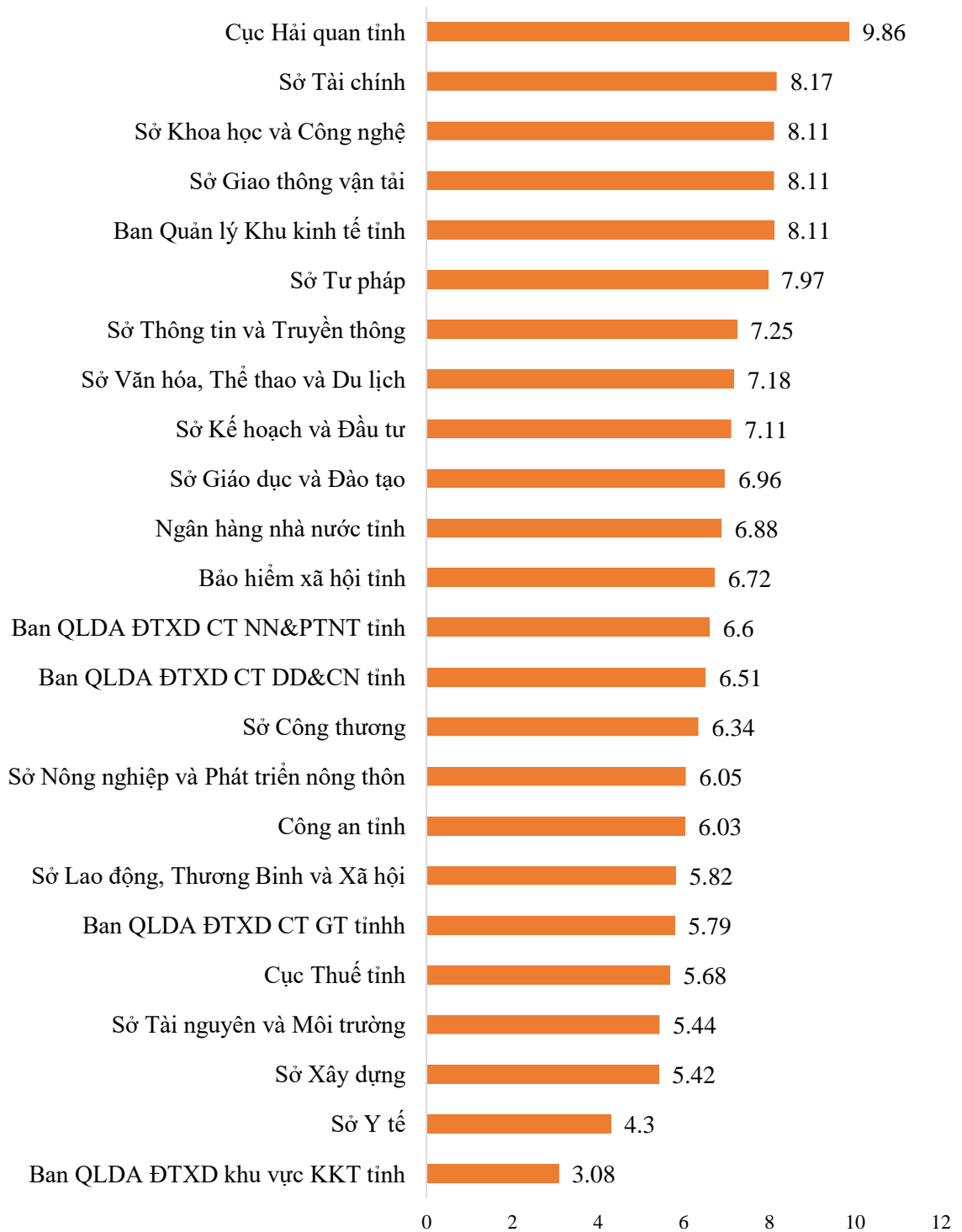
³² Chỉ số Chi phí thời gian – đạt 6,21 điểm

³³ Chỉ số Tính năng động của Chính quyền địa phương và Thiết chế pháp lý

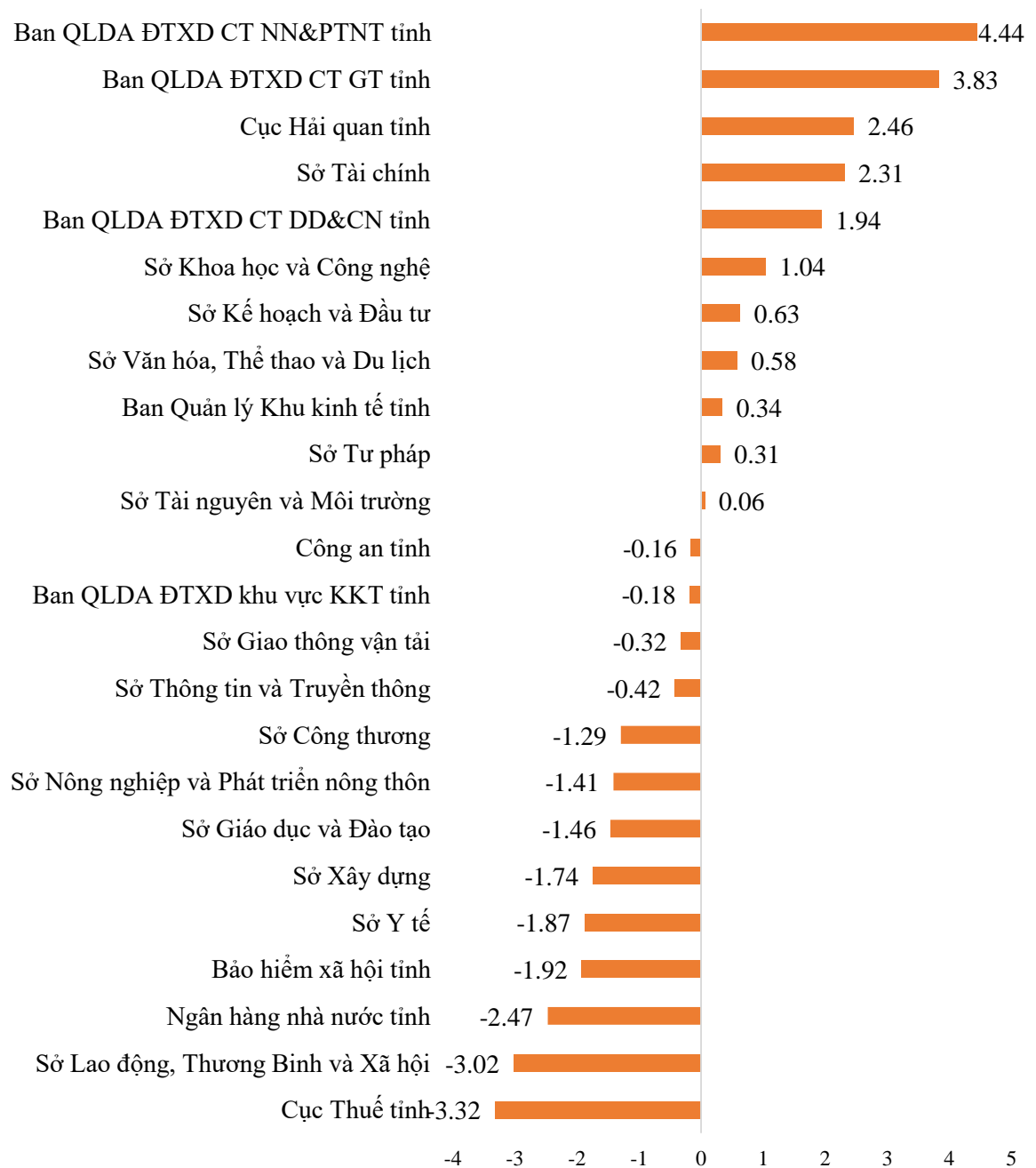
³⁴ Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng và Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh

³⁵ Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, Chi phí thời gian, Chi phí không chính thức, Tính năng động và vai trò của người đứng đầu

Hình 3.3. Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của hệ thống SBN năm 2023



Hình 3.4. Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của hệ thống SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối SBN 2023 được cấu thành từ 5 chỉ tiêu Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các SBN.

Chỉ có 17,8% DN/HTX/HKD đánh giá các website của các SBN chưa đáp ứng được yêu cầu về cung cấp thông tin. Các chỉ tiêu thuận còn lại đều có tỷ lệ DN đánh giá tích cực cao, cụ thể, trung bình có 96,3% DN/HTX/HKD đánh giá thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, và cơ chế chính sách mới cũng như các thông tin về chính sách ưu đãi dành cho DN là dễ tiếp cận; khoảng 88,2% DN/HTX/HKD cho rằng SBN sẵn sàng cung cấp các thông tin (không thuộc phạm vi nhà nước) không có

sẵn trên các phương tiện truyền thông đại chúng nếu DN đề nghị; và 97,8% DN/HTX/HKD đánh giá TTHC, phí và lệ phí được niêm yết công khai.

Tuy nhiên, về vai trò của “mối quan hệ” trong tiếp cận thông tin cho thấy, có khoảng 79,2% DN đồng ý với nhận định rằng “có mối quan hệ với cán bộ” sẽ giúp DN thuận lợi hơn trong tiếp cận thông tin của đơn vị được đánh giá. Mặt khác, khoảng cách về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất³⁶ có sự chênh lệch không đáng kể. Điều này hàm ý rằng ở nhiều đơn vị, doanh nghiệp phải dùng “mối quan hệ” trong việc tiếp cận thông tin từ cơ quan quản lý.

Bảng 3.2 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của hệ thống SBN năm 2023

STT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ SBN	0,963	1,000	0,907
2	Website của SBN có đáp ứng được yêu cầu về cung cấp thông tin	0,822	1,000	0,583
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá có "mối quan hệ" với SBN sẽ thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN	0,792	0,870	0,696
4	“SBN sẵn sàng cung cấp những thông tin, văn bản (trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website,...) khi DN/HTX/HKD đề nghị	0,882	0,963	0,775
5	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá TTHC và lệ phí được niêm yết công khai Bộ phận một cửa của SBN	0,978	1,000	0,857

³⁶ Điểm đơn vị cao nhất là 0,870 điểm; điểm đơn vị thấp nhất là 0,696 điểm

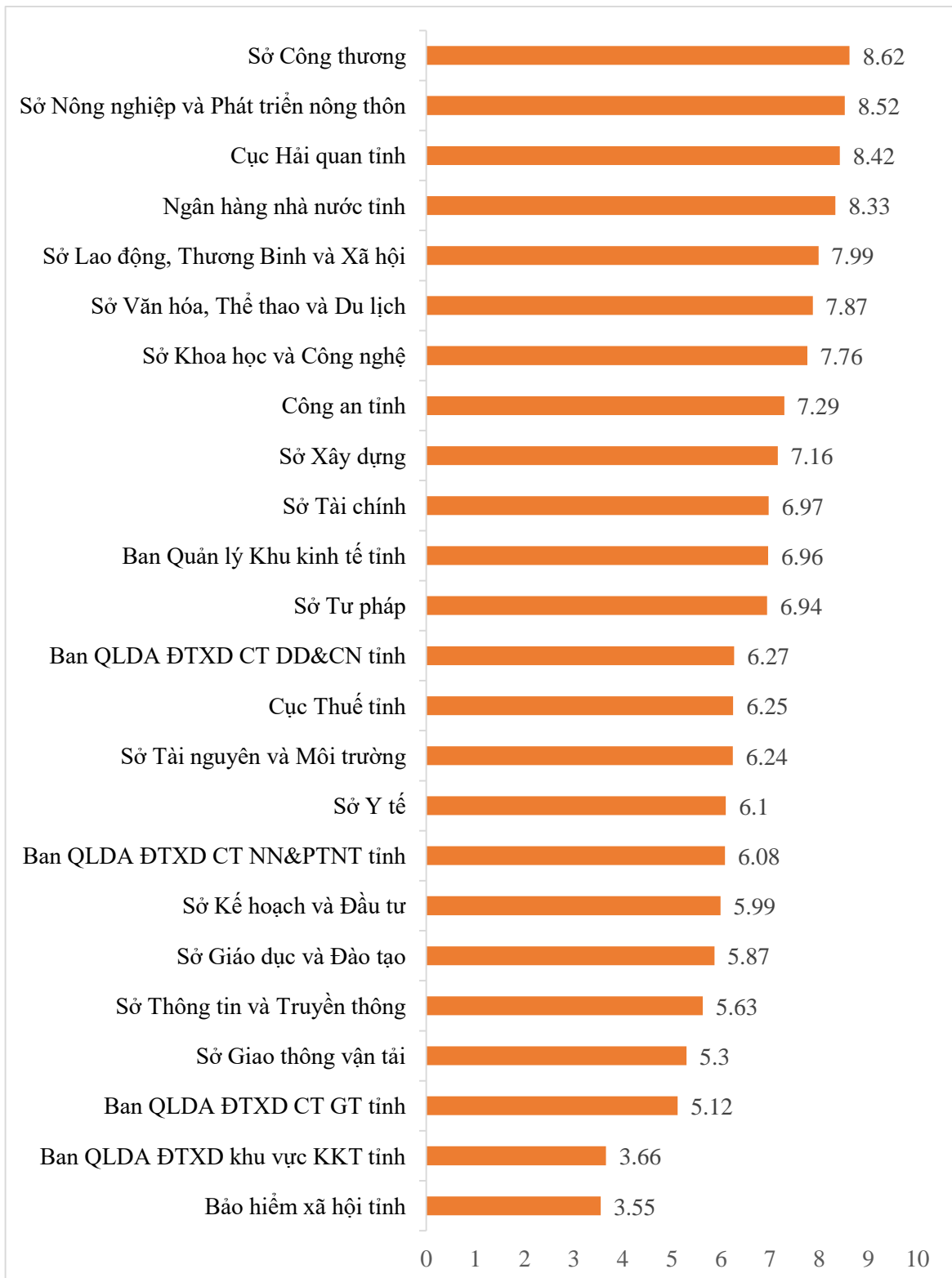
3.3. Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của Khối SBN

Chỉ số Tính năng động và hiệu lực Khối SBN 2023 ghi nhận 4 đơn vị có điểm số trên 8,0 là Sở Công thương (8,62 điểm) cao nhất, Sở Nông nghiệp và PTNT (8,52 điểm), Cục Hải quan tỉnh (8,42 điểm) và Ngân hàng Nhà nước tỉnh (8,33 điểm). Ở nhóm cuối bảng là Bảo hiểm Xã hội tỉnh (3,55 điểm) và Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh (3,66 điểm). Chỉ số Tính năng động và hiệu lực Khối SBN 2023 có sự chênh lệch vừa phải (5,07 điểm), thấp hơn với chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của hệ thống SBN 2023 (6,78 điểm). Điều này cho thấy có sự khác biệt vừa phải về tính năng động giữa các SBN trong năm 2023.

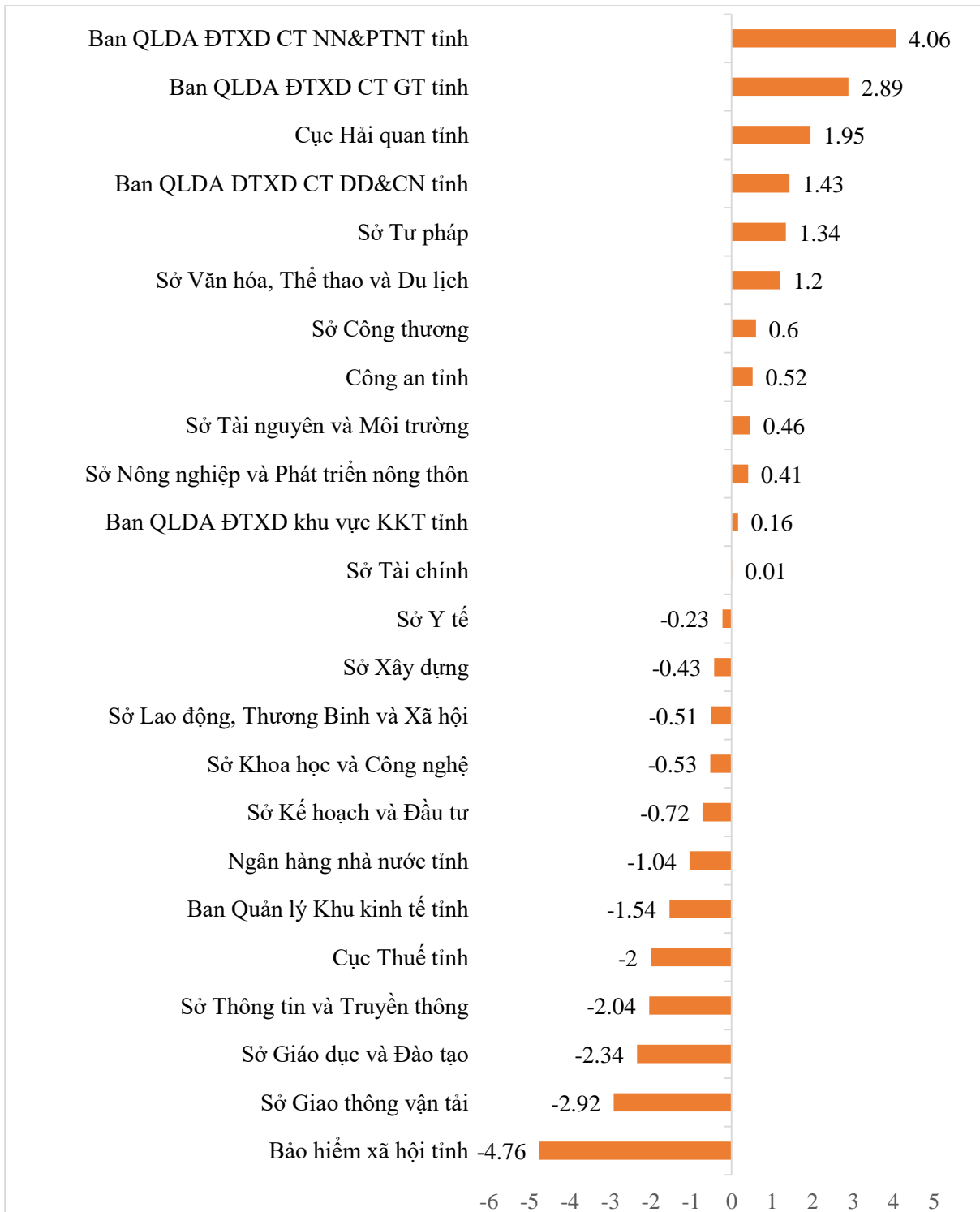
So với năm 2021, chỉ số Tính năng động và hiệu lực Khối SBN 2023 không rõ xu hướng tăng/giảm khi 12/24 đơn vị ghi nhận tăng và 12/24 đơn vị ghi nhận giảm. Trong đó, Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh ghi nhận mức tăng mạnh (4,06 điểm) so với năm 2021, chuyển từ vị trí cuối cùng (năm 2021) lên vị trí thứ 17/24 (năm 2023). Mức tăng vừa phải (2,89 điểm) được ghi nhận ở Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh nhưng chỉ giúp đơn vị này tăng 2 bậc lên vị trí 22/24 trên bảng xếp hạng năm 2023.

Ở chiều ngược lại, Bảo hiểm Xã hội tỉnh ghi nhận mức giảm mạnh (4,76 điểm) khiến đơn vị này giảm từ vị trí thứ 4/24 (năm 2021) xuống vị trí cuối bảng. Mức giảm vừa phải (từ 2-3 điểm) được ghi nhận với Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông và Cục Thuế tỉnh.

Hình 3.5. Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động và hiệu lực của hệ thống SBN năm 2023



Hình 3.6 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Tính năng động và hiệu lực của hệ thống SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của Khối SBN năm 2023 được cấu thành từ 6 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Có 84,9% DN/HTX/HKD đánh giá các SBN thực hiện hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh. Tuy nhiên, tồn tại khoảng cách tương đối lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất³⁷, hàm

³⁷ Điểm của đơn vị cao nhất là 0,962 điểm; điểm của đơn vị thấp nhất là 0,542 điểm

ý rằng các chủ trương, chính sách chưa được thực hiện hiệu quả ở một số đơn vị SBN. Có 83,8% DN/HTX/HKD đánh giá cơ quan nhà nước có khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của mình. Bên cạnh đó, 80,7% DN/HTX/HKD cho rằng cơ quan nhà nước chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/HTX/HKD, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Ở khía cạnh tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN/HTX/HKD, 84,6% DN/HTX/HKD đồng ý về mức độ thường xuyên trong tổ chức đối thoại. Cuối cùng, có 89,6% DN/HTX/HKD cho rằng cơ quan nhà nước đã thực hiện các biện pháp hỗ trợ trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

Trung bình có 84,9% DN/HTX/HKD đánh giá các SBN thực hiện hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh, và khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của SBN (83,8% DN). Mặc dù vậy, vẫn còn khoảng 18,5% DN/HTX/HKD đánh giá SBN có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định /chủ trương của UBND tỉnh.

Ngoài ra, vẫn còn khoảng 18,5% DN/HTX/HKD đánh giá SBN có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh.

Bảng 3.3 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động và hiệu lực của hệ thống SBN năm 2023

T	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách,... của cấp trên theo hướng có lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh	0,849	0,962	0,542
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/HTX/HKD, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh	0,807	0,960	0,675
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá không có hiện tượng các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương rất tốt nhưng khi thực hiện tại SBN thì bị trì hoãn/chậm trễ hoặc thực hiện không đúng	0,815	0,938	0,640
4	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá đã có sự nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng	0,838	0,958	0,675

	mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn			
5	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN/HTX/HKD	0,846	0,923	0,600
6	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chính SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN/HTX/HKD trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh	0,896	1,000	0,708

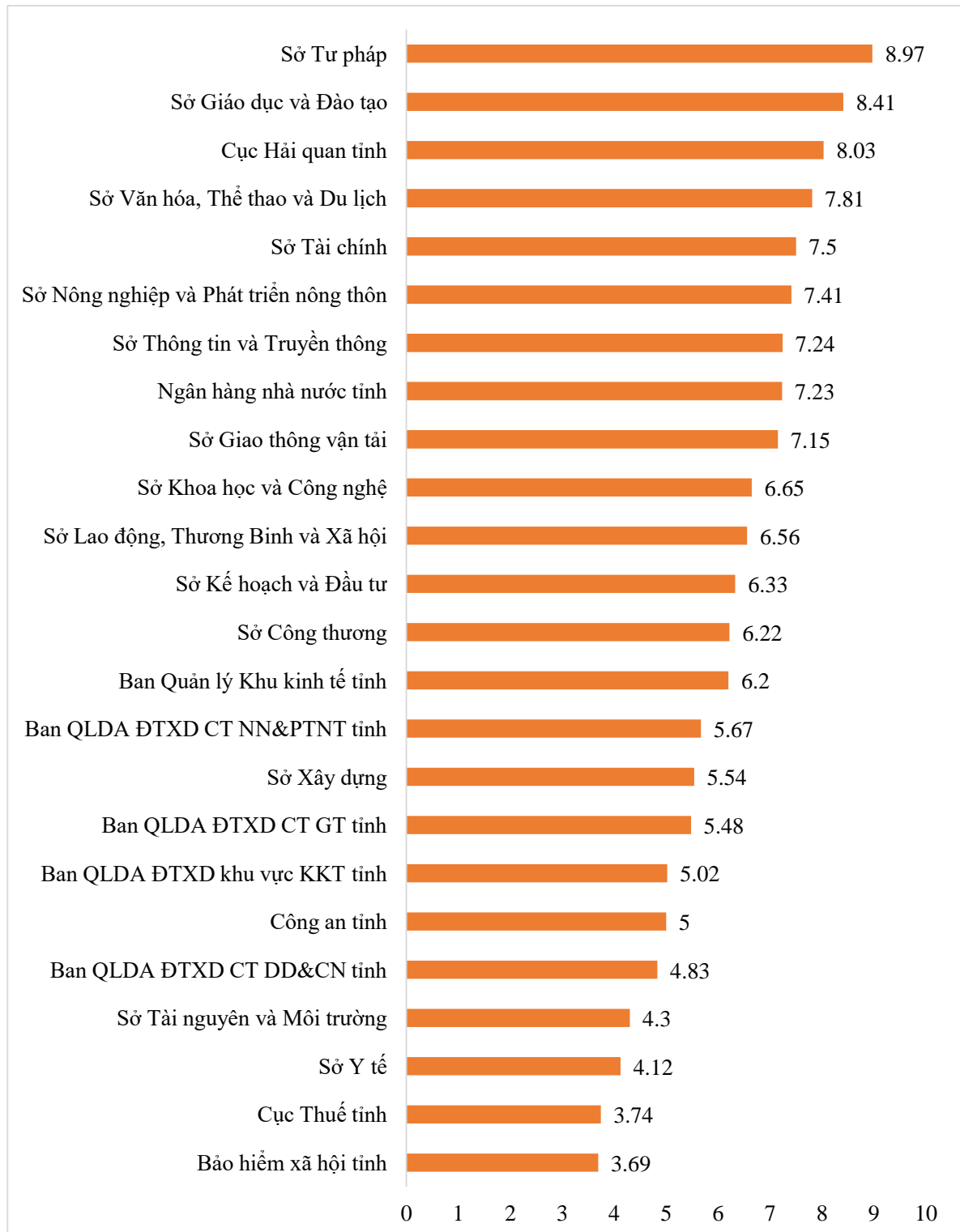
3.4. Chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN

Chỉ số Chi phí thời gian Khối SBN 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Sở Tư pháp (8,97 điểm), tiếp theo là Sở Giáo dục và Đào tạo (8,41 điểm) và Cục Hải quan tỉnh (8,03 điểm). Xếp cuối cùng là Bảo hiểm xã hội tỉnh (3,69 điểm) và Cục Thuế tỉnh (3,74 điểm). Phổ điểm trung bình là 6,21 điểm, điểm trung vị của chỉ số này là 6,33 điểm cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tốt các khía cạnh liên quan đến chỉ số này ở hầu hết các SBN đều có xu hướng hội tụ về các mức cao. Chỉ số Chi phí thời gian Khối SBN 2023 có sự chênh lệch tương đối lớn (5,28 điểm) cho thấy sự khác biệt về mức độ thuận lợi khi giải quyết thủ tục hành chính và hoạt động thanh, kiểm tra của các đơn vị trong tỉnh năm 2023. Tuy nhiên, sự khác biệt này có xu hướng giảm so với năm 2021.³⁸

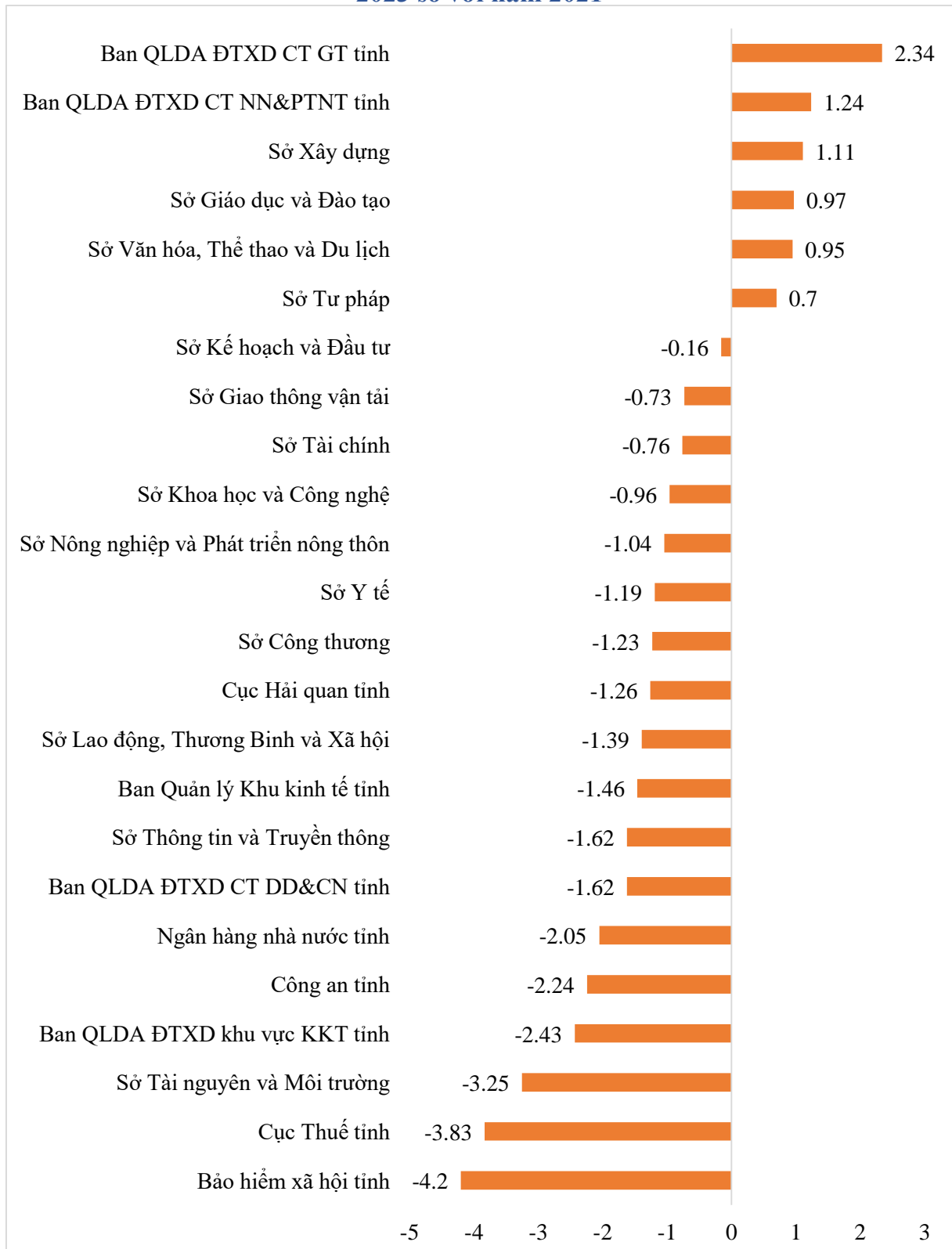
So với năm 2021, chỉ số Chi phí thời gian của Khối SBN 2023 có xu hướng giảm trên diện rộng (tương tự Chi phí thời gian của khối địa phương 2023). Chỉ có 6/24 đơn vị ghi nhận mức tăng trong năm 2023, đáng chú ý là Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh (2,34 điểm), các đơn vị khác chỉ ghi nhận mức tăng nhẹ (khoảng 1 điểm). Ở chiều ngược lại, Bảo hiểm xã hội tỉnh là đơn vị giảm mạnh nhất (4,2 điểm) khiến đơn vị này sụt giảm từ vị trí 9/24 (năm 2021) xuống vị trí cuối bảng (năm 2023). Tiếp theo là Cục Thuế tỉnh (3,82 điểm), Sở Tài nguyên và Môi trường (3,25 điểm) và khiến các địa phương này giảm xuống vị trí tương ứng là 23/24 và 21/24 trên bảng xếp hạng (năm 2023).

³⁸ Năm 2023, sự chênh lệch giữa đơn vị có điểm cao nhất và thấp nhất là 6,15 điểm

Hình 3.7. Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023



Hình 3.8 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Chi phí thời gian của hệ thống SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Chi phí thời gian của hệ thống SBN 2023 được cấu thành từ 6 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Về mặt tích cực, trong số DN/HTX/HKD đã từng đến thực hiện thủ tục hành chính của các địa phương, 89,7% doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương về mức độ sớm và đúng về thời gian giải quyết công việc, thủ

tục hành chính; 77,4% DN/HTX/HKD đánh giá chính quyền địa phương có thể giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích; 84,1% DN/HTX/HKD được cán bộ tư vấn về lợi ích khi giải quyết công việc và 93,5% DN/HTX/HKD hài lòng với hoạt động thanh, kiểm tra của SBN. Tuy nhiên, 17,5% DN/HTX/HKD phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, 12,3% DN/HTX/HKD cho rằng đã gặp tình trạng ùn đầy công việc của cán bộ tại SBN. Khoảng cách vừa phải giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất³⁹ hàm ý rằng đây là việc tương đối phổ biến ở các đơn vị SBN.

Bảng 3.4 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023

T T	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN về mức độ sớm và đúng về thời gian giải quyết công việc, TTHC của chính quyền địa phương	0,897	1,000	0,725
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN có thể giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu	0,066	0,920	0,625
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá có được cán bộ, công chức, viên chức tư vấn về những lợi ích khi giải quyết công việc, TTHC trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích và hướng dẫn quy trình	0,774	0,960	0,704
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá về tình trạng ùn đầy công việc tại SBN mà DN/HTX/HKD tới làm việc sang cho các sở, ban, ngành khác hoặc lên các cấp thẩm quyền cao hơn	0,841	0,960	0,778
5	Tỷ lệ DN/HTX/HKD phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC	0,877	0,960	0,667
6	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ hài lòng đối với hoạt động thanh, kiểm tra của SBN trong năm 2023	0,825	1,000	0,766

³⁹ Điểm đơn vị cao nhất 0,960 điểm; điểm đơn vị thấp nhất 0,667 điểm

3.5. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN

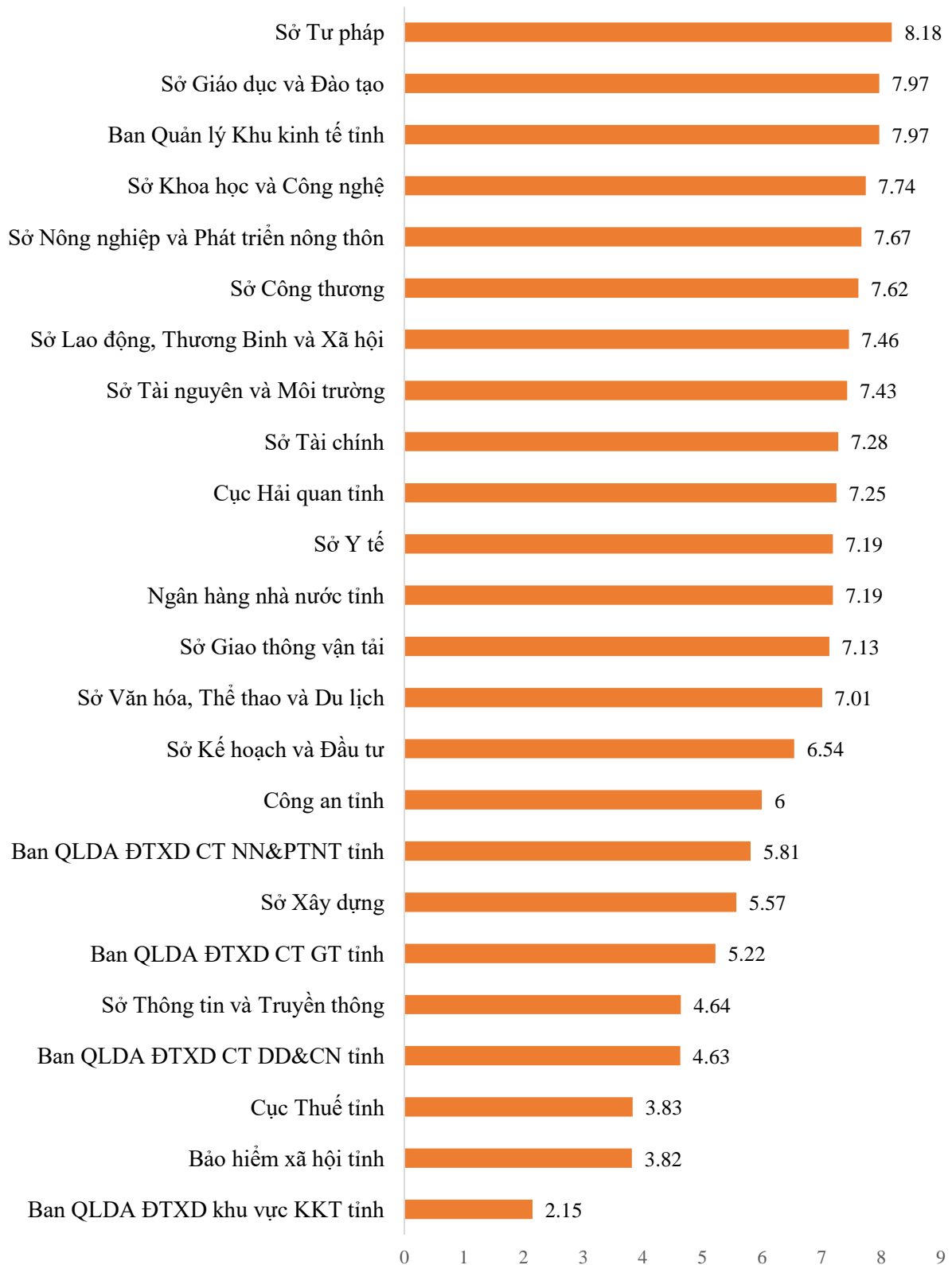
Chỉ số Chi phí không chính thức Khối SBN năm 2023 có phổ điểm khá chênh lệch. Vị trí dẫn đầu thuộc về Sở Tư pháp (8,18 điểm), tiếp theo là 13/24 đơn vị có điểm xếp hạng nằm trong khoảng từ 7 - 8 điểm. Ở chiều ngược lại, Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh đứng ở vị trí thấp nhất (2,15 điểm), xếp trên đó là Cục Thuế tỉnh (3,83 điểm) và Bảo hiểm xã hội tỉnh (3,82 điểm). Điểm trung vị của chỉ số Chi phí không chính thức năm 2023 là 5,5. Chỉ phí không chính thức 2023 có sự chênh lệch lớn (6,03 điểm), cho thấy sự khác biệt về chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải chi trả đối với các đơn vị thuộc SBN.

So với năm 2021, chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN 2023 có xu hướng giảm⁴⁰. Cụ thể là có 15/24 đơn vị ghi nhận giảm, trong đó Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông là các đơn vị giảm mạnh nhất với số điểm tương ứng là 4,97 điểm, 4,5 điểm và 4,16 điểm. Đây là nguyên nhân khiến vị trí của các đơn vị này trong bảng xếp hạng 2023 bị sụt giảm mạnh và nằm ở những đơn vị cuối cùng.⁴¹ Ngược lại, Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh và Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh tăng mạnh nhất (tương ứng 3,39 điểm và 3,13 điểm), góp phần cải thiện vị trí của các đơn vị này trong bảng xếp hạng năm 2023.

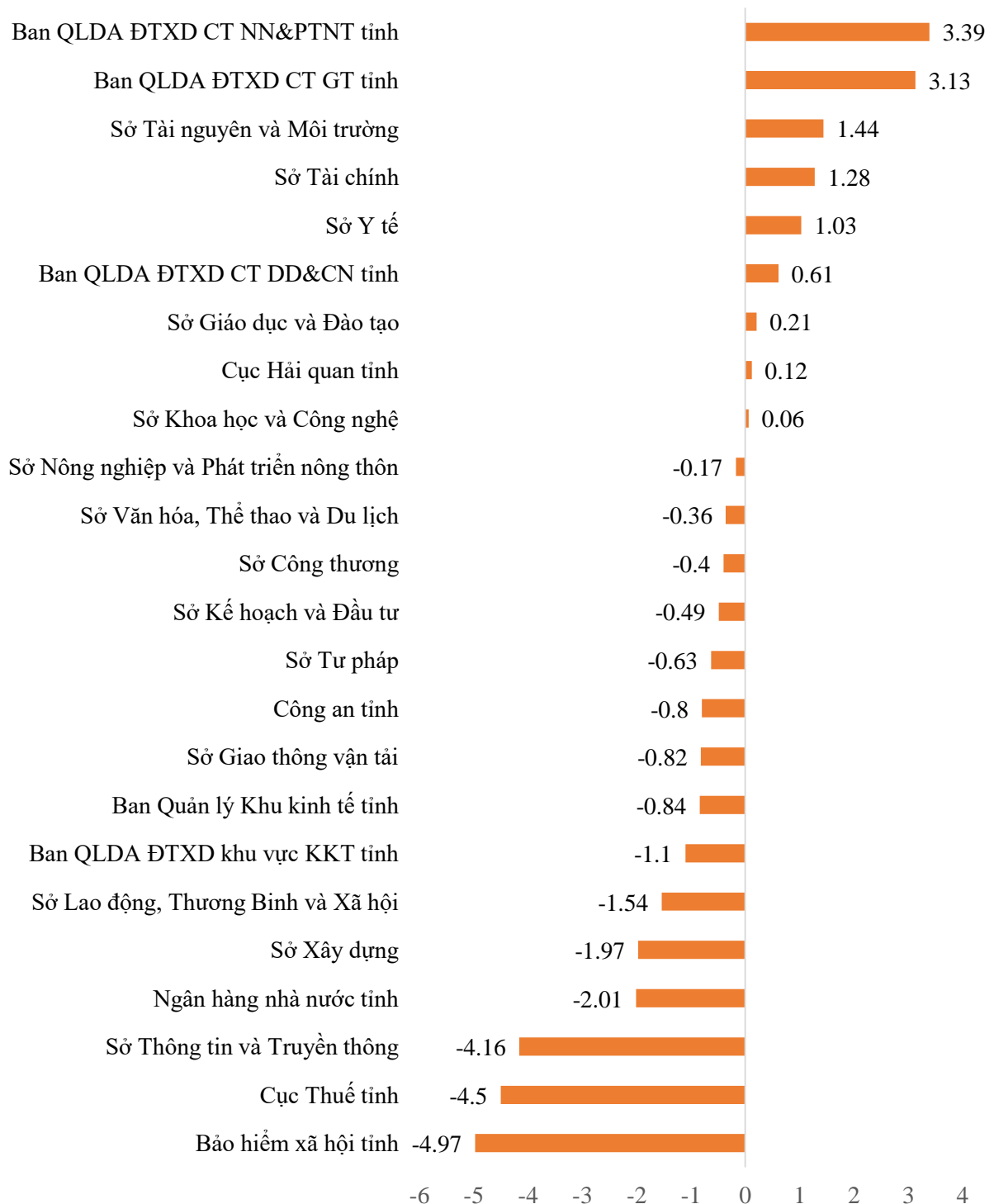
⁴⁰ Trong khi đó, chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương 2023 có xu hướng tăng

⁴¹ Bảo hiểm xã hội tỉnh xếp hạng 23/24, Cục Thuế tỉnh xếp hạng 22/24, Sở Thông tin và Truyền thông xếp hạng 20/24.

Hình 3.9 Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023



Hình 3.10 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của hệ thống SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Chi phí không chính thức Khối SBN 2023 được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Theo kết quả khảo sát, 85,9% số doanh nghiệp cho biết phí, lệ phí được công khai tại chính quyền địa phương và doanh nghiệp có thể thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi có yêu cầu. Ngoài ra, 77,6% doanh nghiệp cho rằng không có hiện tượng nhũng nhiễu tại các cơ quan chính quyền địa phương.⁴² 91,7% doanh nghiệp cho rằng không phải trả chi

⁴² Tỷ lệ này đối với khối địa phương năm 2023 là 80,7%.

phí không chính thức cho SBN. Điều quan trọng là các chi phí không chính thức đều có khoảng điểm hẹp, tức tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá các SBN không có sự khác biệt quá lớn.

Tuy nhiên, 14,4% doanh nghiệp cho rằng họ phải đưa quà hay trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ thanh tra. Mặt khác, khoảng cách tương đối lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất⁴³ hàm ý rằng ở một số đơn vị SBN, doanh nghiệp vẫn bị nhũng nhiễu, gây khó khăn khi không chi các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ thanh tra.

Bảng 3.5 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023

T T	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá trong năm 2023, DN/HTX/HKD không phải trả chi phí không chính thức cho SBN so với doanh thu	0,917	1,000	0,750
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá "Khi không chi các khoản chi phí không chính thức, không có hiện tượng nhũng nhiễu, gây khó khăn của cán bộ, công chức, viên chức và công việc của DN/HTX/HKD vẫn luôn được giải quyết theo quy định"	0,776	0,089	0,643
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá trong các đợt thanh tra, kiểm tra, DN/HTX/HKD không phải đưa quà hay trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra	0,856	0,100	0,625
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá phí, lệ phí được công khai tại SBN và DN/HTX/HKD có thể thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi có yêu cầu	0,859	0,100	0,667

3.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Khối SBN

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng Khối SBN 2023 ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Cục Hải quan tỉnh với 9,25 điểm. Các đơn vị xếp hạng cao đối với chỉ số này là Sở Tài chính (8,95 điểm), Sở Văn hoá, Thể thao và du lịch (8,81 điểm), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (8,72 điểm)... Xếp cuối cùng là Bảo hiểm xã hội tỉnh (1,13 điểm), liền trước là Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh (3,66 điểm). Điểm trung bình và điểm trung vị cho chỉ số này tương ứng là 6,71 và 5,19. Xét về mặt tổng thể, điểm số trung bình của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN 2023 tương đối cao so với các chỉ số khác và ghi

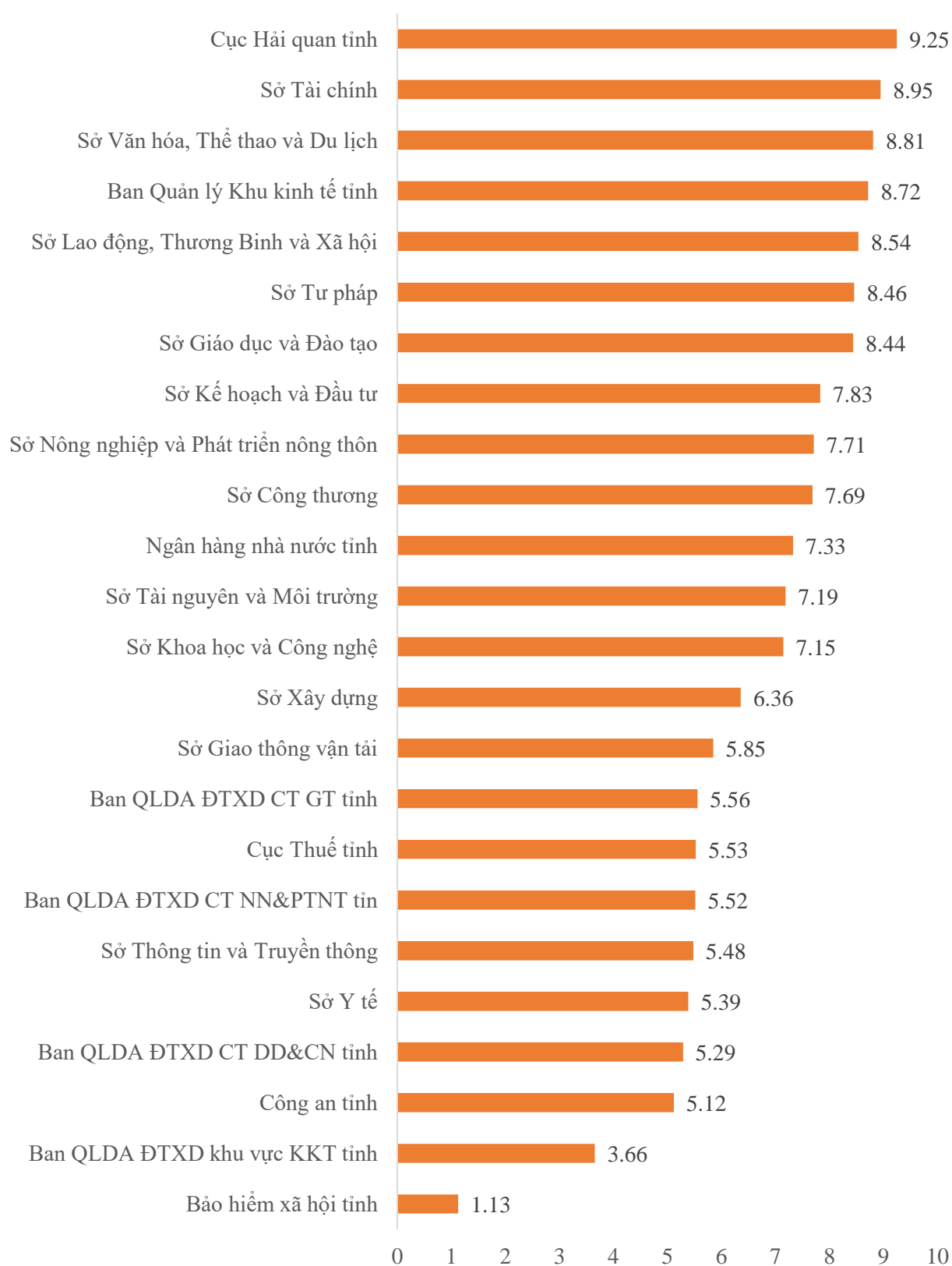
⁴³ Điểm của đơn vị cao nhất là 1,000 điểm; điểm của đơn vị thấp nhất là 0,625 điểm

nhận sự khác biệt rất lớn giữa các đơn vị SBN (8,12 điểm) thể hiện rằng sự cạnh tranh bình đẳng có nơi không được bảo đảm.

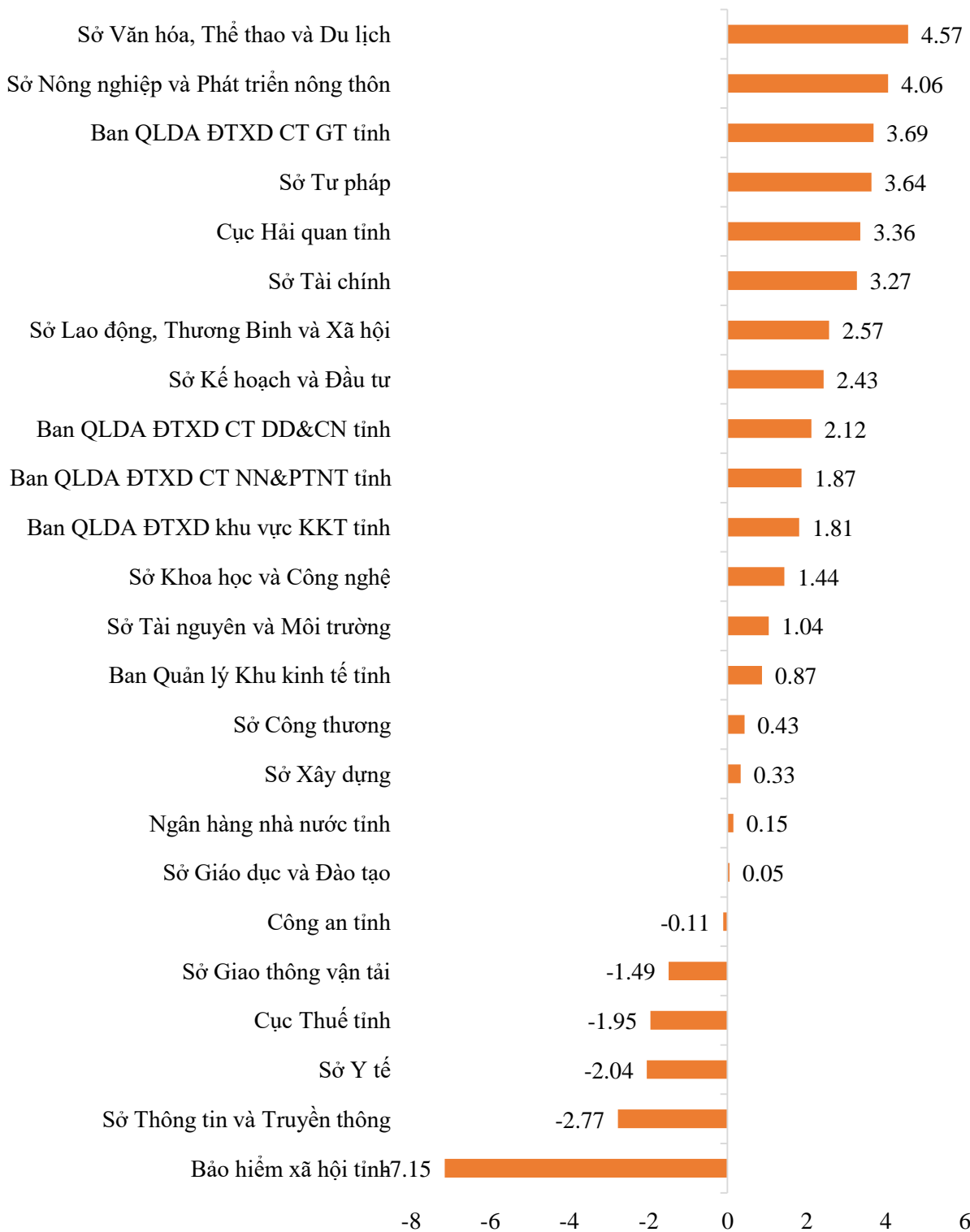
So với năm 2021, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối SBN 2023 có xu hướng tăng⁴⁴. Cụ thể là có 18/24 đơn vị SBN ghi nhận tăng, điển hình là Sở Văn hoá, Thể thao và du lịch tăng mạnh là 4,57 điểm, góp phần giúp Sở Văn hoá, Thể thao và du lịch cải thiện xếp hạng từ vị trí 19/24 (năm 2021) lên vị trí thứ 9/24 (năm 2023). Ở chiều ngược lại, 6/24 địa phương ghi nhận giảm, trong đó Bảo hiểm xã hội tỉnh giảm mạnh nhất (7,15 điểm) khiến đơn vị này giảm từ vị trí 3/24 (năm 2021) xuống vị trí cuối bảng xếp hạng (năm 2023). Sở Thông tin và Truyền thông giảm 2,27 điểm và khiến đơn vị này giảm từ vị trí 4/24 (năm 2021) xuống vị trí 19/24 (năm 2023).

⁴⁴ Trái ngược với xu hướng giảm của khối địa phương

Hình 3.11. Xếp hạng và điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023



Hình 3.12 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của hệ thống SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN 2023 được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Nhìn chung, điểm của các chỉ tiêu đều ở mức khá cao, với khoảng chênh lệch nhỏ, thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương. Trong đó, 87,4% doanh nghiệp không thấy hoặc có nhưng không phổ biến hiện tượng chính quyền địa phương ưu tiên hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, công việc, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, HKD; 88,6% doanh nghiệp cho rằng đơn vị SBN có biện pháp hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, HKD.

Khoảng 11,6% DN/HTX/HGD cho rằng có sự hiện diện của các doanh nghiệp sân sau/thân hữu với cán bộ thuộc chính quyền địa phương. Ngoài ra, 12,6% DN/HTX/HGD cho rằng có sự ưu ái cho dành cho các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp lớn... Khoảng cách vừa phải giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất⁴⁵ cho thấy sự nhất quán trong nhận định của các doanh nghiệp đối với vấn đề này.

Bảng 3.6 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023

T T	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị thấp nhất	Điểm đơn vị cao nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá không thấy có sự hiện diện của doanh nghiệp sân sau và/hoặc doanh nghiệp có liên kết (“thân hữu”) với SBN	0,884	0,960	0,700
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá “Sự quan tâm của cơ quan nhà nước không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN/HTX/HKD cho cơ quan nhà nước (như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho nhà nước, số tiền ủng hộ các chương trình/hoạt động,...)”	0,851	0,923	0,725
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá không thấy hoặc có nhưng không phổ biến hiện tượng SBN ưu tiên hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, công việc, TTHC cho các DN FDI, DN lớn so với DN nhỏ và vừa, HTX, HKD	0,874	1,000	0,708
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá "SBN có nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của DN nhỏ và vừa, HTX, HKD"	0,886	0,969	0,750

⁴⁵ Điểm đơn vị cao nhất 0,960 điểm; điểm đơn vị thấp nhất 0,700 điểm đối với chỉ tiêu 1. Điểm đơn vị cao nhất 1,000 điểm; điểm đơn vị thấp nhất 0,708 điểm đối với chỉ tiêu 2.

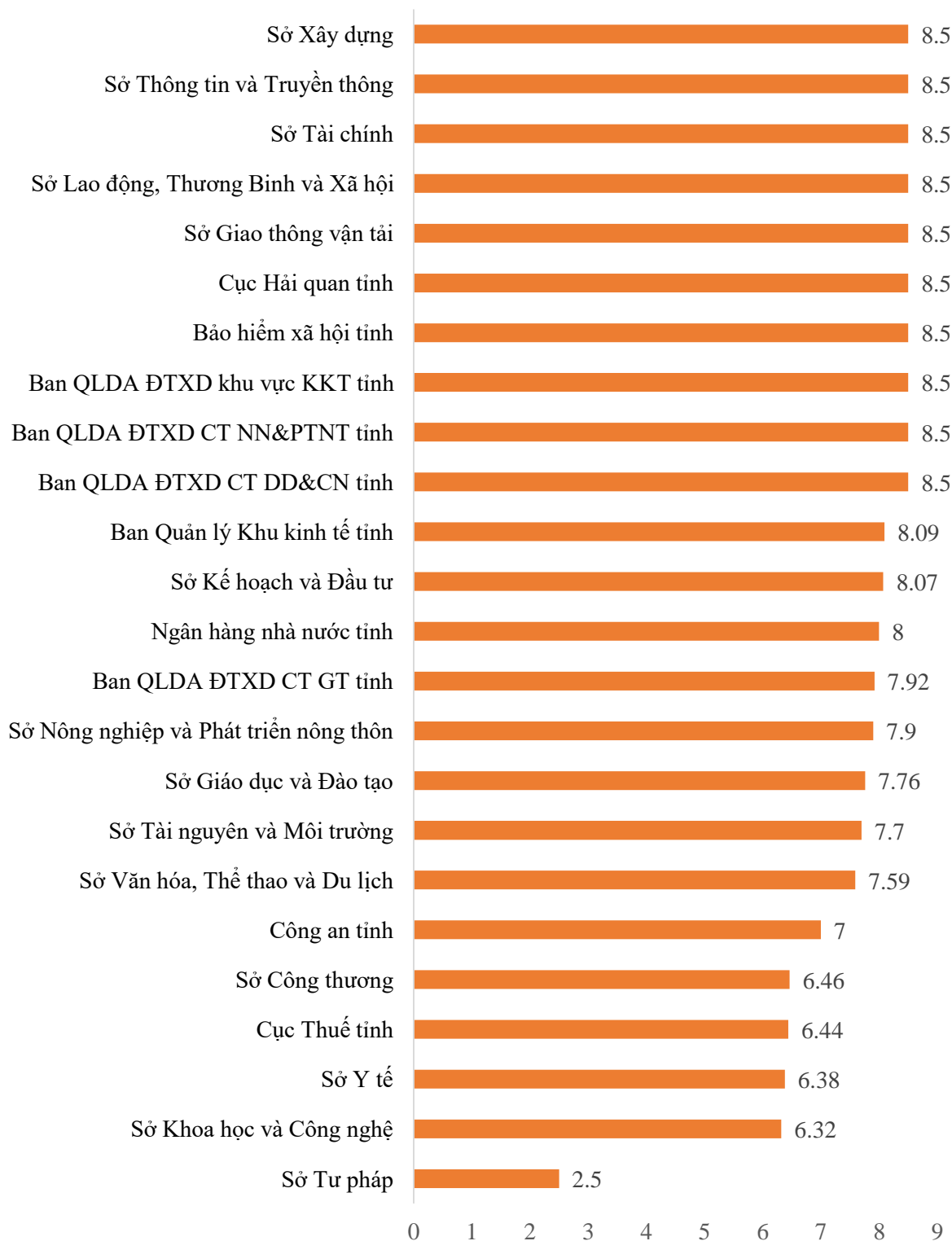
3.7. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của khối SBN

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh Khối SBN 2023 ghi nhận sự đồng đều rất cao giữa các đơn vị SBN với điểm trung bình là 7,63 (cao nhất trong số 8 chỉ số được khảo sát). Cụ thể là 13/24 đơn vị SBN có điểm số từ 8,0 trở lên (trong đó 10 đơn vị cùng xếp đầu tiên với 8,5 điểm); 6/24 đơn vị SBN tiếp theo nằm trong khoảng 7,0 - 8,0 điểm; 4 đơn vị SBN nằm trong khoảng 6,0 - 7,0 điểm. Duy nhất có Sở Tư pháp xếp ở vị trí cuối cùng với 2,5 điểm.

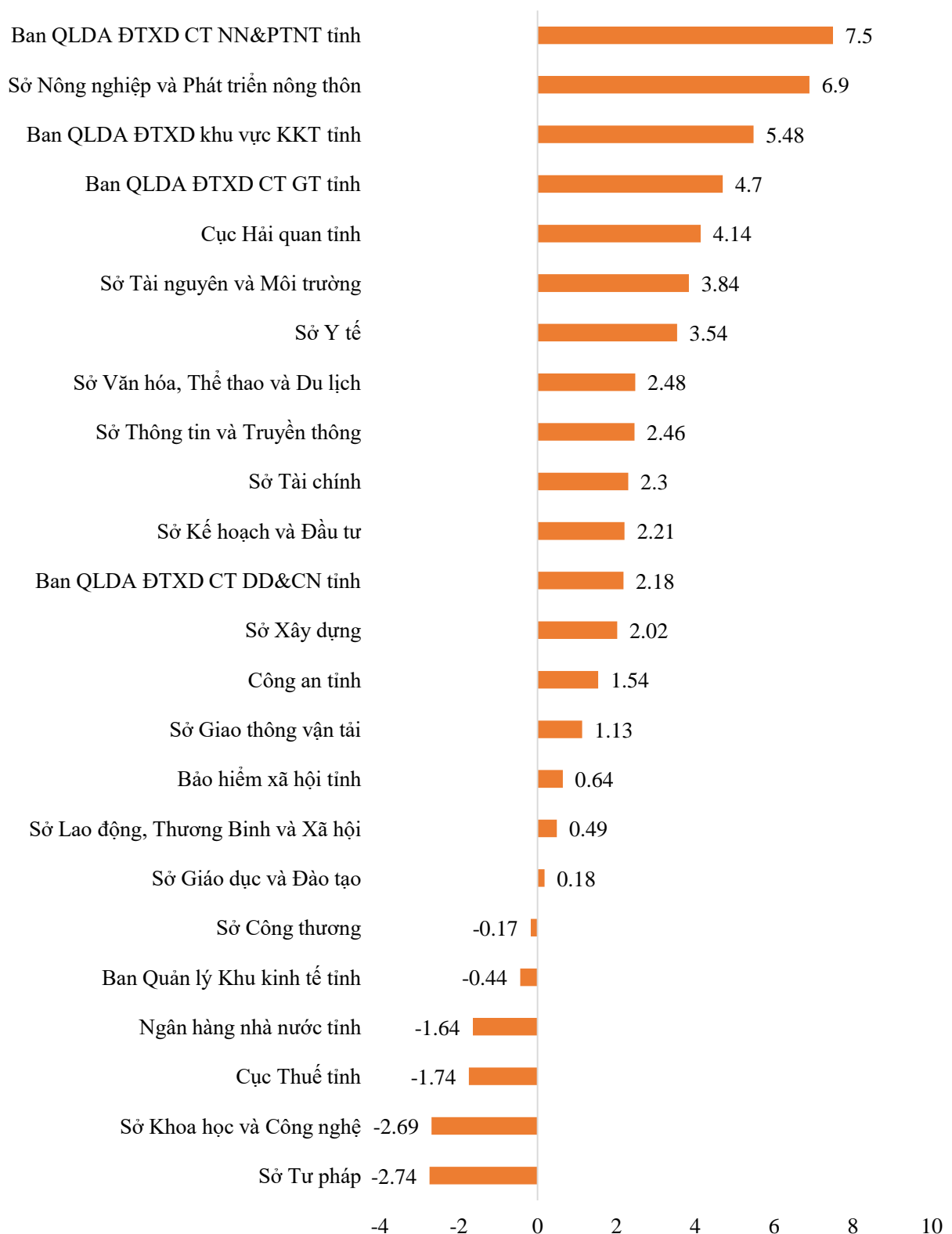
So với năm 2021, chỉ số Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh Khối SBN 2023 có xu hướng tăng trên diện rộng. Cụ thể là có 18/24 đơn vị SBN ghi nhận tăng điểm, trong đó mức tăng rất mạnh thuộc về Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh (7,5 điểm), Sở Nông nghiệp và PTNT (6,9 điểm), Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh (5,8 điểm) và khiến các đơn vị này có bước tăng đáng kể trong bảng xếp hạng năm 2023. Ở chiều ngược lại, 6/24 đơn vị SBN ghi nhận giảm điểm, trong đó Sở Tư pháp và Sở Khoa học và Công nghệ giảm mạnh nhất (tương ứng 2,74 điểm và 2,69 điểm) khiến hai đơn vị này xếp ở vị trí cuối bảng xếp hạng năm 2023. Đáng tiếc là Ngân hàng Nhà nước tỉnh giữ vị trí đứng đầu (năm 2021) nhưng đã sụt hạng xuống 13/24 trong bảng xếp hạng.

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh Khối SBN 2023 tăng mạnh và đồng đều ở các đơn vị SBN cho thấy nỗ lực của cả hệ thống chính trị tỉnh Hà Tĩnh trong việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trong năm 2022 và 2023.

Hình 3.13. Xếp hạng và điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của khối SBN năm 2023



Hình 3.14 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của khối SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh Khối SBN năm 2023 được cấu thành từ 6 chỉ tiêu. Tất cả 100% doanh nghiệp phản ánh đã tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của SBN; 94,8% doanh nghiệp cho rằng các vấn đề quan ngại của họ đã được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại với SBN.

Mặc dù có tỷ lệ đồng thuận cao (từ 88% đến 94%) của doanh nghiệp đối với các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng các chương trình hỗ trợ của SBN, khả năng của SBN nắm bắt, giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với kết quả hỗ trợ của SBN nhưng khoảng cách lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất⁴⁶ đối với các chỉ tiêu này cho thấy các đơn vị SBN; (i) hoặc không nhận được sự đồng thuận của doanh nghiệp (rất ít SBN); (ii) hoặc được doanh nghiệp đánh giá rất cao (đại đa số SBN). Thêm vào đó, tỷ lệ nhỏ (9,5%) doanh nghiệp cho rằng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp có cải thiện so với năm trước hàm ý rằng các SBN đã làm rất tốt công việc này từ năm 2022.

Bảng 3.7 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh của khối SBN năm 2023

T T	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị thấp nhất	Điểm đơn vị cao nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đã tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của SBN	1,000	1,000	1,000
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá mức độ thực chất về chất lượng các chương trình hỗ trợ do SBN thực hiện	0,940	1,000	0,000
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ cải thiện trong hoạt động hỗ trợ DN/HTX/HKD của SBN trong năm vừa qua	0,095	1,000	0,000
4	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN về mức độ nắm bắt và hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX/HKD gặp phải trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình	0,893	1,000	0,000
5	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá về mức độ hài lòng về kết quả hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc của SBN	0,880	1,000	0,000
6	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá các vấn đề, quan ngại của doanh nghiệp được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại với SBN	0,948	1,000	0,911

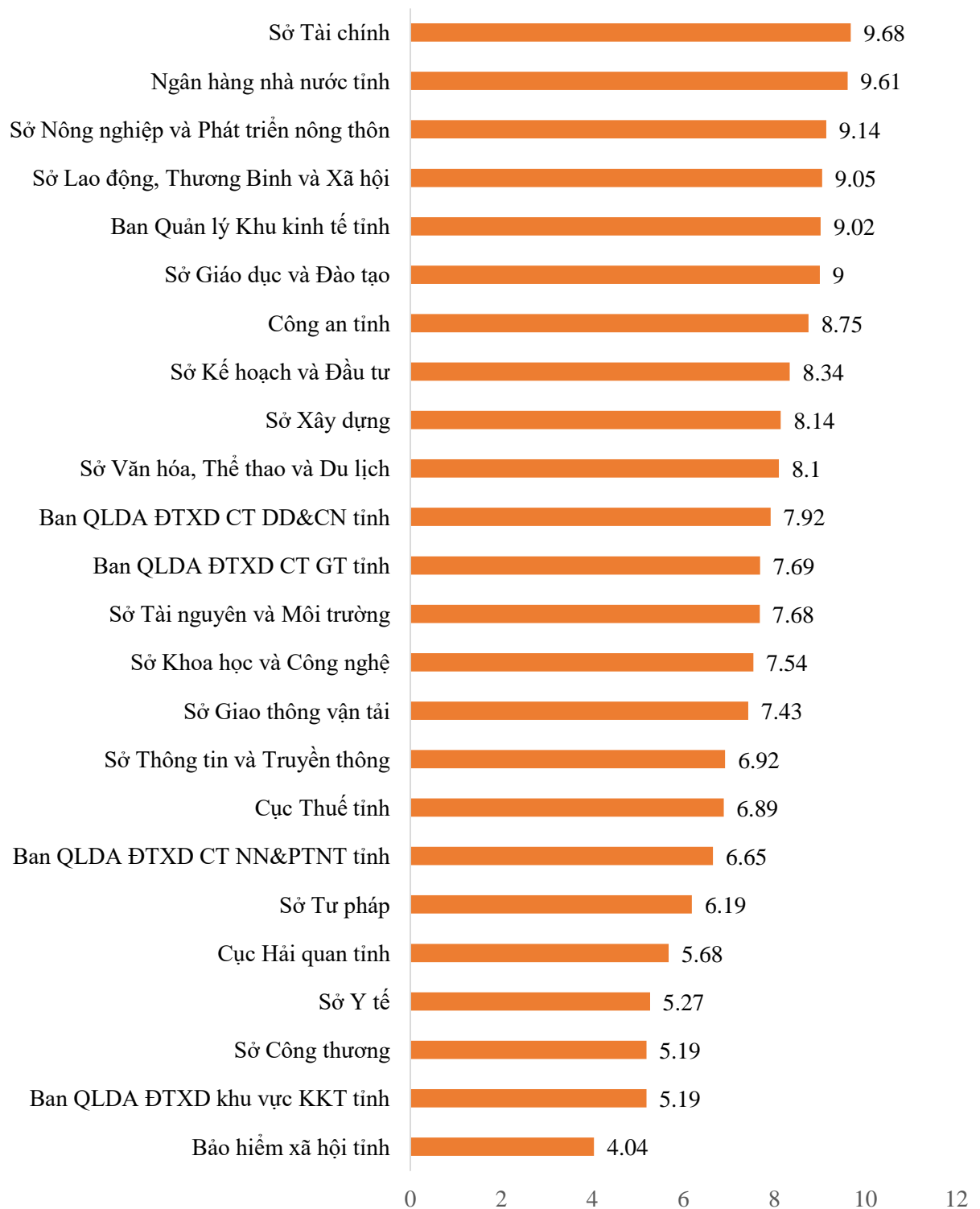
⁴⁶ Đối với cả 3 chỉ tiêu, điểm cao nhất đều là 1,000 và điểm thấp nhất đều là 0,000

3.8. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN

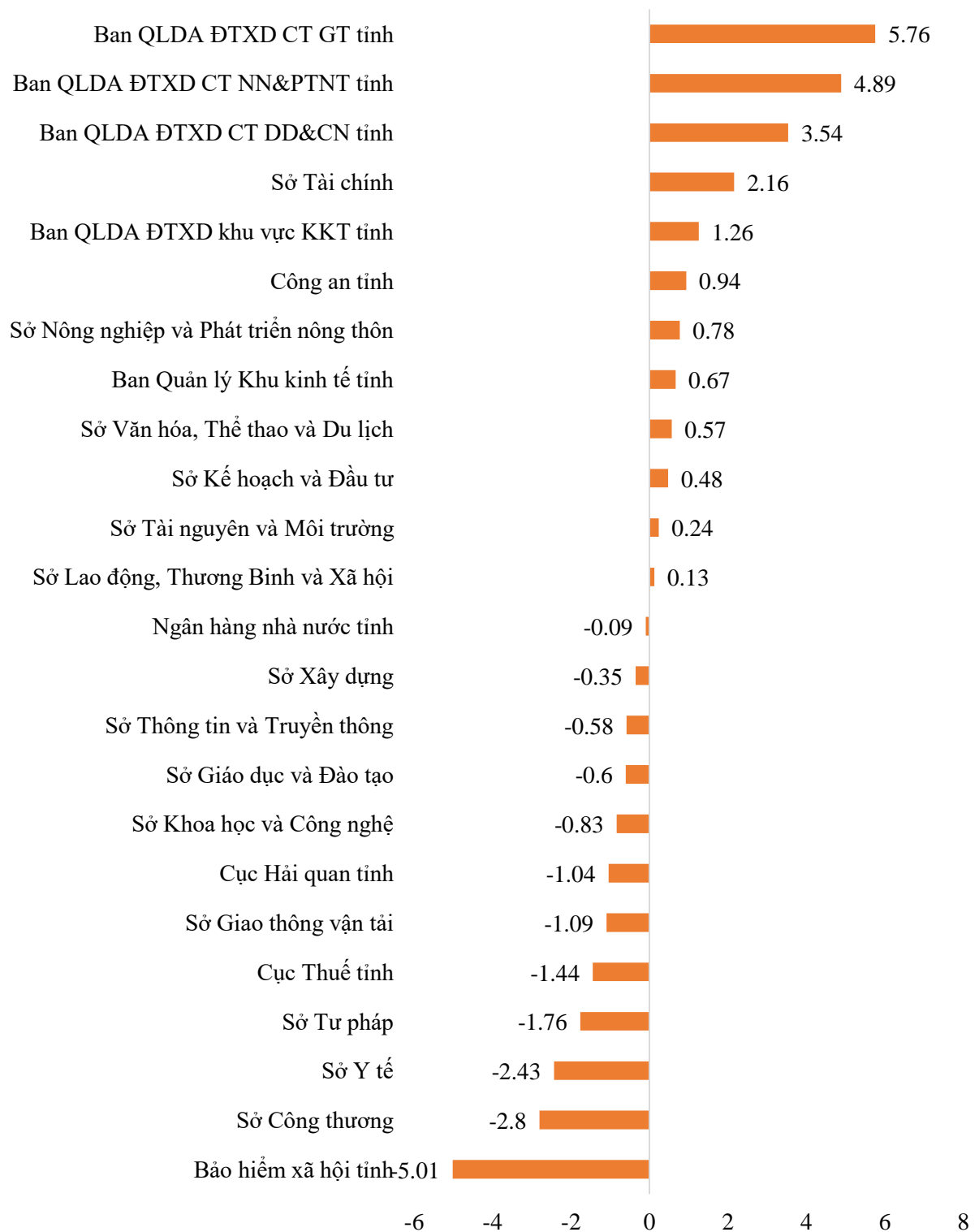
Chỉ số Thiết chế pháp lý Khối SBN 2023 ghi nhận sự đồng đều tương đối cao giữa các đơn vị SBN với điểm trung bình là 7,46 điểm (cao thứ hai trong số 8 chỉ số được khảo sát - sau chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh). Trong số 6 đơn vị SBN dẫn đầu đạt từ 9 điểm trở lên (Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động, Thương binh và xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo), Sở Tài chính có điểm cao nhất (9,68 điểm). Ở chiều ngược lại, Bảo hiểm xã hội tỉnh xếp cuối bảng (4,04 điểm).

So với năm 2021, chỉ số Thiết chế pháp lý Khối SBN 2023 có xu hướng không rõ ràng với số đơn vị SBN tăng điểm và giảm điểm bằng nhau (trong khi chỉ số Thiết chế pháp lý Khối địa phương 2023 giảm trên diện rộng). Các đơn vị SBN tăng điểm đáng chú ý là Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh (5,76 điểm), Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh (4,89 điểm) và Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng & công nghiệp tỉnh (3,54 điểm) khiến các đơn vị này cải thiện đáng kể vị trí năm 2023 từ cuối bảng xếp hạng năm 2021. Ở chiều ngược lại, Bảo hiểm xã hội tỉnh là đơn vị giảm nhiều nhất (5,01 điểm) và đứng ở vị trí cuối cùng trong bảng xếp hạng năm 2023. Đây cũng là chỉ số hiếm hoi mà Ngân hàng Nhà nước tỉnh còn giữ được vị trí cao từ năm 2021.

Hình 3.15. Xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023



Hình 3.16 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Thiết chế pháp lý Khối SBN 2023 được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Kết quả khảo sát cho thấy về cơ bản doanh nghiệp đánh giá cao hoạt động của các SBN. Điều này thể hiện ở 90,8% doanh nghiệp cho rằng cơ quan nhà nước sẽ không bao che và sẽ nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi nhũng nhiễu, 95,8% doanh nghiệp hài lòng với công tác giải quyết khiếu nại của cơ

quan có thẩm quyền. Khoảng cách vừa phải giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất⁴⁷ đối với các chỉ tiêu này cho thấy nhận xét của doanh nghiệp có sự đồng đều giữa các đơn vị SBN.

Ngoài ra, 15,4% doanh nghiệp cho biết chưa có sự nghiêm minh, kịp thời và công bằng trong giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật/tranh chấp của doanh nghiệp và 11,6% doanh nghiệp cho rằng cán bộ SBN làm trái quy định hoặc từng bị doanh nghiệp khiếu nại lên cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, khoảng cách tương đối lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất (tương ứng là 0,279 và 0,360) đối với các chỉ tiêu này cho thấy nhận xét của doanh nghiệp chỉ đúng với một số đơn vị SBN.

Bảng 3.8 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá "Cơ quan nhà nước sẽ không bao che và nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi nhũng nhiễu DN/HTX/HKD"	0,908	1,000	0,750
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN có tham mưu/ giải quyết/ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật/ tranh chấp của DN/HTX/HKD thuộc lĩnh vực/ phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời và công bằng	0,846	0,929	0,650
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc SBN được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN/HTX/HKD có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền	0,894	1,000	0,640
4	Tỷ lệ DN/HTX/ đánh giá về mức độ hài lòng về mức độ hài lòng của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền của SBN	0,958	1,000	0,750

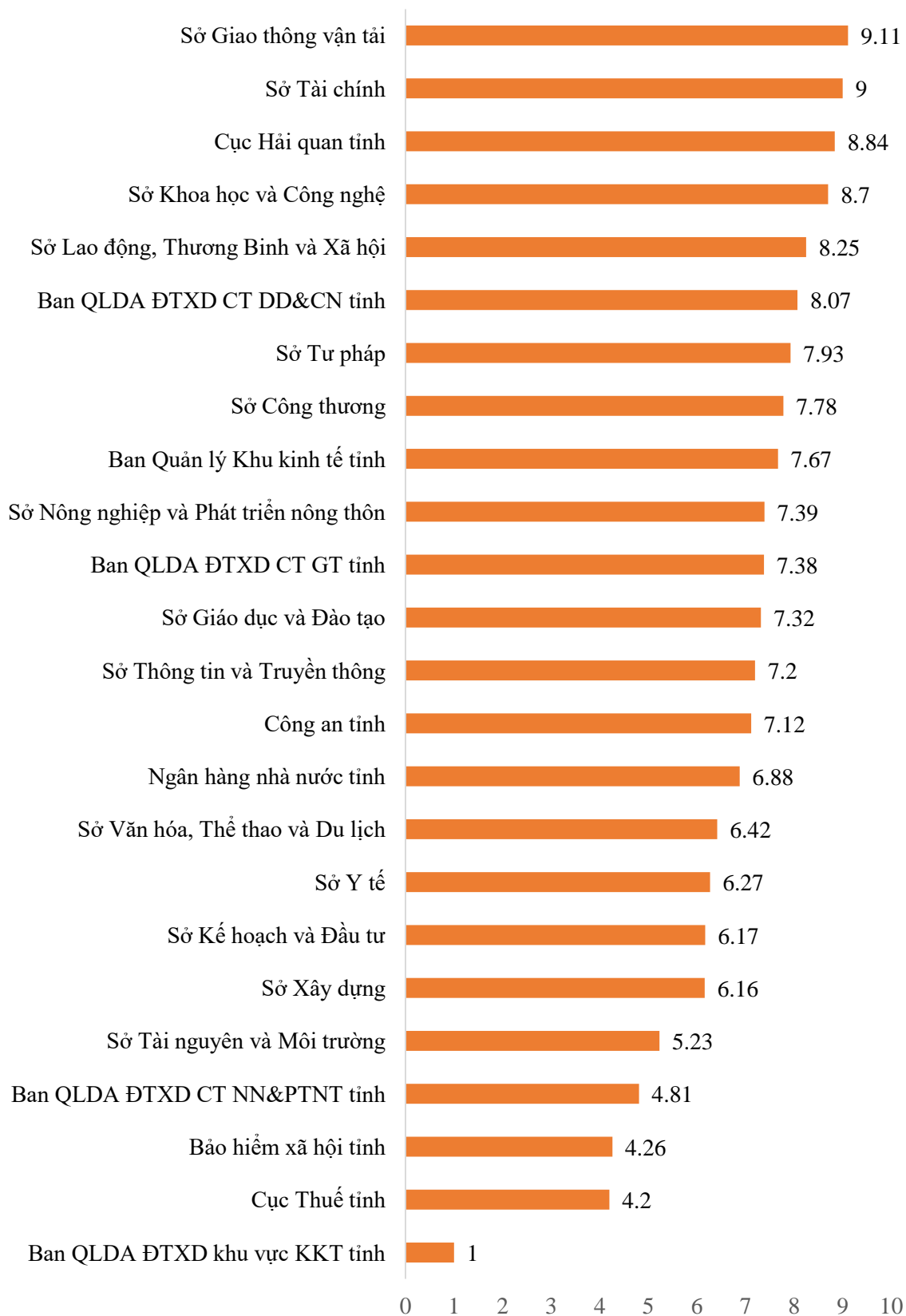
⁴⁷ Đối với cả 2 chỉ tiêu, điểm cao nhất đều là 1,000 và điểm thấp nhất đều là 0,750

3.9. Chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của khối SBN

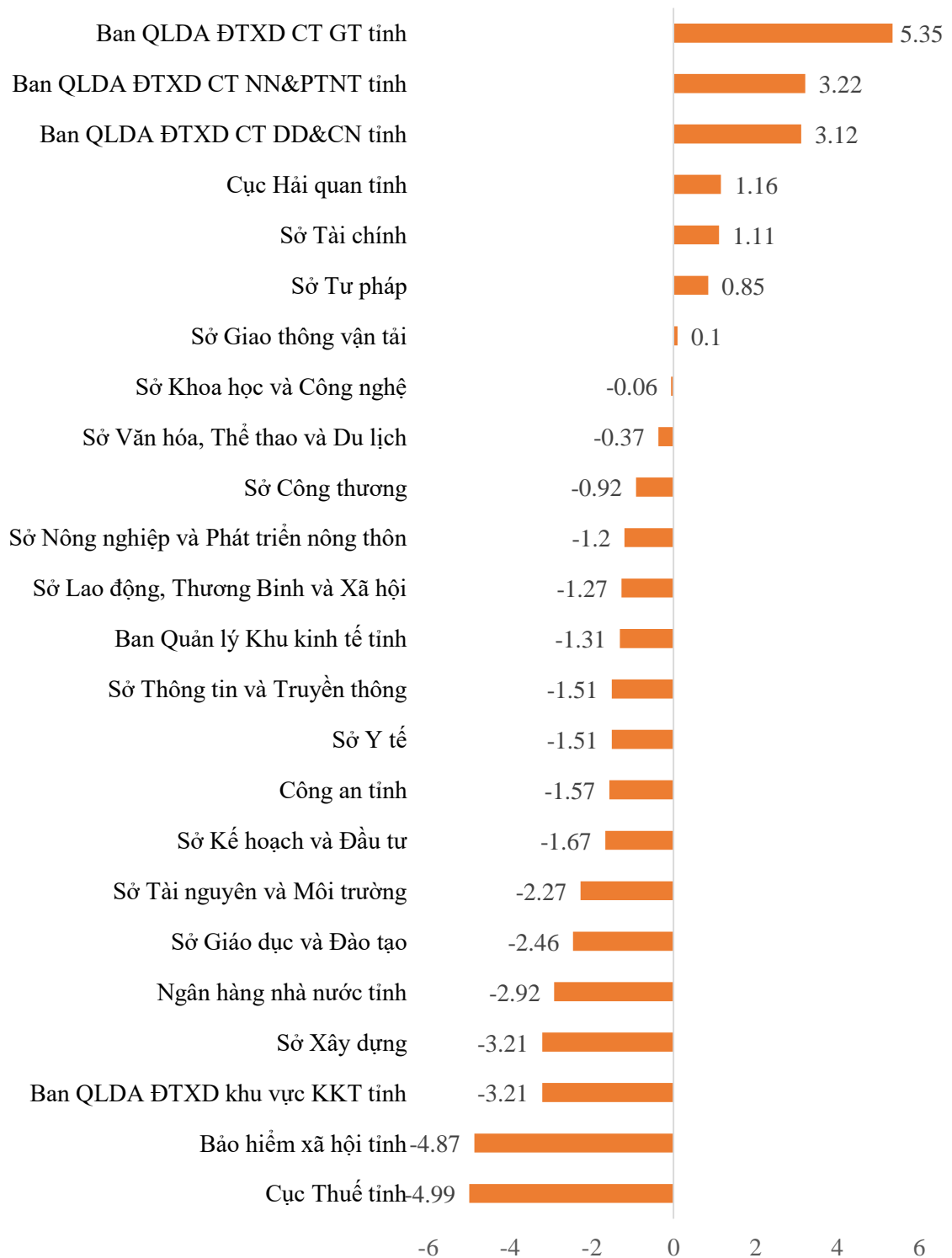
Chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu Khối SBN 2023 có điểm trung vị ở mức 5,06 điểm, ghi nhận vị trí dẫn đầu thuộc về Sở Giao thông vận tải (9,11 điểm), tiếp theo là Sở Tài chính (9 điểm). Xếp ở vị trí cuối cùng là Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh (1 điểm). Đây là chỉ số có sự chênh lệch lớn nhất giữa các đơn vị SBN (8,11 điểm), thể hiện tính năng động và vai trò rất khác nhau của người đứng đầu ở các đơn vị SBN trong tỉnh Hà Tĩnh.

So với năm 2021, chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu Khối SBN 2023 có xu hướng giảm. Theo đó, có 7/24 đơn vị SBN tăng điểm, điển hình là Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông tỉnh (tăng 5,35 điểm), giúp đơn vị này có bước nhảy vọt từ vị trí 23/24 (năm 2021) lên vị trí 11/24 (năm 2023). Các đơn vị khác tăng điểm (và cải thiện đáng kể vị trí trên bảng xếp hạng 2023) là Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT tỉnh và Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng & công nghiệp tỉnh. Ở chiều ngược lại, 17/24 đơn vị SBN giảm điểm, trong đó Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT tỉnh giảm mạnh nhất (4,99 điểm, 4,87 điểm và 3,21 điểm), tiếp tục là 3 đơn vị xếp cuối cùng trong bảng xếp hạng 2023.

Hình 3.17. Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của SBN năm 2023



Hình 3.18 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của SBN năm 2023 so với năm 2021



Chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu được cấu thành từ 3 chỉ tiêu. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN/HTX/HKD ủng hộ và đánh giá về vai trò lãnh đạo SBN là 95,8%. Điểm số của các chỉ tiêu này có sự chênh lệch nhỏ thể hiện sự tương đồng giữa các địa phương.

Ngoài ra, 83,6% doanh nghiệp tin tưởng rằng người đứng đầu chính quyền địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

của mình và 81% doanh nghiệp cho rằng người đứng đầu đã thể hiện được vai trò trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Tuy nhiên, khoảng cách khá lớn giữa điểm của đơn vị cao nhất và đơn vị thấp nhất đối với các chỉ tiêu này (0,335 và 0,306) cho thấy rằng còn vai trò của người đứng đầu còn chưa được thể hiện rõ ở một số đơn vị SBN.

Bảng 3.9 Điểm số trung bình toàn tỉnh các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động và vai trò của người đứng đầu của SBN năm 2023

T T	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về vai trò và sự năng động của người đứng đầu SBN	0,958	1,000	0,861
2	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá mức độ tin tưởng rằng người đứng đầu SBN đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của mình	0,836	0,960	0,625
3	Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về vai trò của người đứng đầu SBN trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh	0,810	0,931	0,625

3.10. Tổng hợp một số ý kiến của DN/HTX/HKD từ các đơn vị khảo sát SBN

Sau quá trình khảo sát và đánh giá Chỉ số DDCI tại 24 Sở, ban, ngành Hà Tĩnh, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp một số ý kiến từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, và hộ kinh doanh. Quá trình này không chỉ đánh giá mức độ phát triển của môi trường kinh doanh mà còn tập trung vào việc lắng nghe cộng đồng doanh nghiệp, nhằm xác định những vấn đề cụ thể và đề xuất giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh tại địa phương.

Ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp là nguồn thông tin quý báu, giúp Tỉnh hiểu rõ hơn về những thách thức và cơ hội mà cộng đồng doanh nghiệp đang phải đối mặt. Các doanh nghiệp đã chia sẻ những góp ý liên quan đến quy trình hành chính, với những thách thức như tính rườm rà và phức tạp của thủ tục xin phép hay những lý do khác. Đồng thời, cộng đồng doanh nghiệp cũng nhấn mạnh về khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn, một khía cạnh quan trọng đối với sự phát triển bền vững của họ. Tất cả những ý kiến này đều được nhóm tổng hợp một cách toàn diện và sẽ là cơ sở để đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp tại Hà Tĩnh.

Bảng 3.10 Tổng hợp một số ý kiến, kiến nghị của các DN/HTX/ HKD cho khối SBN

SBN	Một số ý kiến, kiến nghị từ kết quả khảo sát
Sở Xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ xử lý hồ sơ còn chậm; - Thủ tục hành chính đơn giản và rút ngắn thời gian.
Sở Kế hoạch và đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ sở làm việc ở Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh còn yếu về chuyên môn, dẫn đến hướng dẫn doanh nghiệp còn lúng túng; - Cán bộ sở hướng dẫn thủ tục đăng ký kinh doanh chưa hiểu hết luật làm chậm xử lý hồ sơ.
Sở Tài nguyên và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Cần đẩy nhanh tốc độ giải quyết hồ sơ hơn.
Cục Thuế tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nên giảm thuế cho các quầy thuốc vì chúng tôi đã đóng thuế trên hoá đơn rồi mà còn thu thêm thuế môn bài và thuế khoán kinh tế khó khăn cạnh tranh khốc liệt. Mong ban ngành xem xét.

CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

4.1. Nhận xét

Những kết quả đạt được theo cho thấy Tỉnh đã thực hiện một loạt biện pháp quyết liệt nhằm tăng cường sự minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Đặc biệt, Tỉnh đã đưa ra những chiến lược linh hoạt, tận dụng lợi thế địa lý và tài nguyên tự nhiên để hỗ trợ doanh nghiệp. Chúng ta biết, Hà Tĩnh nổi bật với vị trí chiến lược trên tuyến đường biển quan trọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương quốc tế. Sự phát triển của các cảng biển như Vũng Áng tạo động lực cho môi trường kinh doanh địa phương. Ngoài ra, với hệ thống giao thông đường sắt và đường bộ ngày càng hoàn thiện, Hà Tĩnh đã kết nối mạng lưới vận tải với các tỉnh lân cận, tuyến đường kết nối cao tốc Bắc-Nam ở Hà Tĩnh kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa. Không chỉ vậy, sự phát triển của nguồn nhân lực và các trung tâm đào tạo chất lượng cao cũng là điểm mạnh giúp doanh nghiệp nhanh chóng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động ngày càng đa dạng. Các chính sách hỗ trợ, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư công và phát triển hạ tầng, đồng thời với việc giảm bớt các thủ tục hành chính, đã làm tăng sức cạnh tranh của Hà Tĩnh. Chuyển biến tích cực này không chỉ là động lực cho sự phát triển kinh tế nhanh chóng mà còn là tín hiệu tích cực về sự chủ động và linh hoạt của chính quyền địa phương. Bằng cách này, Hà Tĩnh không chỉ thu hút đầu tư mới mà còn giữ chân được doanh nghiệp hiện tại, tạo ra sự ổn định và bền vững trong môi trường kinh doanh.

Năm 2023, Hà Tĩnh tổ chức triển khai khảo sát, đánh giá chỉ số DDCI của Tỉnh trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp phải nhiều khó khăn từ cả trong và ngoài nước. Sự phức tạp của tình hình kinh tế toàn cầu, đặc biệt là ảnh hưởng của Đại dịch COVID-19 và các biến động thị trường quốc tế, đã tạo ra những thách thức đặc biệt cho doanh nghiệp và hệ thống quản lý chính quyền ở mức địa phương. Những biến động này đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo và nhanh nhẹn trong quản lý để đối mặt với những biến động không lường trước được. Bằng cách triển khai khảo sát và đánh giá DDCI, tỉnh Hà Tĩnh mong muốn hiểu rõ hơn về bức tranh kinh doanh và cạnh tranh tại cấp địa phương, SBN. Đánh giá này không chỉ đo lường các chỉ số cơ bản về minh bạch, tiếp cận thông tin, và cạnh tranh bình đẳng mà còn chú trọng vào việc thu thập ý kiến và đề xuất từ cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, và hộ kinh doanh.

Khảo sát DDCI Hà Tĩnh năm 2023 là năm đầu tiên tỉnh Hà Tĩnh áp dụng công nghệ vào hoạt động điều tra. Mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn nhưng cuộc điều tra đã kết thúc với một kết quả phiếu thu về ấn tượng với 1065 lượt phản hồi, cao hơn 60 phiếu so với khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2021, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra. Điều này minh chứng cho sự tin tưởng vào bộ chỉ số DDCI như một công cụ giúp truyền tải tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và phản ánh bức tranh trung thực về năng lực điều hành kinh tế-xã hội của các SBN và chính quyền địa phương. Mặt khác, kết quả cuộc khảo sát còn là minh chứng rõ ràng cho việc doanh nghiệp đánh giá cao bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh như một kênh thông tin đáng tin cậy. Được coi là công cụ hữu ích, bộ chỉ số này không chỉ giúp doanh nghiệp phản ánh những khó khăn và vướng

mắc mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin quan trọng cho chính quyền địa phương. Thông qua DDCI, lãnh đạo tỉnh có cơ hội hiểu rõ hơn về thực tế kinh doanh, từ đó đưa ra các biện pháp và hỗ trợ kịp thời, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Hà Tĩnh.

Nhóm nghiên cứu lựa chọn một tỷ lệ mẫu nhất định là khoảng 20% ở vị trí đầu và cuối bảng xếp hạng chỉ số DDCI của tỉnh Hà Tĩnh (Như vậy, 20% của 13 địa phương, tương đương với 3 địa phương được chọn, và tương tự là 20% của 24 SBN, là 5 SBN được chọn). Mục tiêu của chiến lược này là tìm ra những địa phương và SBN cụ thể mà tỉnh cần tập trung hỗ trợ hoặc đơn vị cần cải thiện để nâng cao chất lượng hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo từng chỉ tiêu cụ thể và những địa phương và SBN có mức chỉ tiêu được xếp hạng cao cần được nhân rộng mô hình, chia sẻ kinh nghiệm giúp các địa phương và SBN khác học tập. Việc lựa chọn địa phương và SBN cần cải thiện cũng như phát huy để giúp đơn vị từng bước điều chỉnh để phát triển cũng như nâng cao kết quả DDCI của mình trong năm sau hay duy trì phát huy kết quả, góp phần vào việc xây dựng một môi trường kinh doanh tích cực và bền vững tại tỉnh. Ngoài ra, bên cạnh các đề xuất chung cho tất cả các đơn vị, địa phương trực thuộc Tỉnh thì nhóm nghiên cứu cũng cân nhắc đưa ra những hướng hỗ trợ cải thiện, những kinh nghiệm cần được lan rộng cho các địa phương và SBN dựa trên các đặc điểm cụ thể chi tiết từ những địa phương và SBN này.

Bảng 4.1. Tổng hợp một số chỉ tiêu mà Khối Địa phương và Khối Sở, Ban, Ngành Hà Tĩnh cần phát huy

T T	Chỉ tiêu	Khối Địa phương cần phát huy	Khối Sở, Ban, ngành cần phát huy
1	<i>Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xã Hồng Lĩnh (1) - Huyện Hương Khê (2) - Huyện Can Lộc (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Hải Quan tỉnh (1) - Sở Tài chính (2) - Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh (3) - Sở Khoa học và công nghệ (3) - Sở Giao thông Vận tải (3)
2	<i>Tính năng động của Chính quyền địa phương</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thị xã Hồng Lĩnh (1) - Huyện Hương Khê (2) - Thành phố Hà Tĩnh (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công thương (1) - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2) - Cục Hải quan (3) - Ngân hàng Nhà nước tỉnh (4) - Sở Lao động và Thương binh xã hội (5)
3	<i>Chi phí thời gian</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thị xã Hồng Lĩnh (1) - Thành phố Hà Tĩnh (2) - Thị xã Kỳ Anh (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tư pháp (1) - Sở Giáo dục và đào tạo (2) - Cục Hải quan tỉnh (3) - Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch (4) - Sở Tài chính (5)

4	<i>Chi phí không chính thức</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Hà Tĩnh (1) - Thị xã Hồng Lĩnh (2) - Thị xã Kỳ Anh (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tư pháp (1) - Sở Giáo dục và Đào tạo (2) - Ban Quản lý Khu kinh tế Tĩnh (2) - Sở Khoa học và Công nghệ (4) - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (5)
5	<i>Cạnh tranh bình đẳng</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện Can Lộc (1) - Thị xã Hồng Lĩnh (2) - Huyện Thạch Hà (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Hải quan Tĩnh (1) - Sở Tài chính (2) - Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (3) - Ban Quản lý Khu kinh tế Tĩnh (4) - Sở Lao động, thương binh và xã hội (5)
6	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Hà Tĩnh (1) - Huyện Kỳ Anh (2) - Huyện Đức Thọ (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Hải quan Tĩnh (1) - Sở Tài chính (1) - Sở Lao động, thương binh và xã hội (1) - Sở Giao thông vận tải (1) - Sở Thông tin và Truyền thông (1) - Sở Xây dựng (1) - BQL Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Tĩnh (1) - BQL dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Tĩnh (1) - Bảo hiểm xã hội (1) - BQL Dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế Tĩnh (1)
7	<i>Thiết chế pháp lý</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện Kỳ Anh (1) - Thị xã Hồng Lĩnh (2) - Huyện Thạch Hà (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính (1) - Cục Hải quan Tĩnh (2) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (3) - Sở Lao động, Thương binh và xã hội (4) - Ban Quản lý Khu kinh tế Tĩnh (5)
8	<i>Tính năng động và vai trò của người đứng đầu</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện Hương Khê (1) - Thị xã Kỳ Anh (1) - Thị xã Hồng Lĩnh (3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải (1) - Sở Tài chính (2) - Cục Hải quan Tĩnh (3) - Sở Khoa học và công nghệ (4) - Sở Lao động, Thương binh và xã hội (5)
9	<i>Tiếp cận đất đai và ổn định</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thị xã Hồng Lĩnh (1) - Huyện Hương Khê (2) - Huyện Thạch Hà (3) 	

Bảng 4.2. Tổng hợp một số chỉ tiêu mà Khối Địa phương và Khối Sở, Ban, Ngành Hà Tĩnh cần cải thiện

T T	Chỉ tiêu	Khối Địa phương cần cải thiện	Khối Sở, Ban, ngành cần cải thiện
1	<i>Tinh minh bạc và tiếp cận thông tin</i>	- Huyện Lộc Hà (11) - Huyện Vũ Quang (12) - Huyện Hương Sơn (13)	- Cục thuế Tỉnh (20) - Sở Tài nguyên và Môi trường (21) - Sở Xây Dựng (22) - Sở Y tế (23) - BQL Dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế Tỉnh (24)
2	<i>Tinh năng động của Chính quyền địa phương</i>	- Huyện Lộc Hà (11) - Huyện Kỳ Anh (12) - Huyện Vũ Quang (13)	- Sở Thông tin và Truyền thông (20) - Sở Giao thông vận tải (21) - BQL Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Tỉnh (22) - BQL Dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế Tỉnh (23) - Bảo hiểm xã hội Tỉnh (24)
3	<i>Chi phí thời gian</i>	- Huyện Nghi Xuân (11) - Huyện Lộc Hà (11) - Huyện Vũ Quang (13)	- BQL Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Tỉnh (20) - Sở Tài nguyên và Môi trường (21) - Sở Y tế (22) - Cục Thuế tỉnh (23) - Bảo hiểm xã hội Tỉnh (24)
4	<i>Chi phí không chính thức</i>	- Huyện Đức Thọ (11) - Huyện Nghi Xuân (12) - Huyện Vũ Quang (13)	- Sở Thông tin và Truyền thông (20) - BQL Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Tỉnh (21) - Cục Thuế tỉnh (22) - Bảo hiểm xã hội Tỉnh (23) - BQL Dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế Tỉnh (24)
5	<i>Cạnh tranh bình đẳng</i>	- Huyện Lộc Hà (11) - Huyện Hương Sơn (12) - Huyện Cẩm Xuyên (13)	- Sở Y tế (20) - BQL Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Tỉnh (21) - Công an Tỉnh (22) - BQL Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Tỉnh (23) - Bảo hiểm xã hội Tỉnh (24)
6	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh</i>	- Huyện Lộc Hà (11) - Thị xã Kỳ Anh (12) - Huyện Can Lộc (13)	- Sở Công thương (20) - Cục thuế Tỉnh (21) - Sở Y tế (22) - Sở Khoa học và Công nghệ (23) - Sở Tư pháp (24)

7	<i>Thiết chế pháp lý</i>	- Huyện Cẩm Xuyên (11) - Huyện Lộc Hà (12) - Huyện Vũ Quang (13)	- Cục Hải quan tỉnh (20) - Sở Y tế (21) - Sở Công thương (22) - BQL Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Tỉnh (22) - Bảo hiểm xã hội Tỉnh (24)
8	<i>Tính năng động và vai trò của người đứng đầu</i>	- Huyện Thạch Hà (11) - Huyện Nghi Xuân (12) - Huyện Vũ Quang (13)	- Sở Tài nguyên và Môi trường (20) - BQL dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Tỉnh (21) - Bảo hiểm xã hội Tỉnh (22) - Cục Thuế tỉnh (23) - BQL Dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế Tỉnh (24)
9	<i>Tiếp cận đất đai và ổn định</i>	- Huyện Cẩm Xuyên (11) - Huyện Lộc Hà (12) - Huyện Vũ Quang (13)	

(* Ghi chú: số trong ngoặc đơn là vị trí xếp hạng năm 2023 của địa phương và SBN

So với chỉ số DDCI năm 2021, kết quả DDCI năm 2023 của Hà Tĩnh đã ghi nhận sự biến động, đồng thời thể hiện một khoảng cách đáng chú ý giữa khối địa phương (Huyện, thành phố) và khối Sở, Ban, Ngành. Trong khối địa phương, có 7/13 địa phương đã có sự cải thiện. Sự cải thiện này đồng nghĩa với việc các địa phương này đã thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, và chính sách địa phương, góp phần vào việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cũng như sự phát triển toàn diện của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn 6 địa phương có điểm số DDCI giảm, đây chính là những địa phương cần có sự quan tâm, chỉ đạo để có thể cải thiện điểm số, chất lượng công việc nhằm đảm bảo sự đồng đều và bền vững trong phát triển. Ở khối Sở, Ban, Ngành, có 6/24 SBN có sự cải thiện trong chỉ số DDCI. Đây chính là những đơn vị có hiệu suất làm việc cao và đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp địa phương. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng vẫn có 18/24 SBN có điểm số giảm, điều này đặt ra thách thức về việc cải thiện hiệu suất làm việc và đồng thuận giữa các sở, ban, ngành. Sự chênh lệch giữa khối địa phương và khối sở, ban, ngành tạo ra cả cơ hội và thách thức trong quá trình phát triển tỉnh Hà Tĩnh. Điều này nghĩa là cần thiết lập và thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ giữa các cấp quản lý để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực và đảm bảo sự đồng đều trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội. Hợp tác giữa khối địa phương và khối Sở, Ban, Ngành không chỉ là cách để giảm thiểu chênh lệch mà còn là chìa khóa để tận dụng triển vọng và cơ hội cụ thể của từng địa phương.

Đối với khối Địa phương, trong hệ thống chỉ số tổng hợp DDCI của tỉnh Hà Tĩnh, Thị xã Hồng Lĩnh tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu với 8/9 chỉ số luôn nằm trong top 3 các huyện đứng đầu của cả Tỉnh. Sự ổn định và hiệu quả trong quản lý và điều hành tại Thị

xã Hồng Lĩnh thể hiện sự đa chiều và đa sắc về khả năng kết nối hiệu quả của chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp địa phương trong việc quản lý các lĩnh vực khác nhau. Điều này tạo ra một hệ thống quản lý toàn diện, không chỉ tập trung vào một mặt mà còn đa dạng hóa và cải thiện toàn diện. Kết quả tốt của Thị xã Hồng Lĩnh thể hiện trong các chỉ số cụ thể như minh bạch thông tin, năng động của chính quyền, chi phí thời gian và chi phí không chính thức có thể phản ánh chính sách quản lý tích cực và chiến lược hợp lý. Kiểm soát chi phí và tối ưu hóa thời gian trong các quá trình hành chính và kinh doanh là những mục tiêu quan trọng mà Thị xã Hồng Lĩnh đã đạt được. Tiếp theo là Thành phố Hà Tĩnh và Huyện Hương Khê, hai địa phương quan trọng trong bảng xếp hạng với 4/9 chỉ số luôn nằm trong top 3 các địa phương dẫn đầu. Thành phố Hà Tĩnh đã xuất sắc giữ vững vị thế dẫn đầu trong các chỉ số như tính năng động của chính quyền địa phương, chi phí thời gian, chi phí không chính thức và vai trò của người đứng đầu. Còn Huyện Hương Khê cũng là một tâm điểm quan trọng, đặc biệt là trong việc thúc đẩy tính minh bạch và tiếp cận thông tin, tính năng động của Chính quyền địa phương và vai trò của người đứng đầu. Sự đóng góp tích cực từ Thành phố Hà Tĩnh và Huyện Hương Khê không chỉ thể hiện sức mạnh cụ thể của những địa phương này mà còn là nguồn động viên mạnh mẽ cho sự phát triển toàn diện của tỉnh Hà Tĩnh. Huyện Cẩm Xuyên là địa phương được ghi nhận là đã có sự cải thiện đáng kể trong vị trí của mình, với mức tăng 49,49 điểm trong bảng xếp hạng DDCI năm 2023. Đây là địa phương đứng thứ cuối bảng xếp hạng DDCI năm 2021, nhưng năm 2023 đã vươn lên đứng thứ 10. Trái lại, Huyện Vũ Quang giảm điểm và thứ hạng và nằm ở vị trí cuối cùng trong bảng xếp hạng, với 7/9 chỉ tiêu xếp hạng nằm trong top 3 địa phương thấp điểm. Tuy nhiên vẫn có điểm sáng trong bộ chỉ số DDCI 2023 khi khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương đứng cuối chỉ còn là 57,73 điểm, giảm đáng kể so với mức chênh lệch là 75,68 điểm ở DDCI 2021. Sự thu hẹp này phản ánh một sự tương đồng về chất lượng quản lý giữa các địa phương.

Có thể thấy rằng, hầu hết ở các địa phương đánh giá khá tốt các khía cạnh về năng lực điều hành của chính quyền huyện, thị xã và thành phố. Điểm trung bình của các chỉ số thành phần trong DDCI Hà Tĩnh 2023 của khối địa phương đã có sự thay đổi so với năm 2021. Đứng đầu là chỉ số Thiết chế pháp lý với 6,93 điểm; Mảng chi phí không chính thức đã có sự cải thiện đáng kể và có điểm số gần cao nhất (6,90 điểm). Từ đó có thể thấy rằng chỉ số thiết chế pháp lý mà các Doanh nghiệp luôn lo sợ cùng với chỉ số nhạy cảm trong chỉ số thành phần cấu thành PCI – Chi phí không chính thức đã được hạn chế và phát triển theo hướng tích cực, gỡ bỏ dần rào cản trong hoạt động cải cách hành chính, cũng như trở ngại trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế trong hoạt động kinh doanh của tỉnh Hà Tĩnh trong năm vừa qua. Xếp cuối trong DDCI năm 2023 của khối Địa phương là chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định sử dụng đất với 5,47 điểm. Đây là yếu tố chỉ số cần phải ưu tiên tập trung cải thiện cho nhóm địa phương.

Đối với Khối Sở, ban, ngành: Cục Hải Quan và Sở Tài chính đã có bước chuyển mình mạnh mẽ. Cục Hải Quan, từ vị trí 16 lên vị trí đầu bảng trong DDCI 2023, là một biểu hiện rõ ràng về sự cải thiện đáng kể trong hoạt động quản lý và điều hành của cơ

quan này. Việc tăng 7,31 điểm và lên đến 16 bậc so với DDCI 2021 không chỉ là một thành tích ấn tượng mà còn chứng minh sự cam kết và nỗ lực của Cục Hải Quan trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu các thách thức quản lý. Năm 2023, Cục Hải quan đã có 7/8 chỉ tiêu trong bảng xếp hạng DDCI thuộc top 5 đơn vị đứng đầu. Điều này có thể đồng nghĩa với việc Cục Hải Quan đã thực hiện hiệu quả các biện pháp cải thiện và tối ưu hóa quy trình làm việc. Cơ quan này đã thực hiện các chiến lược hiện đại hóa, áp dụng công nghệ thông tin và tăng cường khả năng quản lý để đáp ứng nhanh chóng với yêu cầu của môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp. Đáng chú ý là Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh đã vươn lên từ vị trí thứ 14 năm 2021 lên vị trí thứ 2 trong DDCI 2023 với 6/8 chỉ tiêu thuộc top 5. Sự cải thiện đáng kể này có thể là kết quả của quản lý tài chính hiệu quả, quản lý nguồn lực một cách bền vững và có thể là việc áp dụng các chiến lược linh hoạt và đổi mới trong quá trình quản lý ngân sách và tài chính địa phương. Sự tiến bộ của Cục Hải Quan và Sở Tài chính là những điểm sáng quan trọng, đồng thời đặt ra thách thức và cơ hội cho các đơn vị khác để theo đuổi và nâng cao chất lượng quản lý của mình. Điều này góp phần làm tăng cường sự hiệu quả và minh bạch trong quản lý hành chính, góp phần quan trọng vào sự phát triển toàn diện của tỉnh Hà Tĩnh.

Các ban như BQL Dự án Đầu tư xây dựng công trình Giao thông Tỉnh, BQL Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Tỉnh và BQL Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh, mặc dù không đứng ở các vị trí dẫn đầu, nhưng đã ghi nhận có sự cải thiện. Điểm trung bình của khối Sở Ban Ngành là 61,93 điểm, cho thấy hầu hết các Sở Ban Ngành đều được đánh giá mức khá và tốt, phản ánh sự đánh giá tích cực của cộng đồng doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ chung của chính quyền toàn tỉnh Hà Tĩnh. Các đơn vị ở cận dưới của nhóm “Khá” không chênh lệch nhiều so với các đơn vị của nhóm “Tốt”. Do đó, các đơn vị thuộc nhóm “Khá” có tiềm năng cao để tiến lên vươn lên những vị trí dẫn đầu trong DDCI 2023 và các năm tiếp theo. Tuy nhiên, cần chú ý đến Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội và BQL Dự án Đầu tư Xây dựng khu kinh tế Tỉnh, đứng ở vị trí cuối bảng xếp hạng, đặc biệt là các đơn vị liên quan trực tiếp đến thuế và bảo hiểm xã hội, cũng như quản lý hoạt động đầu tư xây dựng khu kinh tế trong tỉnh, vẫn là những vấn đề nóng đang thu hút sự quan tâm.

Đối với xếp hạng các chỉ số thành phần của khối Sở, ban ngành, điểm trung bình của các chỉ số trong DDCI 2023 ít biến động. Chẳng hạn, điểm số trung bình về “Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh” đứng ở vị trí cao nhất với 7,63 điểm, tiếp theo là “Thiết chế pháp lý”. Mảng về “Chi phí thời gian” xếp ở vị trí cuối cùng của 8 chỉ số thành phần DDCI 2023 Khối Sở, ban, ngành đồng nghĩa với việc cần chú trọng và cải thiện trong thời gian tới.

4.2. Kiến nghị chính sách

Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ mở ra hành trình quan trọng trong việc cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tinh thần của Nghị quyết này đặt ra những mục tiêu và định hình chiến lược cho cả nước, trong đó có tỉnh Hà Tĩnh, trong giai đoạn 2021-2025 với tầm nhìn hướng đến năm 2030. Nghị quyết đánh dấu một bước quan trọng trong việc tái cấu trúc cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh, hấp dẫn đầu tư và thúc đẩy sự phát triển toàn diện. Chính sách và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết tập trung vào việc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm bớt khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh, cũng như tăng cường quản lý và hiệu suất của các cơ quan chức năng.

Tại tỉnh Hà Tĩnh, tinh thần của Nghị quyết 02/NQ-CP đã được hiện thực hóa thông qua việc triển khai và đánh giá chỉ số DDCI. Bằng cách đo lường và đánh giá nhiều chỉ số khác nhau, DDCI cung cấp cái nhìn toàn diện về hiệu suất và khả năng cạnh tranh của các địa phương và các Sở Ban Ngành tại Hà Tĩnh, giúp các địa phương và đơn vị thuộc Tỉnh hiểu rõ hơn về điểm mạnh để phát huy và những điểm yếu cần cải thiện. Chính vì vậy, DDCI 2023 của tỉnh Hà Tĩnh không chỉ là công cụ đánh giá mà còn định hình chính sách và chiến lược phát triển, nhằm nâng cao môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư cho Tỉnh.

Những khuyến nghị chính sách được đề xuất trong bối cảnh này nhằm mục đích điều chỉnh và tối ưu hóa quy trình hành chính, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và tăng cường năng lực cạnh tranh của tỉnh.

(1) Đối với UBND tỉnh Hà Tĩnh

Để cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số DDCI, cần đưa ra những chính sách cụ thể và biện pháp hành động nhất quán. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn và thách thức, UBND tỉnh cần tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp được nêu tại Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ. Điều này đòi hỏi sự quyết đoán và sáng tạo trong quản lý hành chính, chính sách và cơ chế của Tỉnh.

Thứ nhất, một trong những yếu tố quan trọng nhất đối với cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh Hà Tĩnh là công cuộc cải cách thể chế. UBND tỉnh cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế nhằm tạo điều kiện thuận lợi và minh bạch cho doanh nghiệp. Điều này giúp nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của quá trình quản lý hành chính công, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp hoạt động một cách dễ dàng và có trách nhiệm hơn.

Thứ hai, chú trọng, nâng cao chất lượng ban hành văn bản QPPL. Việc rà soát các văn bản QPPL đang có sẽ giúp phát hiện và giải quyết các mâu thuẫn, chồng chéo trong quy định, từ đó đảm bảo tính nhất quán và rõ ràng trong quy phạm pháp luật. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về quy định mà còn giảm bớt sự phức tạp và khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Thứ ba, xác định việc giảm bớt và đơn giản hóa thủ tục hành chính là một ưu tiên quan trọng. Qua đó, doanh nghiệp có thể tiếp cận các dịch vụ công một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn, giúp tăng cường sự hài lòng và sự tin tưởng từ phía doanh nghiệp.

Thứ tư, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Điều này giúp tạo ra sự linh hoạt và tiện lợi cho doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu thời gian và chi phí cho cả hai bên.

Thứ năm, tập trung vào việc đào tạo và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức tham gia quản lý hành chính để đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác quản lý; nghiên cứu, thực hiện việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ sáu, chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai quy hoạch tỉnh có hiệu quả, giải quyết những chông chéo, vướng mắc, mâu thuẫn giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch đất đai và quy hoạch xây dựng tại các huyện, thành phố. Điều này giúp tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư hoàn thành thủ tục xin quyết định chủ trương đầu tư.

Thứ bảy, hỗ trợ, nâng cao vai trò của các đơn vị đồng hành cùng doanh nghiệp như: Trung tâm Hỗ trợ PTDN và Xúc tiến đầu tư; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Hà Tĩnh trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp, hỗ trợ giải quyết khó khăn vướng mắc và khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động xã hội.

Thứ tám, chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông trong lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, qua đó tạo sự đồng thuận, thông cảm và chia sẻ những khó khăn giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp. Việc tập huấn, truyền thông rộng rãi về DDCI là nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo tất cả các cán bộ trong bộ máy nhà nước phải hiểu rõ, hiểu đúng thì mới tạo ra được sự hiệu ứng đồng bộ cải thiện dịch vụ công tạo ra sự hài lòng của doanh nghiệp. Việc này cũng cần áp dụng mạnh mẽ tới cộng đồng doanh nghiệp thông qua Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp và các giải pháp truyền thông phù hợp. Để thực hiện được nhiệm vụ này UBND tỉnh cần bổ sung ngân sách cho nhiệm vụ điều tra DDCI trong các năm kế tiếp.

Thứ chín, thực hiện chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Các biện pháp có thể bao gồm việc thành lập các quỹ hỗ trợ để tài trợ cho nghiên cứu và phát triển, đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, khuyến khích sự áp dụng của công nghệ mới trong quá trình sản xuất kinh doanh. Những chính sách này sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nâng cao khả năng đổi mới với cả thách thức và cơ hội trong một môi trường kinh doanh đang ngày càng biến động

Thứ mười, Cần quan tâm đến việc đưa ra chính sách mới, giá trị nhằm giảm chi phí không chính thức và tối đa hoá quy trình kinh doanh cho doanh nghiệp, cụ thể như (i) chính sách ưu đãi thuế và lệ phí có thể được điều chỉnh, linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tế để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, thiết lập các ưu đãi phù hợp cho những doanh nghiệp hướng tới hoạt động bền vững, giảm ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường; (ii) chính sách hỗ trợ tài chính cũng đóng vai trò quan trọng, với việc tổ chức các chương trình vay vốn lãi suất ưu đãi và hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp tham gia các chương trình nâng cao năng lực quản lý. Khuyến khích sử dụng công nghệ là một hướng đi quan trọng khác, giúp doanh nghiệp giảm chi phí hoạt động thông qua tối ưu hóa quy trình và chuyển đổi sang mô hình kinh doanh số và (iii) chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cũng được đề xuất, với mục tiêu tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và giảm chi phí đào tạo nội bộ. Những chính sách này, khi được thực hiện hiệu quả, sẽ không chỉ giúp giảm chi phí không chính thức mà còn tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích sự đổi mới và phát triển bền vững cho doanh nghiệp tại tỉnh Hà Tĩnh.

Cuối cùng, xây dựng một hệ thống thu thập dữ liệu DDCI thông qua hệ thống trực tuyến và công bố kết quả DDCI một cách công khai hàng năm. Điều này giúp tăng tính minh bạch và minh chứng cho sự cam kết của tỉnh Hà Tĩnh đối với quá trình cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư. Trên cơ sở kết quả khảo sát, hệ thống phiếu đánh giá nên được tích hợp vào cổng dịch vụ công, giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và phản hồi về các chỉ số. Điều này làm tăng tương tác giữa chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp, góp phần vào quá trình cải cách liên tục. Các cấp lãnh đạo cần xem xét khả năng đưa kết quả xếp loại DDCI của các sở, ban, ngành, địa phương thành một trong những tiêu chí đánh giá và xếp loại thi đua hàng năm của đơn vị và người đứng đầu đơn vị. Điều này sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho các tổ chức cấp dưới để tập trung vào việc cải thiện chỉ số và làm việc hiệu quả hơn. Ngoài ra, có thể xem xét việc đánh giá và xếp loại cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, và tổ chức cơ sở Đảng để tăng cường sự minh bạch và động lực trong quá trình cải cách và phát triển.

(2) Đối với chính quyền địa phương và các Sở, ban, ngành

Thứ nhất, trong giai đoạn sắp tới, việc xúc tiến đầu tư sẽ là một ưu tiên hàng đầu đối với chính quyền địa phương và các Sở, ban, ngành. Để đạt được mục tiêu này, cần tập trung vào việc cải thiện môi trường đầu tư, giải quyết các khó khăn của các doanh nghiệp, góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Ngoài ra, cần chủ động tiếp cận trực tiếp các nhà đầu tư chiến lược và thiết lập mối quan hệ với các thị trường lớn, hiệp hội doanh nghiệp, và ngân hàng lớn từ các quốc gia có chính sách chuyển dịch dòng vốn đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực ngành nghề có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, để đảm bảo sự thành công trong công tác xúc tiến đầu tư, địa phương và các Sở, ban, ngành cần tiếp tục đặc biệt chú trọng vào việc cải thiện các tiêu chí liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Việc tiếp tục cải thiện các tiêu chí liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh không chỉ là

chìa khóa để thu hút đầu tư mà còn là cơ hội để xây dựng một cộng đồng kinh doanh mạnh mẽ, minh bạch và phát triển bền vững. Một cơ sở hạ tầng hỗ trợ doanh nghiệp chặt chẽ sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực, thông tin và dịch vụ một cách dễ dàng hơn. Các biện pháp hỗ trợ bao gồm quy trình đăng ký doanh nghiệp nhanh chóng, đơn giản, cùng với các chính sách thuế linh hoạt và công bằng sẽ hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển của doanh nghiệp. Việc tăng cường hỗ trợ cho hợp tác xã và hộ kinh doanh cũng rất quan trọng, khuyến khích sự hợp tác và phát triển bền vững. Qua đó, không chỉ tăng cường sức cạnh tranh của nhóm đối tượng này mà còn đóng góp vào việc xây dựng cộng đồng kinh doanh đa dạng và phong phú. Bên cạnh đó, việc công khai và minh bạch đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng niềm tin của doanh nghiệp. Chính quyền địa phương và lãnh đạo sở ban ngành cần đảm bảo rằng mọi thông tin liên quan đến hỗ trợ, chính sách và quy trình là công khai và dễ tiếp cận. Điều này giúp nâng cao lòng tin từ phía doanh nghiệp, đặc biệt là từ các doanh nghiệp mới hoặc nhỏ.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và đơn giản hoá thủ tục, đặc biệt là tại khối chính quyền địa phương, sẽ giúp tạo ra một môi trường kinh doanh hiện đại, linh hoạt và hỗ trợ doanh nghiệp một cách tốt nhất, đồng thời đóng góp vào mục tiêu chuyển đổi số của quốc gia. Các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương cần chủ động triển khai các giải pháp công nghệ thông tin hoặc hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận và giải quyết các thủ tục hành chính thông qua các kênh trực tuyến thay vì phương tiện truyền thống. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thủ tục hành chính mang lại nhiều lợi ích, bao gồm tăng cường sự minh bạch, giảm thiểu rủi ro và giảm bớt thời gian làm thủ tục cho doanh nghiệp. Việc doanh nghiệp sử dụng các kênh trực tuyến sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính một cách thuận tiện và hiệu quả. Ngoài ra, việc cung cấp/nâng cấp hướng dẫn chi tiết và minh bạch trong các quy trình giúp giảm nguy cơ phải chỉnh sửa hồ sơ, từ đó giảm thời gian và chi phí cho cả doanh nghiệp và chính quyền.

Thứ tư, Tập trung mạnh mẽ vào việc nâng cao trình độ nghiệp vụ, thái độ, và sự chuyên nghiệp của cán bộ thực hiện công tác tiếp xúc, giải quyết thủ tục, và hỗ trợ doanh nghiệp. Điều này không chỉ đảm bảo sự hài lòng của doanh nghiệp mà còn thúc đẩy môi trường kinh doanh tích cực và hấp dẫn cho nhà đầu tư. Đầu tiên và quan trọng nhất, cần đảm bảo đủ số lượng cán bộ phục vụ tại các phòng ban để giải quyết tình trạng quá tải, giảm áp lực công việc mà còn tạo điều kiện cho cán bộ có thời gian và tâm trí để tập trung vào chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, chú trọng đến việc đào tạo trình độ nghiệp vụ, thái độ, và sự chuyên nghiệp của cán bộ là quan trọng để đảm bảo rằng họ có khả năng giải quyết các vấn đề và thách thức một cách hiệu quả.

Thứ năm, để giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý đất đai, các địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường cần tăng cường nỗ lực trong việc công khai và minh bạch thông tin về quy hoạch đất đai, đặc biệt là quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, thương mại và nhà ở thương mại. Để đạt được điều này, chính quyền địa phương cần ưu tiên hỗ trợ trong công tác giải phóng mặt bằng một cách minh bạch, công

bằng và đúng theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của cả cộng đồng. Công khai và ổn định các quy hoạch liên quan đến đất đai là chìa khóa để xây dựng sự tin tưởng từ phía doanh nghiệp và cộng đồng, giúp doanh nghiệp có thể dựa vào thông tin chính xác và đáng tin cậy để đưa ra quyết định đầu tư. Đồng thời, nó cũng giúp ổn định môi trường kinh doanh và giảm bớt rủi ro phát sinh từ việc sử dụng đất.

Sáu là, ưu tiên đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tại khối chính quyền địa phương, tập trung vào đối thoại, trao đổi thông tin và giải quyết các vướng mắc. Điều này giúp tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi và tích cực, kích lệ sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, nâng cao sự thấu hiểu và lòng tin giữa cả chính quyền và doanh nghiệp. Các sự kiện như cuộc họp, hội thảo, tọa đàm và gặp gỡ doanh nghiệp cần được tổ chức thường xuyên để giải quyết nhanh chóng các khó khăn và vướng mắc mà doanh nghiệp đang gặp phải.

Cuối cùng, để đạt được sự cải thiện trong lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính và môi trường đầu tư kinh doanh, các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương của Hà Tĩnh cần tập trung vào nghiên cứu kỹ những chỉ tiêu và chỉ số liên quan đến chỉ số PCI và chỉ số DDCI, trên cơ sở đó tham mưu UBND tỉnh các giải pháp phù hợp. Ngoài ra, cần chú trọng công tác tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, và viên chức trong toàn tỉnh về Bộ chỉ số DDCI và tầm quan trọng, vai trò của họ trong việc triển khai đúng, đầy đủ các chỉ đạo của UBND tỉnh một cách có trách nhiệm, hiệu quả nhằm cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nếu các chính sách này được thực hiện một cách có hiệu quả, đồng bộ và có trách nhiệm không chỉ tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh Hà Tĩnh mà còn sự thu hút, phát triển doanh nghiệp địa phương, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Tĩnh.

(3) Đối với Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh và các Hiệp hội của doanh nghiệp, doanh nhân Hà Tĩnh

Thứ nhất, nâng cao vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp Hà Tĩnh để xây dựng một cộng đồng doanh nghiệp mạnh mẽ và đoàn kết tại tỉnh. Đầu tiên, Hiệp hội có thể đóng vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan chính phủ, cần xác định rõ mục tiêu và chiến lược, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực để đảm bảo hiệu quả trong công tác xúc tiến đầu tư. Bằng cách này, Hiệp hội có thể gắn kết sự hỗ trợ của cơ quan chính phủ với nhu cầu và mong muốn cụ thể của doanh nghiệp. Tiếp theo, vai trò của Hiệp hội còn nằm ở việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các doanh nghiệp. Thông qua việc hỗ trợ giải quyết các vấn đề pháp lý và thách thức pháp lý, Hiệp hội có thể tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng và minh bạch, củng cố niềm tin của doanh nghiệp và nâng cao uy tín và chất lượng của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Hà Tĩnh.

Thứ hai, khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động xã hội để tạo ra ảnh hưởng tích cực đối với cộng đồng. Hiệp hội có thể chủ động tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia vào các dự án xã hội có ý nghĩa nhằm cải thiện hình ảnh công ty và đóng góp vào sự phát triển toàn diện của cộng đồng, tăng cường lòng tự hào của doanh nghiệp và tạo ra một tác động tích cực trong môi trường kinh doanh tỉnh Hà Tĩnh.

Thứ ba, khuyến khích doanh nghiệp thành viên hợp tác trong các dự án nghiên cứu và phát triển (R&D). Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng sáng tạo mà còn tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới, nâng cao cạnh tranh toàn cầu và địa phương.

Thứ tư, thiết lập mạng lưới kết nối doanh nghiệp để tổ chức các sự kiện, hội thảo, và các hoạt động kết nối để tạo cơ hội cho doanh nghiệp gặp gỡ, chia sẻ kinh nghiệm, và tạo ra mối quan hệ hợp tác. Một mạng lưới chặt chẽ giữa các doanh nghiệp sẽ tạo ra sự đồng thuận và hỗ trợ trong quá trình phát triển.

Thứ năm, tham mưu với UBND tỉnh trong việc hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp của tỉnh; xúc tiến, hỗ trợ, tư vấn, thu hút đầu tư trực tiếp trong và ngoài nước vào địa bàn tỉnh. Trung tâm cần cung cấp thông tin kinh tế xã hội phục vụ chiến lược đầu tư của tỉnh cần phối hợp với các cấp, ngành, địa phương tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp để đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư cả về nội dung và phương thức, ưu tiên có chọn lọc các thị trường chiến lược đối với các ngành lĩnh vực trọng điểm. Việc thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đầu tư vào các dự án có quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường cũng được xem là trách nhiệm cốt lõi của đơn vị.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Danh sách các sở, ban, ngành trong DDCI Hà Tĩnh 2023

STT	Sở, Ban, Ngành của tỉnh Hà Tĩnh
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
2	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
6	Bảo hiểm xã hội tỉnh
7	Công an tỉnh
8	Cục Hải quan tỉnh
9	Cục Thuế tỉnh
10	Ngân hàng nhà nước tỉnh
11	Sở Công thương
12	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Sở Giao thông vận tải
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Sở Tài chính
19	Sở Tài nguyên và Môi trường
20	Sở Thông tin và Truyền thông
21	Sở Tư pháp
22	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
23	Sở Xây dựng
24	Sở Y tế

Phụ lục 2. Danh sách các huyện và thành phố trong DDCI Hà Tĩnh 2023

STT	Huyện, Thành phố
1	Huyện Cẩm Xuyên
2	Huyện Can Lộc
3	Huyện Đức Thọ
4	Huyện Hương Khê
5	Huyện Hương Sơn
6	Huyện Kỳ Anh
7	Huyện Lộc Hà
8	Huyện Nghi Xuân
9	Huyện Thạch Hà
10	Huyện Vũ Quang
11	Thành phố Hà Tĩnh
12	Thị xã Hồng Lĩnh
13	Thị xã Kỳ Anh

Phụ lục 3. Kết quả xếp hạng và chỉ số thành phần DDCI - Khối địa phương

TT	Huyện, Thành phố, Thị xã	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chi số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
1	Thị xã Hồng Lĩnh	1 - Rất tốt	Tổng điểm DDCI	98.42	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9.56	1
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	9.33	1
			Chi phí thời gian	9.1	1
			Chi phí không chính thức	9.41	2
			Cạnh tranh bình đẳng	8.94	2
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.73	4
			Thiết chế pháp lý	8.78	2
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.21	3
			Tiếp cận đất đai và ổn định	7.7	1
2	Thành phố Hà Tĩnh	2 - Rất tốt	Tổng điểm DDCI	85.42	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.19	6
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	8.04	3
			Chi phí thời gian	8.32	2
			Chi phí không chính thức	9.63	1
			Cạnh tranh bình đẳng	6.59	4
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7.63	1
			Thiết chế pháp lý	8.16	4
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	4.87	9
			Tiếp cận đất đai và ổn định	6.82	4
3	Huyện Hương Khê	3 - Rất tốt	Tổng điểm DDCI	82.6	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7.54	2
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	8.37	2
			Chi phí thời gian	5.38	10
			Chi phí không chính thức	8.85	4
			Cạnh tranh bình đẳng	5.29	10
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	5.45	8
			Thiết chế pháp lý	7.34	6
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.24	1
			Tiếp cận đất đai và ổn định	7.34	2
44	Huyện Thạch Hà	4 - Tốt	Tổng điểm DDCI	78.2	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.09	8
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	7.92	4
			Chi phí thời gian	7.01	4
			Chi phí không chính thức	6.95	7
Cạnh tranh bình đẳng	7.13	3			

			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.54	6
			Thiết chế pháp lý	8.29	3
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	4.11	11
			Tiếp cận đất đai và ổn định	6.84	3
5	Thị xã Kỳ Anh	5 - Tốt	Tổng điểm DDCI	77.24	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.05	10
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	5.79	10
			Chi phí thời gian	7.57	3
			Chi phí không chính thức	8.99	3
			Cạnh tranh bình đẳng	6.33	6
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	3.42	12
			Thiết chế pháp lý	5.95	10
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.24	1
			Tiếp cận đất đai và ổn định	6.41	6
6	Huyện Kỳ Anh	6 - Tốt	Tổng điểm DDCI	75.27	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.1	7
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	4.52	12
			Chi phí thời gian	6.34	7
			Chi phí không chính thức	7.99	5
			Cạnh tranh bình đẳng	5.73	8
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7.58	2
			Thiết chế pháp lý	9.45	1
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	6.13	5
			Tiếp cận đất đai và ổn định	6.56	5
7	Huyện Đức Thọ	7 - Tốt	Tổng điểm DDCI	74.79	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.49	4
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	7.37	5
			Chi phí thời gian	5.6	9
			Chi phí không chính thức	5.34	11
			Cạnh tranh bình đẳng	6.47	5
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7	3
			Thiết chế pháp lý	6.63	9
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.17	4
			Tiếp cận đất đai và ổn định	5.41	8
8	Huyện Can Lộc	8 - Tốt	Tổng điểm DDCI	73.79	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.58	3
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.7	7
			Chi phí thời gian	6.81	5
			Chi phí không chính thức	7.15	6
			Cạnh tranh bình đẳng	9.03	1
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	2.75	13

			Thiết chế pháp lý	7.84	5
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	5.6	7
			Tiếp cận đất đai và ổn định	5.62	7
9	Huyện Hương Sơn	9 - Khá	Tổng điểm DDCI	65.45	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	3.09	13
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.93	6
			Chi phí thời gian	6.36	6
			Chi phí không chính thức	5.84	10
			Cạnh tranh bình đẳng	4.35	12
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.21	7
			Thiết chế pháp lý	7.01	7
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	4.71	10
			Tiếp cận đất đai và ổn định	4.21	10
10	Huyện Cẩm Xuyên	10 - Khá	Tổng điểm DDCI	63.26	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.37	5
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.42	9
			Chi phí thời gian	5.7	8
			Chi phí không chính thức	6.81	8
			Cạnh tranh bình đẳng	4.27	13
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	4.06	10
			Thiết chế pháp lý	5.74	11
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	5.73	6
Tiếp cận đất đai và ổn định	4.14	11			
11	Huyện Nghi Xuân	11 - TB	Tổng điểm DDCI	58.89	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.06	9
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.55	8
			Chi phí thời gian	4.18	11
			Chi phí không chính thức	4.34	12
			Cạnh tranh bình đẳng	5.57	9
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	5.12	9
			Thiết chế pháp lý	6.99	8
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	3.67	12
Tiếp cận đất đai và ổn định	4.51	9			
12	Huyện Lộc Hà	12 - TB	Tổng điểm DDCI	53.87	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5.8	11
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	5.67	11
			Chi phí thời gian	3.72	13
			Chi phí không chính thức	6.58	9
			Cạnh tranh bình đẳng	5.07	11
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	3.96	11
			Thiết chế pháp lý	4.36	12
Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	4.93	8			

			Tiếp cận đất đai và ổn định	2.99	12
13	Huyện Vũ Quang	13 - Tương đối thấp	Tổng điểm DDCI	40.69	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5.02	12
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	1.76	13
			Chi phí thời gian	4.18	11
			Chi phí không chính thức	1.84	13
			Cạnh tranh bình đẳng	5.94	7
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.72	5
			Thiết chế pháp lý	3.52	13
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	2.62	13
			Tiếp cận đất đai và ổn định	2.54	13

**Phụ lục 4. Kết quả xếp hạng và chỉ số thành phần DDCI
khối Sở Ban Ngành**

TT	Sở, ban, ngành	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chi số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
			Tổng điểm DDCI	75.33	
1	Cục Hải quan Tỉnh	1 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9.86	1
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	8.42	3
			Chi phí thời gian	8.03	3
			Chi phí không chính thức	7.25	10
			Cạnh tranh bình đẳng	9.25	1
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	5.68	20
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.84	3
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.41	7
			Tổng điểm DDCI	74.11	
2	Sở Tài chính	2 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8.17	2
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.97	10
			Chi phí thời gian	7.5	5
			Chi phí không chính thức	7.28	9
			Cạnh tranh bình đẳng	8.95	2
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	9.68	1
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	9	2
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.07	11
			Tổng điểm DDCI	70.72	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	3 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.96	10
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	5.87	19
			Chi phí thời gian	8.41	2
			Chi phí không chính thức	9.97	2
			Cạnh tranh bình đẳng	8.44	7
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7.76	16
			Thiết chế pháp lý	9	6
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.32	12

			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.68	4
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4 - Tốt	Tổng điểm DDCI	70.63	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.05	16
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	8.52	2
			Chi phí thời gian	7.41	6
			Chi phí không chính thức	7.67	5
			Cạnh tranh bình đẳng	7.71	9
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7.9	15
			Thiết chế pháp lý	9.14	3
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.39	10
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.36	8
5	Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh	5 - Tốt	Tổng điểm DDCI	70.43	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8.11	3
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.96	11
			Chi phí thời gian	6.2	14
			Chi phí không chính thức	7.79	2
			Cạnh tranh bình đẳng	8.72	4
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.09	11
			Thiết chế pháp lý	9.02	5
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.67	9
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.86	3
6	Sở Khoa học và Công nghệ	6 - Khá	Tổng điểm DDCI	69.59	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8.11	3
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	7.76	7
			Chi phí thời gian	6.65	10
			Chi phí không chính thức	7.74	4
			Cạnh tranh bình đẳng	7.15	13
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.32	23
			Thiết chế pháp lý	7.54	14
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.7	4
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.12	10
7	Sở Lao động,	7 -	Tổng điểm DDCI	69.57	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8.52	18

	Thương binh và Xã hội	Khá	Tính năng động của Chính quyền địa phương	7.99	5
			Chi phí thời gian	6.56	11
			Chi phí không chính thức	7.46	7
			Cạnh tranh bình đẳng	8.54	5
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	9.05	4
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.25	5
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	3.84	21
8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	8 - Khá	Tổng điểm DDCI	68.68	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7.18	8
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	7.87	6
			Chi phí thời gian	7.81	4
			Chi phí không chính thức	7.01	14
			Cạnh tranh bình đẳng	8.81	3
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7.59	18
			Thiết chế pháp lý	8.1	10
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	6.42	16
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	6.1	2
9	Sở Giao thông vận tải	9 - Khá	Tổng điểm DDCI	68.11	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8.11	3
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	5.3	21
			Chi phí thời gian	7.15	9
			Chi phí không chính thức	7.13	13
			Cạnh tranh bình đẳng	5.85	15
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	7.43	15
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	9.11	1
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	3.97	19
10	Ngân hàng Nhà nước Tỉnh	10 - Khá	Tổng điểm DDCI	67.92	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.88	11
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	8.33	4
			Chi phí thời gian	7.23	8
			Chi phí không chính thức	7.19	11
			Cạnh tranh bình đẳng	7.33	11

			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8	13
			Thiết chế pháp lý	9.61	2
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	6.88	15
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	4.29	5
11	Sở Công thương	11 - Khá	Tổng điểm DDCI	66.69	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.34	15
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	8.62	1
			Chi phí thời gian	6.22	13
			Chi phí không chính thức	6.72	6
			Cạnh tranh bình đẳng	7.69	10
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.46	20
			Thiết chế pháp lý	5.19	22
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.78	8
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.68	4
12	Sở Tư pháp	12 - Khá	Tổng điểm DDCI	66.61	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7.97	6
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.94	12
			Chi phí thời gian	8.97	1
			Chi phí không chính thức	8.18	1
			Cạnh tranh bình đẳng	8.46	6
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	2.5	24
			Thiết chế pháp lý	6.19	19
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.93	7
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	4.27	16
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13 - Khá	Tổng điểm DDCI	66.06	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7.11	9
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	5.99	18
			Chi phí thời gian	6.33	12
			Chi phí không chính thức	6.54	15
			Cạnh tranh bình đẳng	7.83	8
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.07	12
			Thiết chế pháp lý	8.34	8
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	6.17	18

			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	8.71	1
14	Sở Thông tin và Truyền thông	14 - Khá	Tổng điểm DDCI	66.07	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7.25	7
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	5.63	20
			Chi phí thời gian	7.24	7
			Chi phí không chính thức	4.64	20
			Cạnh tranh bình đẳng	5.48	19
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	6.92	16
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.2	13
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	3.89	20
15	Sở Xây dựng	15 - Khá	Tổng điểm DDCI	66.05	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5.42	22
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	7.16	9
			Chi phí thời gian	5.54	16
			Chi phí không chính thức	5.57	18
			Cạnh tranh bình đẳng	6.36	14
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	8.14	9
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	6.16	19
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.44	6
16	Công An Tỉnh	16 - TB	Tổng điểm DDCI	59.75	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.03	17
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	7.29	8
			Chi phí thời gian	5	19
			Chi phí không chính thức	6	16
			Cạnh tranh bình đẳng	5.12	22
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7	19
			Thiết chế pháp lý	8.75	7
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.12	14
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	4.77	12
17	Ban Quản lý	17 -	Tổng điểm DDCI	59.13	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.51	14

		TB	Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.27	13
			Chi phí thời gian	4.83	20
			Chi phí không chính thức	4.63	21
			Cạnh tranh bình đẳng	5.29	21
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	7.92	11
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.07	6
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	4.17	17
18	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Tỉnh	18 - TB	Tổng điểm DDCI	57.37	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5.79	19
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	5.12	22
			Chi phí thời gian	5.48	17
			Chi phí không chính thức	5.22	19
			Cạnh tranh bình đẳng	5.56	16
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7.92	14
			Thiết chế pháp lý	7.69	12
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	7.38	11
19	Sở Tài nguyên và môi trường	19 - TB	Tổng điểm DDCI	56.91	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5.44	21
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.24	15
			Chi phí thời gian	4.3	21
			Chi phí không chính thức	7.43	8
			Cạnh tranh bình đẳng	7.19	12
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	7.7	17
			Thiết chế pháp lý	7.68	13
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	5.23	20
20	Sở Y tế	20 - TB	Tổng điểm DDCI	54.66	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	4.3	23
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.1	16
			Chi phí thời gian	4.12	22
			Chi phí không chính thức	7.19	11
			Cạnh tranh bình đẳng	5.39	20

			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.38	22
			Thiết chế pháp lý	5.27	21
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	6.27	17
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	5.19	9
21	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp & PTNT Tỉnh	21 - TB	Tổng điểm DDCI	54.25	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.6	13
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.08	17
			Chi phí thời gian	5.67	15
			Chi phí không chính thức	5.81	17
			Cạnh tranh bình đẳng	5.52	18
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	6.65	18
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	4.81	21
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	3.44	23
22	Cục Thuế Tỉnh	22 - Tương đối thấp	Tổng điểm DDCI	46.02	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5.68	20
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	6.25	14
			Chi phí thời gian	3.74	23
			Chi phí không chính thức	3.83	22
			Cạnh tranh bình đẳng	5.53	17
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	6.44	21
			Thiết chế pháp lý	6.89	17
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	4.2	23
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	4.52	14
23	Bảo hiểm xã hội Tỉnh	23 - Tương đối thấp	Tổng điểm DDCI	39.03	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6.72	12
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	3.55	24
			Chi phí thời gian	3.69	24
			Chi phí không chính thức	3.82	23
			Cạnh tranh bình đẳng	1.13	24
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	4.04	24
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	4.26	22

			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	1.25	24
24	BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế Tỉnh	24 - Tương đối thấp	Tổng điểm DDCI	34.65	
			Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	3.08	24
			Tính năng động của Chính quyền địa phương	3.66	23
			Chi phí thời gian	5.02	18
			Chi phí không chính thức	2.15	24
			Cạnh tranh bình đẳng	3.66	23
			Hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh	8.5	1
			Thiết chế pháp lý	5.19	22
			Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	1	24
			<i>Chỉ số ứng dụng CNTT</i>	3.77	22

Phụ lục 5. Các chỉ số thành phần, tiêu chí và phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
I	Các chỉ số thành phần chung (Mẫu phiếu A-H/TP và mẫu phiếu B-SBN)		
1	1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	1.1. DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan nhà nước?	
		<i>1. Các thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách mới</i>	A. Rất dễ tiếp cận B. Dễ tiếp cận
		<i>2. Các thông tin về chính sách ưu đãi dành cho doanh nghiệp</i>	A. Rất dễ tiếp cận B. Dễ tiếp cận
		1.2. Website của cơ quan nhà nước có đáp ứng được yêu cầu về cung cấp thông tin của DN/HTX/HKD không?	A. Đáp ứng đầy đủ B. Đáp ứng được phần lớn
		1.3. Theo DN/HTX/HKD, cần có "mối quan hệ" với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi không?	A. Không bao giờ cần B. Trong một số trường hợp
		1.4. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định sau: “Cơ quan nhà nước sẵn sàng cung cấp những thông tin, văn bản (trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website,) khi DN, HTX, HKD đề nghị”?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		1.5. Trong năm 2021, DN/HTX/HKD đã từng thực hiện TTHC tại Bộ phận một cửa của SBN chưa? Nếu DN/HTX/HKD chọn “Đã thực hiện”, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN/HTX/HKD với các nhận định dưới đây:	

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công được niêm yết công khai tại bảng thông tin và/hoặc cổng thông tin điện tử	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		3. Phí và lệ phí được SBN công khai minh bạch	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		4. Cán bộ ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		5. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN/HTX/HKD nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
2	2. Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	2.1. Cơ quan nhà nước có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách của cơ quan nhà nước cấp trên theo hướng có lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên
		2.2. Cơ quan nhà nước chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/HTX/HKD, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		2.3. Có hiện tượng các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương rất tốt nhưng khi thực hiện tại cơ quan nhà nước cấp dưới thì bị trì hoãn/chậm trễ hoặc thực hiện không đúng hay không?	A. Không thấy B. Có thấy nhưng không phổ biến

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		2.4. Nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn	A. Rất tin tưởng B. Tin tưởng
		2.5. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN/HTX/HKD, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương?	A. Rất tích cực B. Tích cực
		2.6. Cơ quan nhà nước đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN/HTX/HKD trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
3	3. Chi phí thời gian	3.1. DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về thời gian giải quyết công việc, TTHC của cơ quan nhà nước?	A. Sớm hơn so với giấy hẹn B. Đúng theo giấy hẹn
		3.2. DN/HTX/HKD có thể giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu được không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên
		3.3. DN/HTX/HKD có được cán bộ, công chức, viên chức tư vấn về những lợi ích khi giải quyết công việc, TTHC trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích và hướng dẫn quy trình thực hiện không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên
		3.4. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về tình trạng đùn đẩy công việc tại cơ quan nhà nước mà DN/HTX/HKD tới làm việc sang cho các sở, ban, ngành khác hoặc cho chính quyền địa phương hoặc lên các cấp thẩm quyền cao hơn?	A. Không có B. Ít khi

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		3.5. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về hoạt động thanh, kiểm tra của chính quyền địa phương (trong năm 2021), Nếu có, DN/HTX/HKD vui lòng cho biết ý kiến về những nhận định sau:	
		1. Không có hiện tượng những nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của địa phương	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		2. Hoạt động thanh kiểm tra không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		3. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		4. Không có hiện tượng chồng chéo/trùng lặp nội dung thanh tra với các sở ban ngành	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
4	4. Chi phí không chính thức	4.1. Trong năm 2021, DN/HTX/HKD phải trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước ở mức độ như thế nào so với doanh thu của DN/HTX/HKD?	A. Không phải trả B. Phải trả không đáng kể
		4.2. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định sau: "Khi không chi các khoản chi phí không chính thức, không có hiện tượng những nhiễu, gây khó khăn của cán bộ, công chức, viên chức và công việc của DN, HTX, HKD vẫn luôn được giải quyết theo quy định"?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		4.3. Trong các đợt thanh tra, kiểm tra, DN/HTX/HKD có phải đưa quà hay trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra không?	A. Không bao giờ B. Rất ít khi

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		4.4. Phí, lệ phí có được công khai tại cơ quan nhà nước và DN/HTX/HKD có thể thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi có yêu cầu không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên
5	5. Cạnh tranh bình đẳng	5.1. DN/HTX/HKD nhận định như thế nào về sự hiện diện của doanh nghiệp sản xuất và/hoặc doanh nghiệp có liên kết (“thân hữu”) với cơ quan nhà nước?	A. Không thấy B. Có thấy nhưng không phổ biến
		5.2. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định: “Sự quan tâm của cơ quan nhà nước không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN/HTX/HKD cho cơ quan nhà nước (như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho nhà nước, số tiền ủng hộ các chương trình/hoạt động,,,...)”?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		5.3. Có hiện tượng cơ quan nhà nước ưu tiên hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, công việc, TTTC cho các DN FDI, DN lớn so với DN nhỏ và vừa, HTX, HKD không?	A. Không thấy B. Có thấy nhưng không phổ biến
		5.4. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định: “Cơ quan nhà nước có nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của DN nhỏ và vừa, HTX, HKD”?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
6	6. Hỗ trợ DN, HTX, HKD	6.2. DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về chất lượng các chương trình hỗ trợ do cơ quan nhà nước thực hiện?	A. Rất thực chất B. Thực chất
		6.3. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về mức độ cải thiện trong hoạt động hỗ trợ DN/HTX/HKD của cơ quan nhà nước trong năm vừa qua?	A. Cải thiện rất nhiều B. Cải thiện nhiều
		6.4. Cơ quan nhà nước có nắm bắt và hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của	A. Luôn luôn B. Thường xuyên

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		DN/HTX/HKD gặp phải trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình không?	
		6.5. DN/HTX/HKD có hài lòng về kết quả hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc của cơ quan nhà nước không?	A. Rất hài lòng B. Hài lòng
		6.6. DN/HTX/HKD đã từng tham gia các buổi đối thoại do chính quyền địa phương tổ chức? Nếu DN/HTX/HKD chọn “Có”, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN/HTX/HKD với các nhận định dưới đây:	
		1. Đối thoại chủ yếu tập hợp các doanh nghiệp lớn	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		2. Vấn đề, quan ngại của doanh nghiệp được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		3. Chính quyền địa phương có kế hoạch cụ thể, tiếp thu và thay đổi sau đối thoại	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
7	7. Thiết chế pháp lý	7.1. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định sau: "Cơ quan nhà nước sẽ không bao che và nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi những nhiều DN/HTX/HKD"?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		7.2. Cơ quan nhà nước có tham mưu/ giải quyết/ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật/ tranh chấp của DN/HTX/HKD thuộc lĩnh vực/ phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời, công bằng không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên
		7.4. Nếu DN/HTX/HKD đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN/HTX/HKD về mức	A. Hoàn toàn hài lòng B. Hài lòng

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		độ hài lòng của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền?	
8	8. Tính năng động và vai trò của người đứng đầu	8.1. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan việc đánh giá vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước được khảo sát?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên
		<i>1. Lãnh đạo cơ quan nhà nước chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ</i>	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		<i>2. Lãnh đạo cơ quan nhà nước có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN/HTX/HKD</i>	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		<i>3. Lãnh đạo cơ quan nhà nước trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN/HTX/HKD</i>	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		<i>4. Lãnh đạo cơ quan nhà nước giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN/HTX/HKD sau buổi tham vấn, đối thoại</i>	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		<i>5. Lãnh đạo cơ quan nhà nước kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền</i>	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		<i>6. Lãnh đạo cơ quan nhà nước đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN/HTX/HKD phản ánh</i>	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		8.2. DN/HTX/HKD có tin tưởng rằng người đứng đầu cơ quan nhà nước đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của mình?	A. Rất tin tưởng B. Tin tưởng
		8.3. DN/HTX/HKD cảm nhận, đánh giá như thế nào về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo	A. Rất tích cực B. Tích cực

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương?	
II	Các chỉ số thành phần đặc thù cho huyện, thành phố (Mẫu phiếu A-H/TP)		
09	09. Tiếp cận đất đai	09.1. Mặt bằng kinh doanh của DN/HTX/HKD đang sử dụng có đáp ứng được nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh không?	A. Đáp ứng đầy đủ B. Đáp ứng một phần
		09.2. Giá đất theo Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn hiện nay có phù hợp không?	A. Rất phù hợp B. Phù hợp
		09.3. DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về mức độ rủi ro bị thu hồi đất khi sử dụng đất tại địa phương?	A. Rất thấp B. Thấp
		09.4. DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về nỗ lực hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng?	A. Rất tích cực B. Tích cực
		09.5. DN/HTX/HKD cho ý kiến với các nhận định sau (chỉ chọn 1 phương án với mỗi nhận định sau)	
		1. DN/HTX/HKD gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp nếu có nhu cầu tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh tại địa phương	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý
		2. Chính quyền công khai, minh bạch lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng DN/HTX/HKD và người dân về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của địa phương	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý

Ghi chú: Số thứ tự của Chỉ số thành phần và các tiêu chí trong bảng trên trùng với số thứ tự trong phiếu khảo sát và trong các bảng biểu tổng hợp điểm.

